VINASEED®

A MEMBER OF THE PAN GROUP

Annual Report 2020

www.vinaseed.com.vn

SỰ KIỆN TIÊU BIỂU
NĂM 2020



Vinaseed khẳng định vị thế tập đoàn nông nghiệp có quy mô và thị phần lớn nhất ngành giống cây trồng Việt Nam:

+ Sản lượng: **100.000** tấn.
+ Doanh thu: **1.634** tỷ đồng.
+ Thị phần: **20%** cả nước.



Vinaseed cùng các đơn vị thành viên của THE PAN GROUP đã tổ chức hoạt động thiện nguyện Hướng về miền Trung tại 4 địa phương là Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam với tổng cộng hơn 2.300 suất quà và 8 máy phun khử trùng Makita PM7650H. Tổng lượng hàng hóa cứu trợ này có trị giá hơn 1,75 tỷ đồng, trong đó gồm hơn 26 tấn gạo ngon VINASEED Dự Hương, Trân Châu Hương và nhiều nhu yếu phẩm thiết yếu khác như nước mắm 584, bánh kẹo Bibica, dầu ăn...



Quản trị thông minh trên nền tảng công nghệ 4.0

Vinaseed có những bước tiến mạnh mẽ trong quản trị sản xuất tiên tiến, bền vững, tiết kiệm tài nguyên, truy xuất nguồn gốc, sử dụng chế phẩm và thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm tồn dư hóa chất.



Năm 2020 là năm thành công trong hoạt động R&D, Công ty đã nghiên cứu và chuyển giao thành công 16 giống (04 giống lúa thuần, 04 giống ngô lai và 8 giống rau đậu). Đặc biệt, sản phẩm bản quyền do Công ty nghiên cứu, chọn tạo giống lúa Đài Thơm 8 – Đạt giải Nhì giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Toàn quốc (VIFOTEC) do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng.



Vinaseed nằm trong TOP 15 doanh nghiệp niêm yết có hiệu quả kinh doanh tốt nhất 03 năm liên tiếp (2018 – 2020) do VCCI trao tặng.

Giống cây trồng và nông sản Vinaseed đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam năm 2020 do Bộ Công thương trao tặng.

Cờ thi đua của UBND TP. Hà Nội trao tặng thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua khối doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội.

MỤC LỤC

01	TỔNG QUAN VỀ VINASEED	10
02	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT	58
03	BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH	64
04	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	72
05	BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	76
06	QUẢN TRỊ CÔNG TY	80
07	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	98
08	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	118

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2020 là năm đặc biệt khó khăn đối với các doanh nghiệp trước tác động kép từ đại dịch Covid 19 và thiên tai: ảnh hưởng từ dịch Covid 19 với các biện pháp cách ly, phong tỏa, đóng biên làm đứt gãy chuỗi cung ứng - tiêu thụ, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ bán hàng, xuất nhập khẩu bị hạn chế. Thiên tai lịch sử xảy ra liên tiếp, nhiều diện tích sản xuất bị mất mùa do mưa nhiều, lúa bị nảy mầm trên bông không thu hoạch được, cuối năm không triển khai được vụ sản xuất rau màu. Trong khi đó, chi phí đầu vào không ngừng tăng cao, sức mua thấp, hàng hóa nông sản trong nước tiêu thụ chậm, nông sản không xuất khẩu được, giá bán giảm mạnh gây khó khăn rất lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trước những khó khăn đó, Vinaseed đã nỗ lực không ngừng, tận dụng mọi cơ hội vượt qua khó khăn và tiếp tục khẳng định vị thế Tập đoàn Nông nghiệp có quy mô và thị phần lớn nhất ngành giống cây trồng Việt Nam:

Doanh thu: **1.634,5** tỷ đồng, bằng **108%** Kế hoạch;

Lợi nhuận sau thuế: **194,8** tỷ đồng, bằng **105%** Kế hoạch.

Vinaseed vinh dự nằm trong TOP 15 doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh tốt nhất 03 năm liên tiếp do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng năm 2020.

Thông qua hoạt động nghiên cứu và hợp tác chuyển giao với các đối tác, năm 2020 Vinaseed đã nghiên cứu, chuyển giao thành công 16 giống cây trồng mới. Đây cũng là năm đánh dấu thành công trong công tác nghiên cứu khi Giống lúa Đài Thơm 8 do Công ty nghiên cứu, chọn tạo đã đạt giải Nhì giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Toàn quốc (VIFOTEC) do Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam trao tặng.

Trong công tác quản trị doanh nghiệp, năm 2020, Vinaseed thực hiện tái cấu trúc tổ chức, nhân sự, pháp chế, định biên và tổ chức lại nhân sự theo hướng tập trung tối đa nguồn nhân lực cho hoạt động SXKD, cải tiến hệ thống quy chế, quy trình làm việc theo hướng tinh gọn, đồng bộ hóa, đảm bảo sự kế thừa và thống nhất giữa các đơn vị thành viên trong Toàn tập đoàn.

Kính thưa Quý cổ đông!

Bước sang năm 2021, trong bối cảnh chung của ngành nông nghiệp Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, trước những tác động nhanh và khó lường của biến đổi khí hậu và nguy cơ dịch bệnh. Vinaseed quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững với tốc độ tăng trưởng 10% doanh thu và 25% về lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư và đời sống CBNV Công ty.

Xin thay mặt Hội đồng quản trị và tập thể người lao động Vinaseed, xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý cổ đông, nhà đầu tư, bạn hàng, đối tác đã ủng hộ, tin tưởng và đồng hành cùng Công ty trong suốt hành trình phát triển vừa qua.

Kính chúc Quý vị và gia đình nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

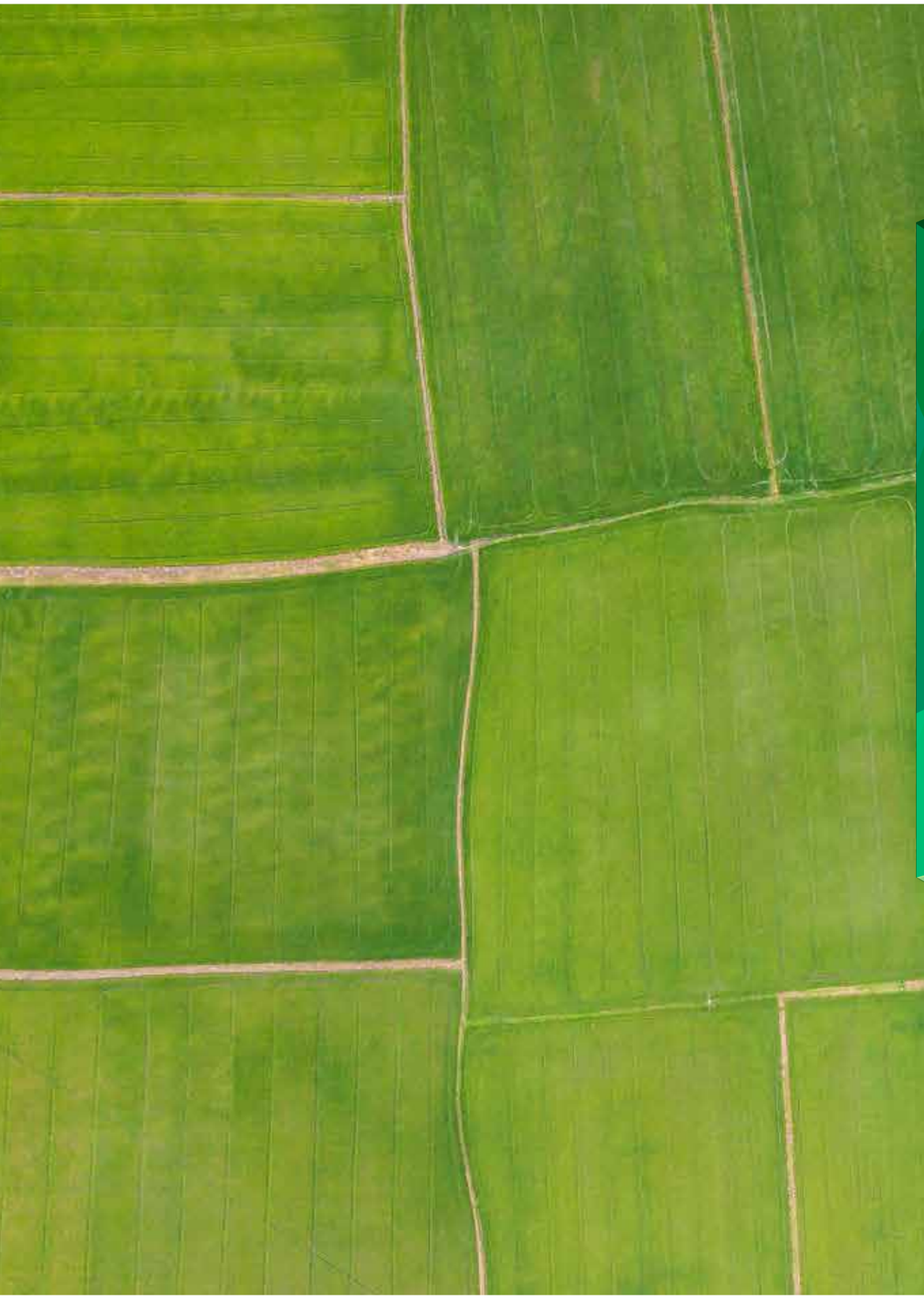
Trần Kim Liên



DANH MỤC
CÁC CHỮ VIẾT TẮT

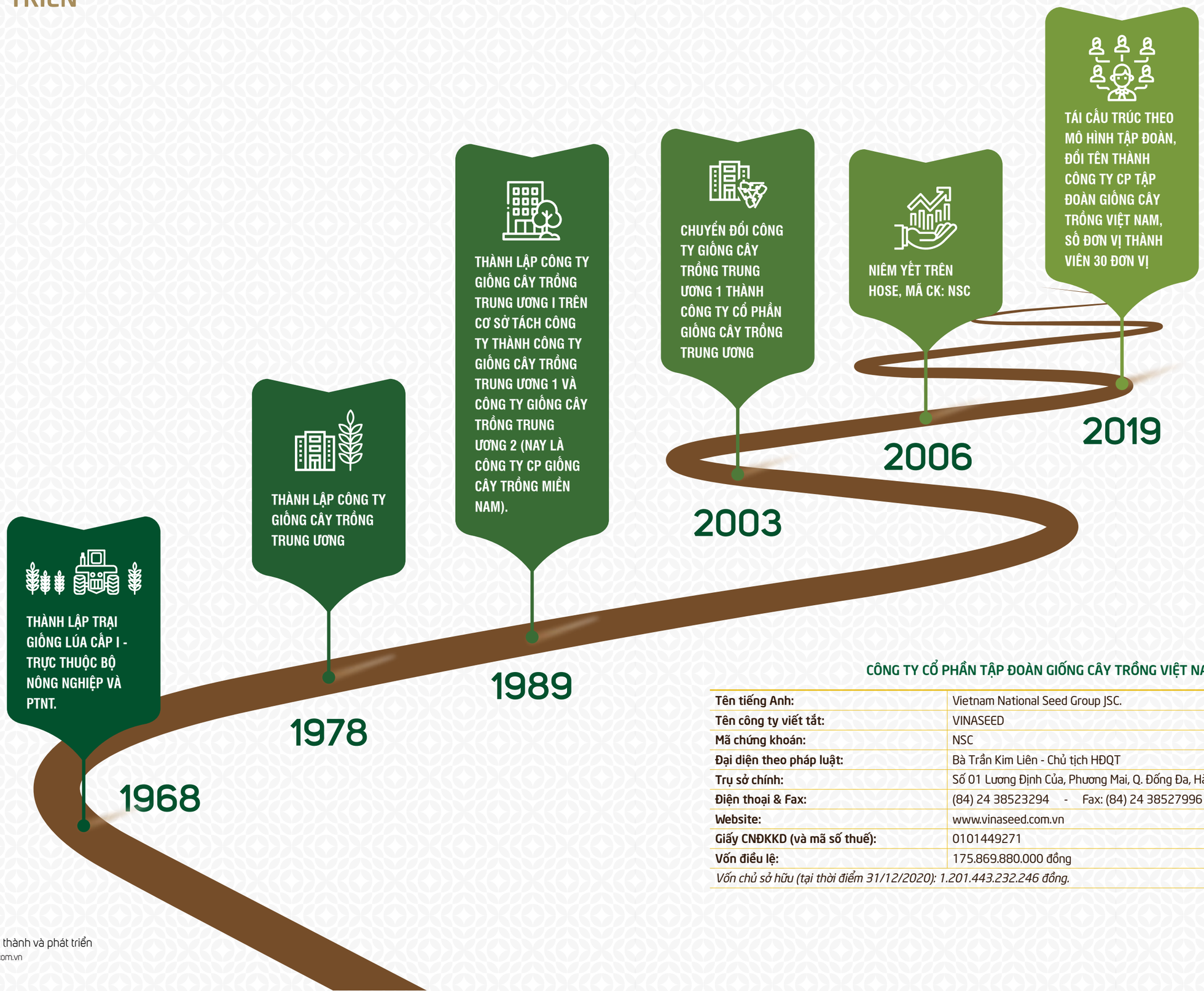
UBCKNN:	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
HOSE:	Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
HNX:	Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội
CTCP:	Công ty cổ phần
VINASEED:	Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT:	Hội đồng quản trị
BKS:	Ban Kiểm soát
BTGĐ:	Ban Tổng giám đốc
CBTT:	Công bố thông tin
GCNĐKKD:	Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh
BCTC:	Báo cáo tài chính
SXKD:	Sản xuất kinh doanh
XDCB:	Xây dựng cơ bản
ROA:	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản
ROE:	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu
ROS:	Lợi nhuận ròng/ Doanh thu thuần
CBNV:	Cán bộ nhân viên
VRDC:	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
SSC:	Công ty CP Giống cây trồng miền Nam
VINARICE:	Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam
HSC:	Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây
QSC:	Công ty CP Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam
HANAM HITECH:	Công ty CP Đầu tư và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ VINASEED



Lịch sử hình thành và phát triển 12
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi 14
Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức 16
Các chi nhánh, công ty thành viên 18
Nhân sự chủ chốt 20
Lĩnh vực kinh doanh chính 28
Sản phẩm và dịch vụ tiêu biểu 30
Địa bàn kinh doanh và thị phần 48
Giải thưởng tiêu biểu 50
Nhân sự năm 2020 52
Công nghệ nổi bật 54
Hệ thống cơ sở vật chất 56

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



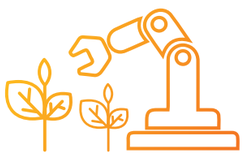
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Tên tiếng Anh:	Vietnam National Seed Group JSC.
Tên công ty viết tắt:	VINASEED
Mã chứng khoán:	NSC
Đại diện theo pháp luật:	Bà Trần Kim Liên - Chủ tịch HĐQT
Trụ sở chính:	Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại & Fax:	(84) 24 38523294 - Fax: (84) 24 38527996
Website:	www.vinaseed.com.vn
Giấy CNĐKKD (và mã số thuế):	0101449271
Vốn điều lệ:	175.869.880.000 đồng

Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2020): 1.201.443.232.246 đồng.

VISION
MISSION
COREVALUES

TẦM NHÌN



Vinaseed phấn đấu trở thành Tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam, thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.

SỨ MỆNH



Bằng tất cả tình cảm, trách nhiệm của mình với cuộc sống, con người và xã hội, Vinaseed cam kết mang đến các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững nhằm thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI





NĂNG ĐỘNG



SÁNG TẠO



CHUYÊN NGHIỆP

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

VINASEED®
A MEMBER OF THE PAN GROUP

VĂN PHÒNG

- BAN KSNB
- PHÒNG TCKT
- PHÒNG KHĐT
- PHÒNG NSHC
- PHÒNG KINH DOANH
- PHÒNG MARKETING
- PHÒNG KD HẠT RAU
- PHÒNG SẢN XUẤT
- PHÒNG QLCL

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

- VINASEED BA VÌ
- VINASEED HÀ NAM
- VINASEED THÁI BÌNH
- VINASEED THANH HOÁ
- VINASEED VINH
- VINASEED TÂY NGUYÊN
- VINASEED NÔNG SẢN
- VINASEED THƯỜNG TÍN
- CHI NHÁNH TẠI LÀO

TRUNG TÂM R&D

- VRDC CỦ CHI
- VRDC BA VÌ
- VRDC KHOÁI CHÂU
- VRDC LONG KHÁNH
- VRDC LÂM HÀ
- VRDC PHÚ GIÁO
- VRDC CỜ ĐỎ
- VRDC BÌNH TRUNG
- VRDC CHIÊN ĐẢN

CÔNG TY THÀNH VIÊN

- VINARICE
- CTCP GIỐNG CT MIỀN NAM
- CTCP GIỐNG CT HÀ TÂY
- CTCP GIỐNG TW Q.NAM
- HANAM HITECH

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Trước 2004: Thời kỳ doanh nghiệp nhà nước hoạt động bằng vốn ngân sách và theo kế hoạch hóa nhà nước giao.

Từ 2004 – nay: Chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần theo quyết định 5029/QĐ-BNN-TCCB của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam.

CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN

❖ **TRỤ SỞ CHÍNH:**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: 024.38523294 Fax: 024.38527996

❖ **VINASEED BA VÌ**

Địa chỉ: Xã Đông Quang, H.Ba Vì, Hà Nội.
Điện thoại: 024.3863091 Fax: 024.3864185

❖ **VINASEED HÀ NAM**

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, H.Duy Tiên, Hà Nam.
Điện thoại: 0226.3835463 Fax: 0226.3835061

❖ **VINASEED THÁI BÌNH**

Địa chỉ: Xã Đông Hợp, H.Đông Hưng, Thái Bình
Điện thoại: 0227.3851256 Fax: 0227.3550684

❖ **VINASEED THANH HÓA**

Địa chỉ: Xã Định Tường, H.Yên Định, Thanh Hoá.
Điện thoại/Fax: 0237.3869251

❖ **VINASEED MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 11, Trần Nhật Duật, TP.Vinh, Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3531822 Fax: 0238.3844937

❖ **VINASEED TÂY NGUYÊN**

Địa chỉ: Xóm 4, xã Eatu, TP.Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk.
Điện thoại: 0262.3873816 Fax: 0262.3873817

❖ **VINASEED KINH DOANH NÔNG SẢN**

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, H. Duy Tiên, Hà Nam
Điện thoại: 024.38523294 Fax: 024.38527996

❖ **TT NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN TẬP ĐOÀN VINASEED (VRDC)**

Địa chỉ: Số 211, đường Bà Thiên, Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP.HCM.
Điện thoại: 028.37947608 Fax: 028.37941993.
Đơn vị thành viên VRDC: VRDC Ba Vì, VRDC Khoái Châu, VRDC Lâm Hà, VRDC Phú Giáo, VRDC Cờ Đỏ.

❖ **VINASEED THƯỜNG TÍN**

Địa chỉ: 350 Trần Phú, H.Thường Tín, Hà Nội
Điện thoại/Fax: 024.3853239

❖ **CHI NHÁNH TẠI CHDCND LÀO**

Địa chỉ: Tỉnh Udomxay, nước CHDCND Lào.
Điện thoại/fax: 0085 681212554.

❖ **CÔNG TY TNHH LÚA GẠO VIỆT NAM (VINARICE)**

Địa chỉ: CCN Trường Xuân, H.Tháp Mười, Đồng Tháp.
Điện thoại: 0277.6518888 **Fax:** 0277.6516666

❖ **CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM (SSC)**

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0283.8442414 Fax: 0283.8442387.
Đơn vị thành viên: SSC Trà Vinh, Cờ Đỏ, Cai Lậy, Củ Chi, Tân Hiệp, Lâm Hà, Miền Trung, CN Campuchia, VPĐD tại Lào.

❖ **CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW QUẢNG NAM (VINASEED QUANG NAM)**

Địa chỉ: Km 943, QL1A, Xã Điện Thắng Bắc, TX.Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0235.3869455 Fax: 0235.3869253
Đơn vị thành viên: XN Chiên Đàn, XN Bình Trung (Quảng Nam).

❖ **CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY (HSC)**

Địa chỉ: Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội.
Điện thoại: 0243.3530655 Fax: 0243.3535421
Đơn vị thành viên: Trại Phù Lưu Tế, Trại Phương Bảng (Hà Nội)

❖ **CÔNG TY CP ĐT VÀ PT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HÀ NAM (HANAM HITECH)**

Địa chỉ: Xóm 2, xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 0226.3652888 Fax: 0226.3652666



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017 - 2021



BÀ TRẦN KIM LIÊN

CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật.

1980 - 1982: Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

1982 - 1995: Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao.

1995 - 1996: Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông CN Đồng Giao.

1996 - 1997: Phó Giám đốc XN Nông CN Đồng Giao.

1997 - 1998: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao.

1998 - 2000: Phó Giám đốc công ty Vật tư và XNK - TCT Rau quả VN.

2000 - 2004: Phó Giám đốc công ty Giống cây trồng TW I.

2015 - 2020: Phó Chủ tịch HĐQT SSC.

2004 - 2020: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Vinaseed.

7/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT Vinaseed, SSC, Vinarice.



BÀ NGUYỄN THỊ TRÀ MY

THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

1993 - 1995: Trợ lý TGĐ tại Công ty International Business Advisor.

1995 - 2012: Giám đốc tài chính kiêm Phó TGĐ công ty Biomin Việt Nam.

2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ công ty CP CSC Việt Nam.

2013 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Đồng sáng lập, Tổng giám đốc The Pan Group.

2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Pan Farm, Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC), thành viên HĐQT Vinaseed.



BÀ LÊ THỊ LỆ HẰNG

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

1999 - 2007: Chuyên viên phân tích cấp cao công ty Quản lý Quỹ W. P. Stewart, New York, USA.

2007 - 2010: Giám đốc khối Phân tích và Tư vấn đầu tư, Trợ lý Chủ tịch HĐQT công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI).

2010 - nay: Tổng giám đốc công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM).

2015 - 2020: Chủ tịch HĐQT SSC.

2012 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Vinaseed.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017 - 2021 *(Tiếp theo)*



ÔNG NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

- **2011 - 2012:** Chuyên viên phân tích tài chính công ty TNHH QL quỹ FPT.
- **2012 - 2013:** Chuyên viên khối khách hàng tổ chức - NH VietinBank
- **2013 - 2017:** Giám đốc Kế hoạch & Đầu tư Vinaseed.
- **2016 - nay:** Thành viên HĐQT Pan Farm, Chủ tịch HĐQT Hanam Hitech.
- **4/2017 - 6/2020:** Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Vinaseed.
- **7/2020 - nay:** Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Vinaseed, Chủ tịch HĐQT QSC.



ÔNG TRẦN ĐÌNH LONG

THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ: Giáo sư, Viện sỹ, Tiến sỹ khoa học.

- **1967 - 1981:** Giảng viên Đại học Nông nghiệp I, Đại học Nông nghiệp II
- **1981 - 1983:** Thực tập sinh tại LB Nga
- **1983 - 1993:** Giám đốc Trung tâm Giống cây trồng Việt Nga
- **1993 - 2002:** Phó Viện Trưởng Viện KHKT Nông nghiệp Việt Nam
- **2002 - 2003:** Giám đốc Trung tâm thực nghiệm Đậu Đỗ.
- **2003 - nay:** Chủ tịch Hội giống cây trồng Việt Nam (VSA); Ủy viên UBTW MTTQ Việt Nam, UV Hội đồng tư vấn về Khoa học - Giáo dục và Môi trường, UBTW MTTQ Việt Nam; Ủy viên Hội đồng quản lý quỹ Chương trình và Dự án hỗ trợ An sinh xã hội (AFV), UV Hội đồng KHCN viện KH Nông nghiệp Việt Nam (VAAS), Ủy viên HĐKH viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Trung tâm Tài nguyên Thực vật. Chủ tịch HĐQT Trung tâm đào tạo Kiến thức cộng đồng (CKC); Viện trưởng Viện Môi trường và Nông nghiệp ECO; UV HĐQT Pan Farm.
- **2004 - nay:** Thành viên HĐQT Vinaseed.



ÔNG ĐỖ BÁ VỌNG

THÀNH VIÊN HĐQT, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ: Kỹ sư Nông học

- **1993 - 1994:** Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang.
- **1994 - 2001:** Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang.
- **2001 - 2004:** Giám đốc trại Giống cây trồng TW Đồng Văn
- **2015 - nay:** Thành viên HĐQT SSC.
- **2004 - nay:** Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ phụ trách KHKT Vinaseed, Giám đốc Trung tâm VDRC.



ÔNG NGUYỄN KHÁNH QUỲNH

THÀNH VIÊN HĐQT.

Trình độ: Thạc sỹ QTKD ĐH Ritsumeikan, Nhật Bản.

- **2001- 2002:** Nhân viên kinh doanh XNK Tập đoàn Sunhouse.
- **2002 - 2004:** Phụ trách mua hàng nông sản XK Miền Trung - OLAM Việt Nam.
- **2004 - 2006:** Chuyên viên tài trợ thương mại XNK - Ngân hàng Mizuho Corporate Bank, CN Hà Nội.
- **2008 - 2010:** Chuyên viên phân tích đầu tư CT TNHH quản lý Quỹ SSI.
- **2010 - 2014:** Phó Giám đốc đầu tư - CT TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM).
- **2015 - 2018:** Thành viên BKS SSC.
- **2014 - 2017:** Giám đốc Đầu tư - công ty TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM).
- **2012 - 2015:** Thành viên BKS Vinaseed
- **2015 - 4/2019:** Trưởng BKS Vinaseed.
- **2019 - nay:** Thành viên BKS - công ty CP Khử trùng Việt Nam.
- **2018 - 2019:** Giám đốc Đầu tư và phát triển Kinh doanh The Pan Group.
- **4/2019 - nay:** Tổng giám đốc PAN Farm, Thành viên HĐQT Vinaseed, Thành viên BKS VFG.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2021



ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

- **2008 - 2010:** Trưởng nhóm Kiểm toán, công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- **2010 - 2011:** Chuyên viên khối dịch vụ ngân hàng đầu tư, CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI).
- **2012 - 2015:** Phó phòng dịch vụ kiểm toán, thẩm định KPMG Việt Nam.
- **2015 - 2016:** Chuyên viên cao cấp phân tích tài chính The Pan Group.
- **2016 - 2017:** Thành viên BKS công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre.
- **2017 - 2018:** Giám đốc vận hành Pan - Hulic.
- **4/2018 - nay:** Thành viên HĐQT Pan - Hulic.
- **10/2018 - 4/2019:** Thành viên BKS SSC.
- **2018 - nay:** Thư ký HĐQT The PAN Group, Giám đốc Tài chính PAN Farm.
- **4/2019 - 6/2020:** Thành viên BKS Vinaseed.
- **6/2020 - nay:** Trưởng BKS Vinaseed.



BÀ NGUYỄN THỊ NGA

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ: Cử nhân Kế toán

- **2011 - 2014:** Trưởng nhóm Kiểm toán công ty TNHH Kiểm toán Ernst &Young VN.
- **2014 - 2016:** Kiểm toán nội bộ công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken.
- **2016 - 2020:** Q. Kế toán Trưởng The Pan Group, Kế toán Trưởng Pan Farm, Thành viên BKS Pan-Hulic
- **2020 - 04/2021:** Thành viên BKS Vinaseed.



ÔNG ĐỖ TIẾN SỸ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ: Thạc sỹ Kinh tế

- **2000 - 7/2000:** Phó giám đốc Vinaseed Ba Vì
- **8/2000 - 3/2001:** Phó phòng Kinh doanh Vinaseed.
- **2001 - 2004:** Trưởng phòng Kinh doanh Vinaseed.
- **2004 - 2010:** Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Vinaseed.
- **2010 - 2012:** Ủy viên HĐQT, Chủ tịch BCH Công đoàn Vinaseed.
- **2010 - 2016:** Giám đốc Kinh doanh Vinaseed.
- **2016 - 3/2019:** Giám đốc Vinaseed Quảng Nam.
- **8/2019 - 5/2020:** Tổng giám đốc SSC.
- **2012 - nay:** Thành viên BKS Vinaseed.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

- **2011 - 2012:** Chuyên viên phân tích tài chính công ty TNHH QL quỹ FPT.
- **2012 - 2013:** Chuyên viên khối khách hàng tổ chức - NH VietinBank
- **2013 - 2017:** Giám đốc Kế hoạch & Đầu tư Vinaseed.
- **2016 - nay:** Thành viên HĐQT Pan Farm, Chủ tịch HĐQT Hanam Hitech.
- **4/2017 - 6/2020:** Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Vinaseed.
- **7/2020 - nay:** Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Vinaseed, Chủ tịch HĐQT QSC.



ÔNG ĐỖ BÁ VỌNG

THÀNH VIÊN HĐQT, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ: Kỹ sư Nông học

- **1993 - 1994:** Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang.
- **1994 - 2001:** Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang.
- **2001 - 2004:** Giám đốc trại Giống cây trồng TW Đồng Văn
- **2015 - nay:** Thành viên HĐQT SSC.
- **2004 - nay:** Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ phụ trách KHKT Vinaseed, Giám đốc Trung tâm VDRC.



ÔNG DƯƠNG QUANG SÁU

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ: Thạc sỹ nông nghiệp

- **1998 - 2002:** Cán bộ sản xuất Vinaseed Hà Nam.
- **2002 - 2005:** Cán bộ sản xuất công ty CP Hưng Nông.
- **2005 - 2010:** Cán bộ sản xuất Vinaseed.
- **2010 - 2013:** Phó phòng sản xuất Vinaseed.
- **2013 - 1018:** Giám đốc sản xuất 1 - Vinaseed.
- **2/2019 - nay:** Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất Vinaseed.



ÔNG NGUYỄN HẢI THỌ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ: Kỹ sư Nông nghiệp

- **1984 - 1996:** Cán bộ chỉ đạo chế biến Vinaseed Thường Tín.
- **1996 - 2003:** Phó Giám đốc Vinaseed Thường Tín.
- **2004 - 2007:** Phó phòng Thị trường Kinh doanh Vinaseed.
- **2007 - 2010:** Trưởng phòng phát triển sản phẩm mới Vinaseed.
- **2010 - 2018:** Giám đốc Vinaseed Ba Vì.
- **2/2020 - nay:** Tổng giám đốc Hanam Hitech.
- **2011 - nay:** Phó Tổng giám đốc Vinaseed.



ÔNG PHẠM TRUNG DŨNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ: Cử nhân QTKD

- **2001 - 2003:** Nhân viên Kinh doanh công ty Kona Việt Nam
- **2003 - 2005:** Nhân viên phòng Tổng hợp Vinaseed.
- **2005 - 2006:** Giám sát bán hàng công ty Pinaco
- **2006 - 2009:** Giảng viên khoa QLNN về Xã hội, Học viện HCQG
- **2009 - 2010:** Thư ký HĐQT Vinaseed
- **2010 - 2011:** Phó Giám đốc Nhân sự hành chính Vinaseed.
- **2011 - 4/2017:** Giám đốc Nhân sự hành chính Vinaseed.
- **1/2018 - 2/2020:** Giám đốc Hanam Hitech.
- **2020 - nay:** Giám đốc Nhân sự Vinaseed.
- **4/2017 - nay:** Phó Tổng giám đốc phụ trách quản trị hệ thống Vinaseed, Chủ tịch HĐQT HSC

01

NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO, SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ XNK GIỐNG CÂY TRỒNG

Vinaseed tập trung nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng vượt trội, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu, tiếp cận chuẩn sản phẩm chất lượng và an toàn của Thế giới.

02

CHUYỂN GIAO DỊCH VỤ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào trong chọn tạo giống cây trồng, quy trình canh tác, chế phẩm sinh học, công nghệ bảo quản sau thu hoạch... để thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất.

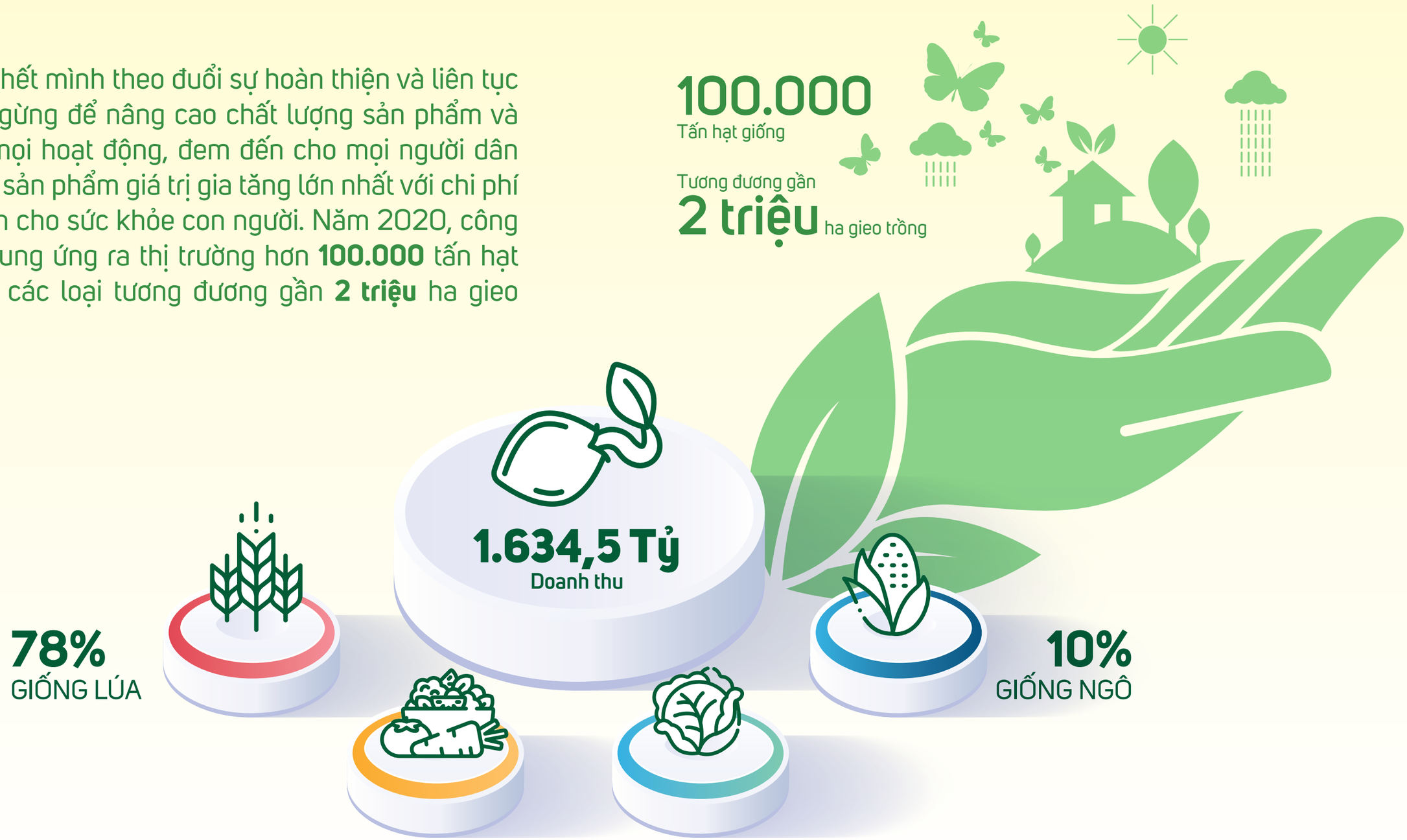
03

SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG SẢN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Vinaseed đã tập trung xây dựng và hoàn toàn chủ động trong chuỗi giá trị lúa gạo từ nghiên cứu, chọn tạo giống chất lượng – hệ thống canh tác, sản xuất – công nghệ sau thu hoạch – làm thương mại. Tập trung phân khúc nông sản thương hiệu, an toàn có truy xuất nguồn gốc rõ ràng.



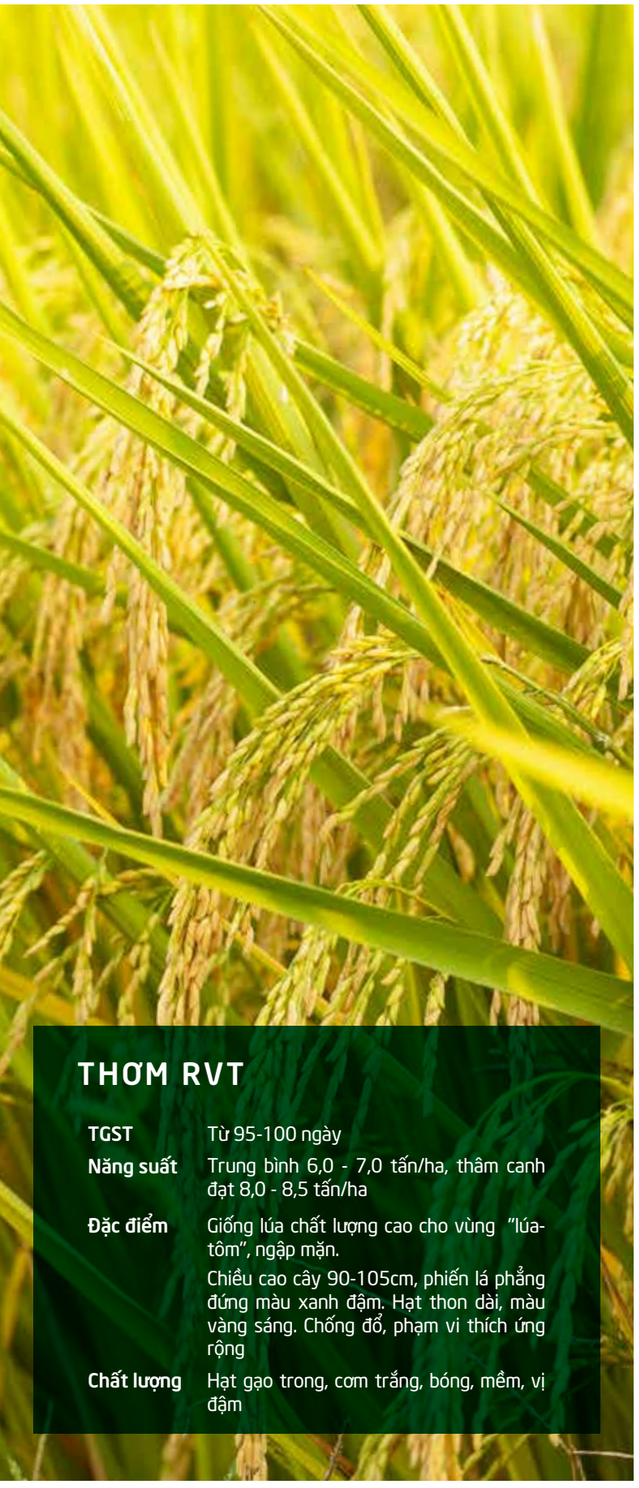
Vinaseed nỗ lực hết mình theo đuổi sự hoàn thiện và liên tục cải tiến không ngừng để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả trong mọi hoạt động, đem đến cho mọi người dân Việt Nam những sản phẩm giá trị gia tăng lớn nhất với chi phí hợp lý và an toàn cho sức khỏe con người. Năm 2020, công ty sản xuất và cung ứng ra thị trường hơn **100.000** tấn hạt giống cây trồng các loại tương đương gần **2 triệu** ha gieo trồng.



GIỐNG LÚA NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG CAO VNR 20

TGST	Vụ Xuân từ 125-130 ngày, vụ mùa từ 100 - 105 ngày
Năng suất	Trung bình 7-7,5 tấn/ha
Đặc điểm	Hạt gạo trắng trong, cơm trắng, bóng, mềm, vị đậm. Chiều cao cây 95cm - 100cm, lá đòng lòng mo, bản lá hẹp, đẻ nhánh khỏe. Thích ứng rộng khắp cả nước
Chất lượng	Dạn hạt thon dài, vỏ chấu vàng sáng, khối lượng 1000 hạt 25gr -26gr

GIỐNG LÚA



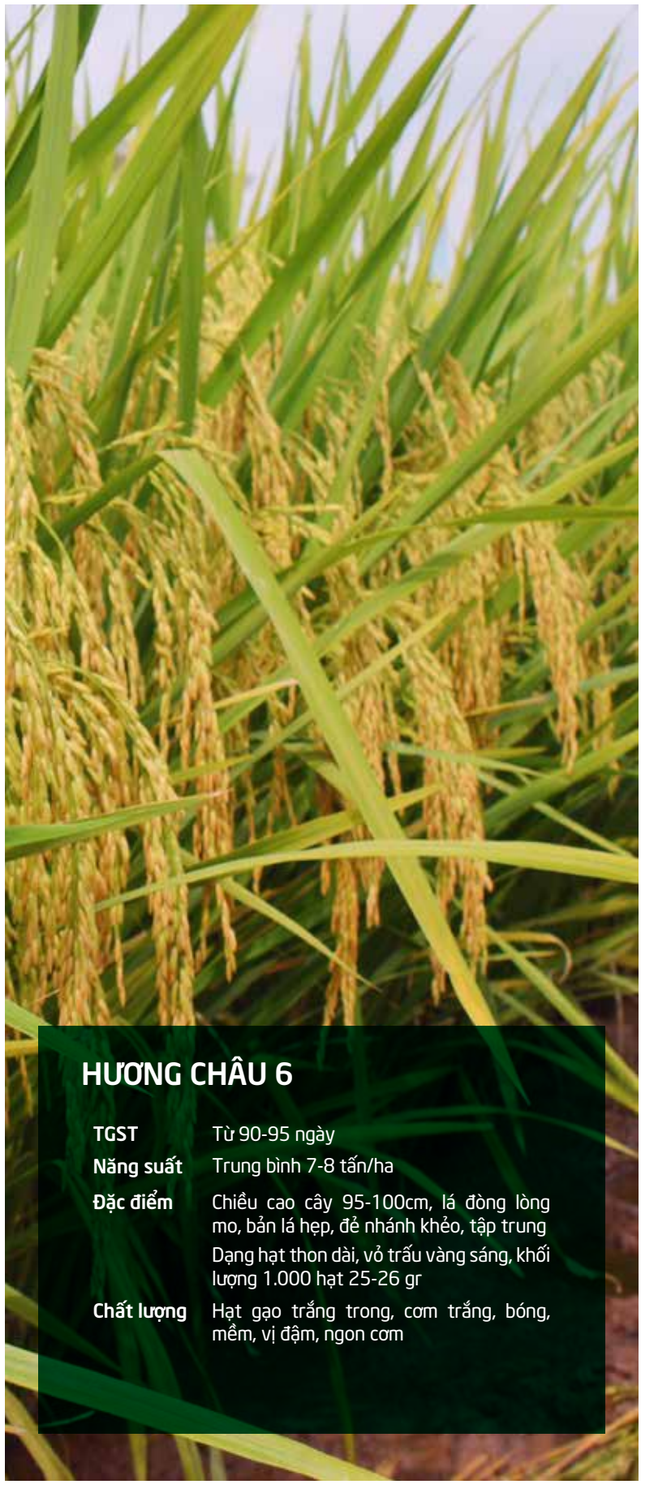
THƠM RVT

TGST	Từ 95-100 ngày
Năng suất	Trung bình 6,0 - 7,0 tấn/ha, thâm canh đạt 8,0 - 8,5 tấn/ha
Đặc điểm	Giống lúa chất lượng cao cho vùng "lúa-tôm", ngập mặn. Chiều cao cây 90-105cm, phiến lá phẳng đứng màu xanh đậm. Hạt thon dài, màu vàng sáng. Chống đổ, phạm vi thích ứng rộng
Chất lượng	Hạt gạo trong, cơm trắng, bóng, mềm, vị đậm



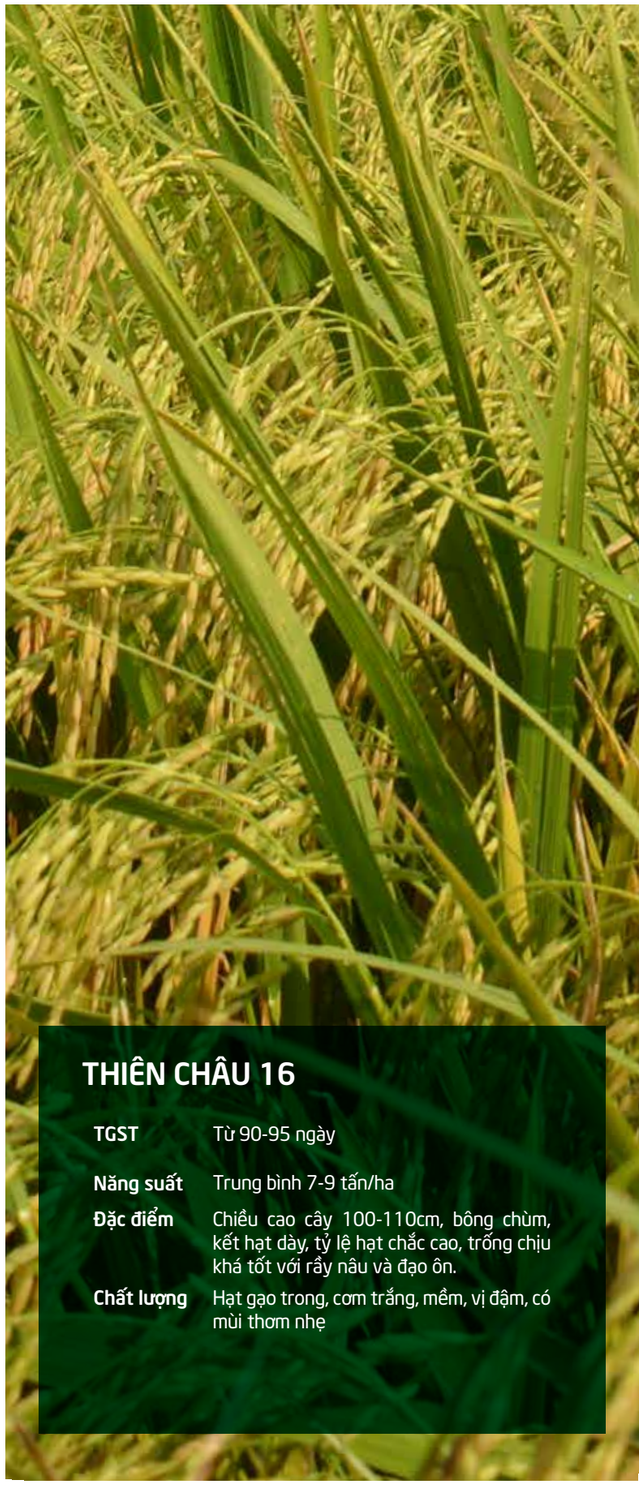
ĐÀI THƠM 8

TGST	Từ 90-95 ngày
Năng suất	Trung bình 6,5-7,5 tấn/ha, thâm canh đạt 8-9 tấn/ha
Đặc điểm	Giống lúa chất lượng cao cho vùng "lúa-tôm", ngập mặn. Chiều cao cây 95-100cm, đẻ nhánh khoẻ. Bộ lá đứng, xanh, hạt thon dài, màu vàng sáng, chịu thâm canh, cứng cây chống đổ tốt
Chất lượng	Hạt gạo trong, cơm trắng bóng, dẻo, thơm, vị đậm



HƯƠNG CHÂU 6

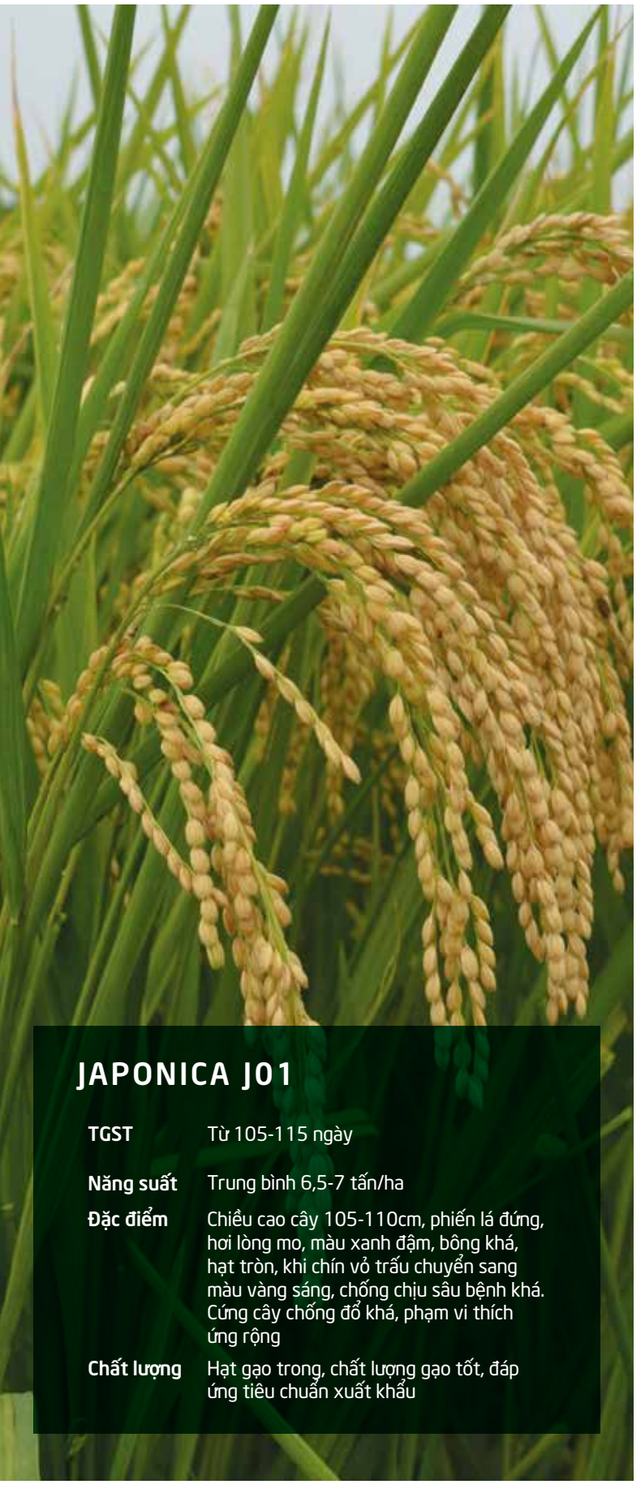
TGST	Từ 90-95 ngày
Năng suất	Trung bình 7-8 tấn/ha
Đặc điểm	Chiều cao cây 95-100cm, lá đòng lòng mo, bản lá hẹp, đẻ nhánh khỏe, tập trung Dạng hạt thon dài, vỏ trấu vàng sáng, khối lượng 1.000 hạt 25-26 gr
Chất lượng	Hạt gạo trắng trong, cơm trắng, bóng, mềm, vị đậm, ngon cơm



THIÊN CHÂU 16

TGST	Từ 90-95 ngày
Năng suất	Trung bình 7-9 tấn/ha
Đặc điểm	Chiều cao cây 100-110cm, bông chùm, kết hạt dày, tỷ lệ hạt chắc cao, trống chịu khá tốt với rầy nâu và đạo ôn.
Chất lượng	Hạt gạo trong, cơm trắng, mềm, vị đậm, có mùi thơm nhẹ

GIỐNG LÚA



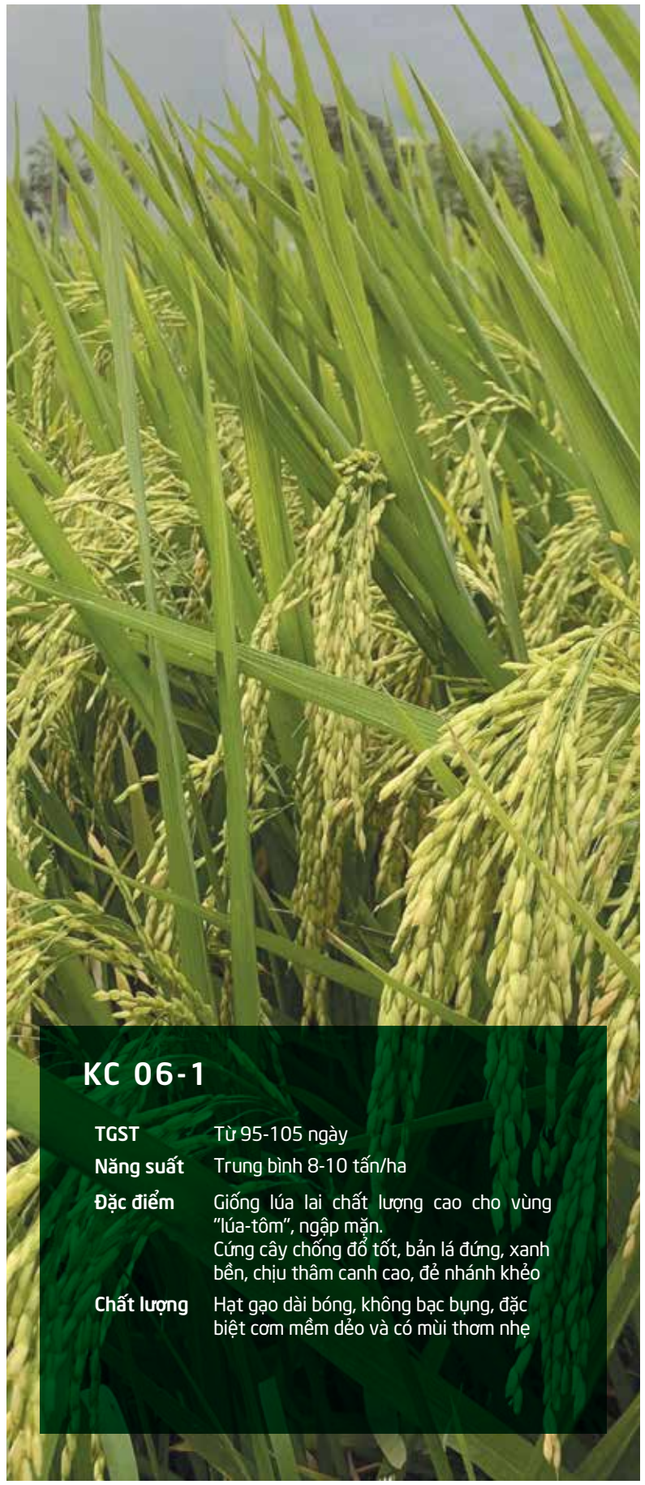
JAPONICA J01

TGST Từ 105-115 ngày

Năng suất Trung bình 6,5-7 tấn/ha

Đặc điểm Chiều cao cây 105-110cm, phiến lá đứng, hơi lòng mo, màu xanh đậm, bông khá, hạt tròn, khi chín vỏ trấu chuyển sang màu vàng sáng, chống chịu sâu bệnh khá. Cứng cây chống đổ khá, phạm vi thích ứng rộng

Chất lượng Hạt gạo trong, chất lượng gạo tốt, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu



KC 06-1

TGST Từ 95-105 ngày

Năng suất Trung bình 8-10 tấn/ha

Đặc điểm Giống lúa lai chất lượng cao cho vùng "lúa-tôm", ngập mặn.
Cứng cây chống đổ tốt, bản lá đứng, xanh bền, chịu thâm canh cao, đẻ nhánh khỏe

Chất lượng Hạt gạo dài bóng, không bạc bụng, đặc biệt cơm mềm dẻo và có mùi thơm nhẹ

Vinaseed tập trung nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng vượt trội, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu, tiếp cận xu thế của thế giới về chuẩn sản phẩm an toàn và chất lượng.

STT	TÊN GIỐNG	TGST *(NGÀY)*	NĂNG SUẤT *(TẤN/HA)*	DẠNG HẠT	CHẤT LƯỢNG	ƯU ĐIỂM
1	**Thiên Ưu 8**	X: 125-130 M: 100-105	**7,0-7,5**	Thon dài		Cứng cây, chống đổ tốt, chống chịu sâu bệnh khá, thích ứng rộng và cấy được cả 2 vụ
2	**Đài Thơm 8**	X: 125-130 M: 100-105	**6,5 - 7,0**	Thon dài		Cứng cây, chống đổ tốt, chống chịu sâu bệnh khá, Thích ứng rộng, cấy được cả 2 vụ, chống chịu rầy khá tốt
3	**Thơm RVT**	X: 125-130 M: 100-105	**5,5-6,0**	Thon dài		Chống chịu sâu bệnh khá, thích ứng rộng, cấy được cả 2 vụ
4	**Japonica J01**	X: 130 - 135 M: 100 - 110	**6,5 - 7,0**	Bầu tròn		Chịu rét tốt, tỉ lệ đạt gạo cao, tỉ lệ lép ít
5	**TH3-4**	X: 125-130 M: 105-110	**7,0-7,5**	Thon dài		Chủ động được nguồn giống, chống chịu bệnh
6	**VNR 88**	X: 130-135 M: 105 - 110	**6,5 - 7,0**	Thon dài		Chống chịu sâu bệnh khá. Thích ứng rộng, cấy được cả 2 vụ
7	**KDĐB**	X: 125-130 M: 100-105	**6,0-6,5**	Thon nhỏ		Thích ứng nhiều chân đất, chịu thâm canh, phù hợp làm bún bánh, năng xuất cao hơn KD18
8	**VNR20**	X: 125-130 M: 100-105	**7,0-7,5**	Thon dài		Thấp cây chống đổ tốt, tỷ lệ xay xát cao. Thích ứng rộng, cơm mềm, năng suất cao
9	**Bắc Hương 9**	X: 125-130 M: 105-110	**6,0-6,5**	Thon dài		Cây to khỏe,chất lượng cơm mềm
10	**Dự Hương 8**	X: 125-130 M: 100-105	**6,5-7,0**	Thon nhỏ		Chống chịu bệnh tốt, chất lượng cơm gạo tốt



GIỐNG NGÔ

STT	TÊN GIỐNG	TGST *(ngày)*	NĂNG SUẤT HẠT KHÔ *(tấn/ha)*	DẠNG HẠT	SỐ HÀNG HẠT (hàng/bắp)	ƯU ĐIỂM	CHIỀU CAO CÂY (CM)	CHIỀU CAO ĐÓNG BẮP (CM)
1	**NHÓM NGÔ TẺ (NGÔ VÀNG)**							
	LVN10	X: 125-130 H: 100-105 Đ: 110-120	**8-10**	Bán đá, Màu vàng cam	10-14	- Chịu hạn chịu chua phèn tốt, chống đổ khá, chống chịu khá với một số sâu bệnh hại thích ứng rộng - Hạt sâu cay - Số hàng hạt 10-14 hàng/bắp	200-240	100-140
	SSC586	90-105 (tuỳ theo từng vùng)	**8-10**	Bán đá, Màu vàng cam	14-16	- Bắp đồng đều, kết rất tốt. Hạt to, tỷ lệ hạt/bắp 80-81% - Khả năng chống chịu khá tốt với các loại bệnh cháy lá, gỉ sắt - Thích hợp trồng làm thức ăn gia súc	190-210	90-110
	SSC131	90-105 (tuỳ theo từng vùng)	**8-10**	Bán đá, Màu vàng cam	14-16	- Bắp đồng đều, khả năng kết hạt tốt - Hạt to, sâu cay, tỷ lệ hạt/bắp 80-81% - Khả năng chống chịu khá tốt với các loại bệnh cháy lá gỉ sắt	170-200	80-100

STT	TÊN GIỐNG	TGST *(ngày)*	NĂNG SUẤT BẮP TƯƠI *(tấn/ha)*	SỐ HÀNG HẠT (hàng/bắp)	CHẤT LƯỢNG	ƯU ĐIỂM	SỬ DỤNG
2	**NHÓM NGÔ NẾP**						
	HH68	X: 85-90 H: 65-70 Đ: 70-75	**14-16**	14-16	Ăn ngon	- Chịu hạn tốt, chống đổ khá, lá xanh bền đến khi thu hoạch - Chống chịu bệnh gỉ sắt tốt, thích nghi rộng	Ăn tươi
	HN88	X: 87-92 H: 67-70 Đ: 70-75	**18-20**	12-16	Rất ngon	- Thân mập khoẻ, độ đồng đều cao - Lá thoáng xanh đậm, bền đến khi thu hoạch, thích nghi rộng - Ăn tươi thơm, dẻo, ngọt, hạt sâu cay	Ăn tươi
	HN90	X: 85-90 H: 67-70 Đ: 70-75	**14-16**	12-16	Ăn ngon	- Lá thoáng, xanh đậm, bền đến khi thu hoạch, thích nghi rộng - Chống chịu gỉ sắt tốt	Ăn tươi
	HN92	X: 87-92 H: 67-70 Đ: 70-75	**14-16**	12-16	Ăn ngon	- Cây khoẻ, độ đồng đều ca, tỷ lệ bắp loại 1 cao, chống chịu bệnh gỉ sắt tốt - Bộ lá khá thoáng, xanh đậm, bền đến khi thu hoạch - Thích nghi rộng, chất lượng ăn ngon	Ăn tươi
	HN268	X: 85-90 H: 65-70 Đ: 70-75	**12-14**	14-16	Rất ngon	- Thấp cây, chống đổ tốt, ngắn ngày - Bộ lá thoáng, xanh đậm, bền đến khi thu hoạch, ăn tươi ngọt rất ngon - Trên bắp có khoảng 25-30% hạt ngô đường trắng xen kẽ làm tăng chất lượng	Ăn tươi



HN88



HN68



NGÔ NẾP HOA HN66



NGÔ ĐƯỜNG LAI MIN5



NGÔ NẾP ĐƯỜNG LAI MIN6



GIỐNG NGÔ LAI SSC655



GIỐNG NGÔ SINH KHỐI SSC 586

GIỐNG RAU QUẢ

Nhóm bầu bí: Bí đỏ lai F1 Goldstar 998, Super Goldstar 999, Koshi, bí đỏ ăn nụ/quả non Pu01, Bí xanh lai F1 Fuji 868, Tara 888, Bầu sao lai F1 Trầm Hương, Bầu xị Bowling 09, Bầu BG11, Dưa chuột chịu nhiệt lai F1 Sakura, Dưa chuột trái baby NL107, Dưa chuột trái lỡ NL109, Mướp đắng lai F1 chịu nhiệt HN126, BG175, Mướp lai Hương Việt, Dưa hấu Rồng Đỏ, Dưa lưới các loại, ...

Nhóm cà ớt: Ớt hiểm lai Deli 686, Cà chua lai chịu nhiệt các loại, ...

Nhóm rau ăn lá: Cải ngọt Sakata, Xà lách Green Lectture, Rau dền khoang HN666, cải ngồng ngọt HN888, ...

Nhóm đậu đỗ: Đậu xanh cao sản DX208, Đậu Tứ quý, đậu đũa chịu nhiệt HN338, đậu bắp lai số 3, ...



DƯA HẤU KHÔNG HẠT RỒNG ĐỎ



DƯA HẤU LUCKY 01



ĐẬU BẮP VN1



ĐẬU TƯƠNG RAU DTR88



CÀ CHUA VNS 390



BÍ GREEN STAR 88



VÙNG SẢN SUẤT SINH THÁI "LÚA TÔM"

Với quan điểm thị trường không chạy theo sản lượng, tập trung phân khúc sản phẩm thương hiệu, an toàn có truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Sản phẩm gạo của Vinaseed được tổ chức chặt chẽ từ khâu nghiên cứu, phát triển, lựa chọn giống chất lượng cao đến chế biến, đóng gói và quảng bá, có như vậy Vinaseed mới chủ động kiểm soát chất lượng lúa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Các sản phẩm gạo được sản xuất từ nguồn giống bản quyền của Vinaseed (Vinaseed hiện đang sở hữu bản quyền những giống gạo thơm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào EU là Đài Thơm 8 và Thơm RVT, các giống Japonica,...). Ruộng sản xuất được tổ chức tại những vùng đất tốt nhất tại Việt Nam, được chỉ đạo theo một quy trình khép kín, kiểm soát chặt chẽ từ vùng trồng, giống, kỹ thuật trồng, vệ sinh an toàn thực phẩm, giá trị dinh dưỡng, truy xuất nguồn gốc xuất xứ đến các vấn đề như môi trường, tiết kiệm nước, năng lượng, chính sách đối với người lao động,...

Lúa sau khi thu hoạch được chuyển thẳng về nhà máy chế biến gạo tại Vinarice với cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ của Nhật Bản để từ đó ra đời những dòng sản phẩm gạo thượng hạng, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu sang Nhật Bản, EU.

Hiện tại công ty đã quy hoạch trên 2000 ha cánh đồng lớn sản xuất gạo sạch, gạo hữu cơ, với quy trình từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ được áp dụng và đánh giá dựa trên tiêu chuẩn khắt khe nhất của EU. Dự kiến năm 2020, Vinaseed xuất khẩu sang thị trường EU và Nhật Bản trên 5.000 tấn gạo chất lượng cao với giá bán trên 1000 USD/tấn. Khác với nhiều doanh nghiệp Việt khác đơn hàng xuất khẩu EU chỉ là xay xát, khi xuất khẩu sang EU thì sản phẩm đó được dán nhãn, thương hiệu của đối tác nước ngoài chỉ là gia công sản phẩm, giá trị mang lại thấp và không có sự khác biệt. Việc xuất sản phẩm gạo mang thương hiệu Việt Nam của Vinaseed sang thị trường EU không chỉ là thành công bước đầu của doanh nghiệp mà còn góp phần nâng vị thế của gạo Việt Nam tại các thị trường này.

GẠO THƯƠNG HIỆU

FSSC 22000 · HACCP · HALAL















DƯA LƯỚI CÔNG NGHỆ CAO

GLOBALG.A.P.

Dưa lưới Hanam Hitech đạt giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam, 1 trong 45 sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu toàn quốc, với các dòng sản phẩm Taki, Taka, Ichiba,... được tiêu thụ tại hệ thống siêu thị lớn cả nước: Big C, Lotte, Aeon, Kmart, Coopmart, Hapromart,...



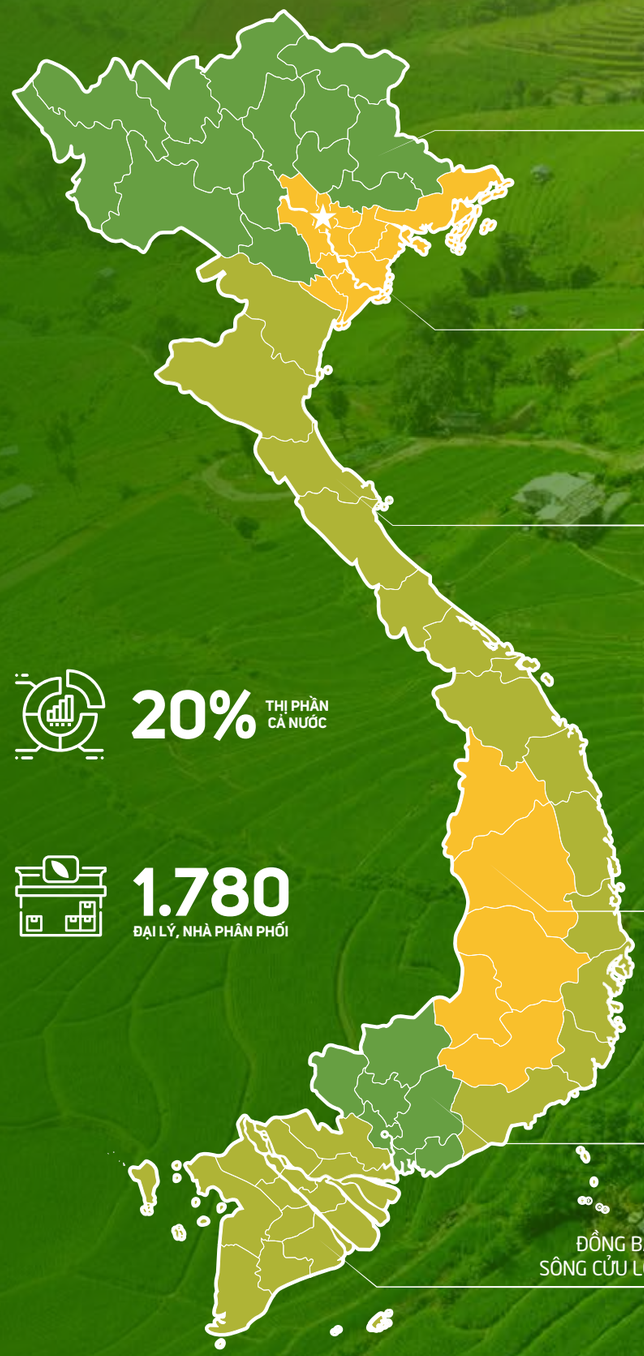








ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ THỊ PHẦN



TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC **21%**

ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG **30%**

BẮC TRUNG BỘ & DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG **17%**

QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

TÂY NGUYÊN **17%**

ĐÔNG NAM BỘ **27%**

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG **10,3%**

QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

20% THỊ PHẦN CẢ NƯỚC

1.780 ĐẠI LÝ, NHÀ PHÂN PHỐI

VINASEED®
A MEMBER OF THE PAN GROUP

TRONG SUỐT NHỮNG NĂM QUA, VỚI NHỮNG ĐÓNG GÓP TRONG SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC, CÔNG TY ĐÃ VINH DỰ ĐÓN NHẬN CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA ĐẢNG, CHÍNH PHỦ, GHI NHẬN CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VỚI NHỮNG NỖ LỰC VÀ ĐÓNG GÓP CỦA VINASEED ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2020

- **Cờ thi đua của UBND TP.Hà Nội** trao tặng Doanh nghiệp có thành tích trong phong trào thi đua khối Doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố năm 2020;
- **Cờ Thi đua đơn vị xuất sắc tiêu biểu** của Liên đoàn Lao động TP.Hà Nội
- **Top 15 doanh nghiệp niêm yết** có hiệu quả kinh doanh tốt nhất 3 năm liên tiếp do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng năm 2020;
- **TOP 10 thương hiệu nổi tiếng ASEAN** tại diễn đàn kinh tế ASEAN 2020 Viện Nghiên cứu doanh nghiệp vừa và nhỏ Phòng thương mại quốc tế Singapore trao tặng;
- **TOP 50 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam 2020** (TOP 50 -The Vietnam Famous Trademark Winner 2020) do Hội sở Hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng;
- **Danh hiệu Doanh nghiệp đồng hành cùng nông dân Việt Nam 2020** do Trung ương hội nông dân Việt Nam trao tặng;
- **Giống lúa Đài Thơm 8** - Đạt giải Nhì giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Toàn Quốc (VIFOTEC) do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng.
- **Giải thưởng sáng kiến năm Tập đoàn PAN** và 02 Giải thưởng sáng kiến tiêu biểu cấp Thành phố do UBND TP.Hà Nội trao tặng.
- **Giải thưởng Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam** năm 2020 do Tổng hội nông nghiệp và PTNT trao tặng.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NHỮNG NĂM TRƯỚC:

- **Huân chương Lao động hạng Nhì** do Chủ tịch nước trao tặng vì những đóng góp xuất sắc của Doanh nghiệp trong sự nghiệp phát triển KTXH đất nước 10 năm (2004 - 2014).
- **Cờ Thi đua Chính phủ năm 2011, 2014, 2018.** Năm 2018, Vinaseed vinh dự là 1 trong 7 doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc tiêu biểu toàn quốc được Thủ tướng chính phủ trao tặng.
- **Cờ thi đua đơn vị có thành tích xuất sắc**, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của thủ đô của UBND Thành phố Hà Nội trao tặng năm 2019.
- **Bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính** các năm.
- **Bằng khen đơn vị xuất sắc tiêu biểu toàn quốc** trong hợp tác xây dựng chuỗi giá trị nông sản năm 2019 do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.
- **Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam 2018.** Trong tổng số 45 sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu toàn quốc, Vinaseed vinh dự góp mặt 03 sản phẩm (lúa Thơm RVT, Đài Thơm 8, Dưa lưới Hanam Hitech) do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.
- **Danh hiệu doanh nghiệp vì nhà nông năm** 2018. Vinaseed vinh dự là 1 trong 53 doanh nghiệp tiêu biểu toàn quốc được vinh danh vì những đóng góp vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.
- **TOP 3 doanh nghiệp** tiêu biểu nhất trong 350 doanh nghiệp sau cổ phần hóa (theo đánh giá của Ban chỉ đạo đổi mới và PT doanh nghiệp và Bộ Tài chính).
- **TOP 10 doanh nghiệp** tín nhiệm nhất Việt Nam 2017 do Trung tâm khoa học Thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp (CRC) thuộc Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam minh chứng cho những nỗ lực trong quản trị điều hành, khẳng định uy tín, thương hiệu Vinaseed đối với cộng đồng, xã hội.
- **Top 10 doanh nghiệp** có năng lực quản trị tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam và giải thưởng Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất ngành trồng trọt do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng năm 2019.
- **TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất** Việt Nam giai đoạn 2014 - 2018, bảng xếp hạng được Vietnam Report và Báo Vietnamnet công bố dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.
- **TOP 500 doanh nghiệp** tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2018, 2019 do Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet tổ chức để vinh doanh các doanh nghiệp có khả năng sinh lời tốt, trở thành trụ cột cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, đồng thời góp phần quảng bá thương hiệu doanh nghiệp Việt tới công đồng quốc tế.
- **TOP 200 công ty** có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á - TBD năm 2013 do Forbes xếp hạng.
- **TOP 500 doanh nghiệp** lớn và tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (Fast 500 từ 2012 - 2019). TOP 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam VNR500 theo kết quả đánh giá độc lập theo chuẩn mực quốc tế do Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet thực hiện.
- **Doanh nghiệp Khoa học công nghệ** tiêu biểu toàn quốc năm 2017 do Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng.
- **TOP doanh nghiệp niêm yết** đạt chuẩn công bố thông tin theo Chương trình khảo sát công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán Việt Nam 2017 do Vietstock phối hợp với báo Tài chính và Cuộc sống thực hiện.
- **Năm 2019, Bà Trần Kim Liên - Chủ tịch HĐQT Vinaseed được Forbes vinh danh TOP 50 phụ nữ có tầm ảnh hưởng nhất Việt Nam.**

NHÂN SỰ NĂM 2020

Công ty đã tập hợp được đội ngũ chuyên gia tạo giống đầu ngành của Việt Nam giúp công ty đào tạo nguồn lực, kết nối hợp tác quốc tế. Mở rộng hợp tác với tất cả các viện nghiên cứu công lập và chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất, Vinaseed tự hào là công ty tiên phong tham gia tạo lập thị trường KHCN. Hiện nay công ty có đội ngũ chuyên gia công nghệ hoàn toàn có thể làm chủ công nghệ tiên tiến trên thế giới:

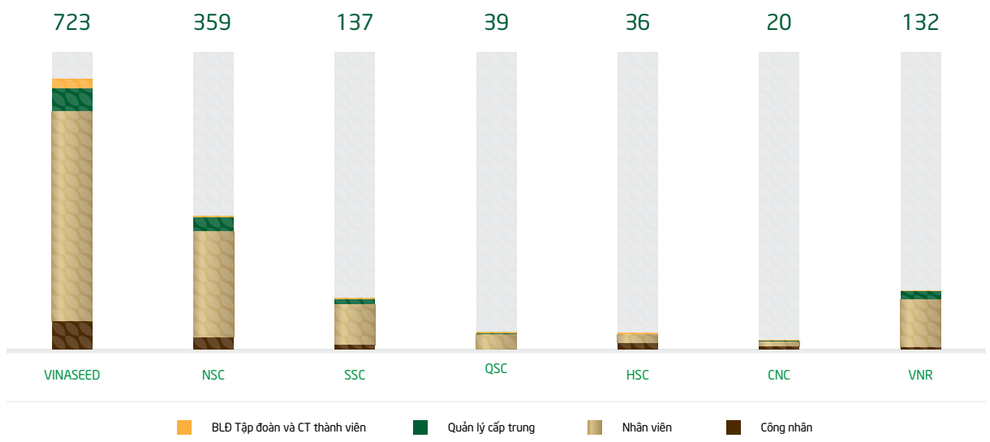


CÔNG NGHỆ CHỌN TẠO GIỐNG

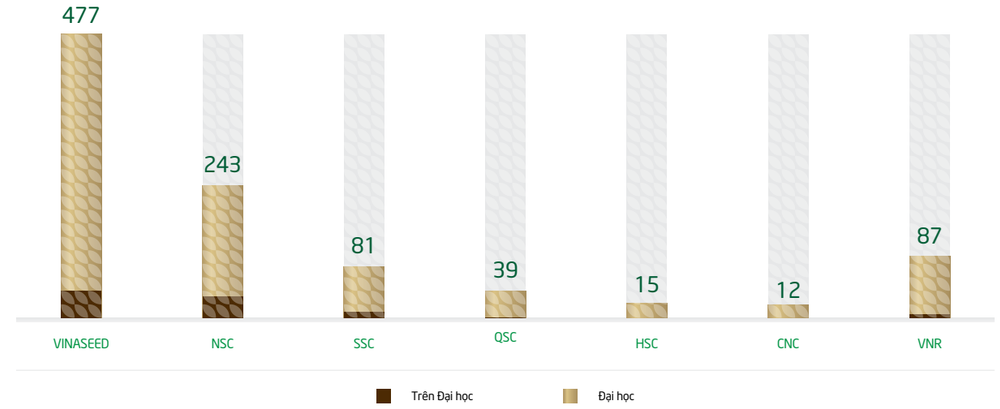
CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT HẠT LAI

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO 4.0.

SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG:



SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÊN ĐẠI HỌC

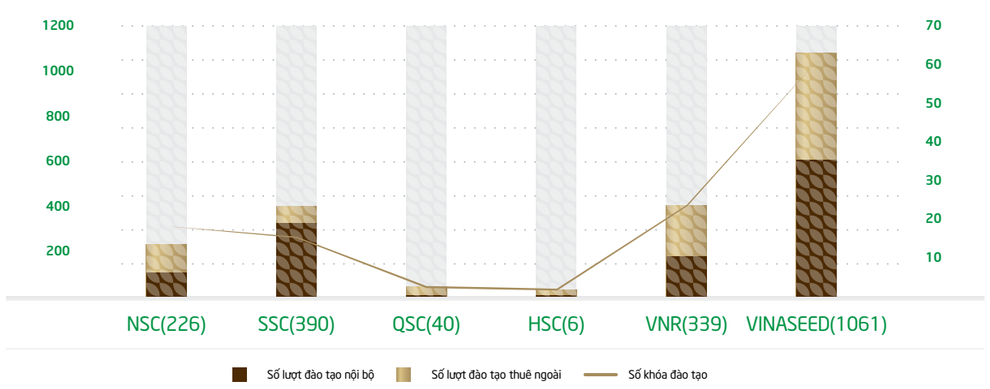


TRÌNH ĐỘ	VINASEED	NSC	SSC	QSC	HSC	HANAM HITECH	VINARICE
Trên đại học	41	32	5	1	-	1	2
Đại học	436	211	76	38	15	11	85
Cơ cấu trình độ (ĐH, Trên ĐH)	73%	75%	65%	100%	68%	96%	68%

ĐÀO TẠO NĂM 2020

- Tổng số khóa đào tạo: 60 khóa.
- Số lượt đào tạo: 1061lượt học viên.

Hình thức đào tạo:



TUYỂN DỤNG

- Công tác tuyển dụng tại công ty được thực hiện minh bạch và khách quan thông qua việc xây dựng và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tuyển dụng, từ việc đăng tuyển, sàng lọc hồ sơ, tuyển chọn công tâm. Trong năm 2020, công ty đã tuyển dụng mới 121 lao động góp phần xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.
- Tổng số lao động tuyển dụng năm 2020: 121 lao động.

CÔNG NGHỆ NỔI BẬT



Công nghệ chọn tạo giống cây trồng

Vinaseed là doanh nghiệp KHCN đầu tiên trong ngành giống cây trồng Việt Nam, tiên phong trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các giải pháp đột phá, đi trước và định hướng thị trường. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu hiện đại, đội ngũ chuyên gia hùng hậu, nhân sự gần 1000 lao động với 73% có trình độ đại học và trên đại học hoàn toàn làm chủ công nghệ chọn tạo giống tiên tiến trên thế giới, công nghệ sản xuất hạt lai, công nghệ sản xuất nông nghiệp 4.0.

Quản trị sản xuất nông nghiệp thông minh 4.0

Xây dựng phương thức quản trị sản xuất nông nghiệp tiên tiến, ứng dụng các giải pháp canh tác bền vững tiết kiệm tài nguyên, có truy xuất nguồn gốc, sử dụng các chế phẩm và thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học thế hệ mới góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm tồn dư hóa chất và hàm lượng Nitorat trong sản phẩm, thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất và chế biến. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các HTX, hộ nông dân tham gia chuỗi liên kết sản xuất nông sản của Vinaseed để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, góp phần đem lại thu nhập ổn định cho người nông dân.

Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại

Thực hiện chiến lược đầu tư để mở rộng công ty, đổi mới công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh, Vinaseed đã xây dựng các trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ và tự động hóa hàng đầu tại Việt Nam, các dòng sản phẩm của nhà máy sản xuất ra đáp ứng các quy trình kiểm định khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế, an toàn với con người và môi trường.

Trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam (VRDC): thực hiện chức năng Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực giống cây trồng phục vụ cho sự phát triển của Tập đoàn. Hoạt động của Trung tâm:

- **10 cơ sở nghiên cứu khắp các vùng sinh thái cả nước.**
- **Trung tâm sở hữu nguồn gen phong phú có ý nghĩa quyết định trong nghiên cứu chọn tạo.**
- **220,1 ha phục vụ nghiên cứu.**
- **100% cán bộ nghiên cứu có trình độ đại học trở lên, 17 chuyên gia kỹ thuật đầu ngành trong đó có 5 Tiến sỹ, 12 thạc sỹ.**
- **02 phòng công nghệ sinh học.**

Diện tích nhà kính, nhà lưới phục vụ nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

ĐƠN VỊ	DIỆN TÍCH (M2)
1. Trung tâm VRDC	15.400
VRDC Ba Vì	1.200
VRDC Khoái Châu	4.300
VRDC Củ Chi	2.100
VRDC Lâm Hà	2.820
VRDC Phú Giáo	1.000
VRDC Cai Lậy	3.000
VRDC Cờ Đỏ	980
2. Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC Hà Nam	100.000
TỔNG CỘNG	**115.400**

Cơ sở vật chất phục vụ CBBQ:

Công suất kho lưu trữ
35.000 tấn

Diện tích nhà chế biến đóng gói
92.610 m2

Công suất chế biến, đóng gói
90.000 tấn giống/năm
120.000 tấn gạo/năm

Số cơ sở chế biến đóng gói
8 nhà máy

HỆ THỐNG CƠ SỞ VẬT CHẤT



HỆ THỐNG DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN HẠT GIỐNG

Công suất chế biến
90.000 tấn hạt giống/năm



HỆ THỐNG KHO BẢO QUẢN

Lưu trữ
35.000 tấn



HỆ THỐNG DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN GẠO CÔNG NGHỆ SATAKE - NHẬT BẢN

Công suất chế biến
120.000 tấn gạo/năm







BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nông nghiệp Việt Nam 2020 60
Kết quả kinh doanh năm 2020 61
Chi trả cổ tức 2019 61
Đầu tư xây dựng cơ bản 61
Sở hữu tại các công ty thành viên 62
Quản trị doanh nghiệp 62
Đánh giá thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐTN 2020 63
Dự kiến mục tiêu năm 2021 63

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG QUAN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM 2020

THUẬN LỢI

- Chính phủ và Bộ NN&PTNT quyết liệt hành động với các giải pháp cơ cấu lại ngành, đổi mới mô hình tăng trưởng, khơi thông nguồn lực đầu tư toàn xã hội (Nghị quyết số 01/NQ-CP khuyến khích DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa) góp phần đảm bảo ổn định sản xuất nông nghiệp.

KHÓ KHĂN

- Tác động kép từ đại dịch Covid 19 và thiên tai đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp:
  - Ảnh hưởng dịch Covid 19: Các biện pháp cách ly, phong tỏa, đóng biên làm đứt gãy chuỗi cung ứng - tiêu thụ. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ bán hàng, xuất nhập khẩu bị hạn chế.
  - Thiên tai lịch sử:
  - Sản xuất gặp rất nhiều khó khăn, nhiều diện tích sản xuất bị mất mùa do mưa nhiều dẫn đến lúa bị nảy mầm trên bông không thu mua được ảnh hưởng đến kinh doanh.
  - Cuối năm 2020, không triển khai được sản xuất rau màu, ảnh hưởng đến cả kinh doanh 2021.
  - Thị trường xuất khẩu trọng điểm ngô - Lào, Campuchia bị hạn kéo dài, diện tich sụt giảm mạnh.
- Chi phí đầu vào tăng cao, sức mua thấp: Hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm, nông sản không xuất khẩu được, giá đầu ra giảm mạnh, sản xuất đình trệ.



KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2020

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020	TH 2020	TH/KH
Doanh thu	Trđ	1.513.000	1.634.551	108%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	185.100	194.815	105%
Cổ tức	%	30% - 40%	40% (DK)	100,0%

CHI TRẢ CỔ TỨC

Thực hiện Nghị quyết 36/NQ-ĐHĐCĐ2020, Vinaseed đã trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, tỷ lệ: 40%. Số tiền đã chi cổ tức: 70.298.063.875 đồng. Gồm:

Đợt 1: 15% - ngày 27/10/2020: 26.361.773.950 đồng.

Đợt 2: 25% - ngày 29/01/2021: 43.936.289.925 đồng.

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020: 12,44 TỶ ĐỒNG

Đơn vị tính:Tỷ VND

TT	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	GHI CHÚ
1	**Dự án xây dựng nhà kho và cải tạo hệ thống sấy CN Tây Nguyên**	7,79	Đã thực hiện xong và đi vào hoạt động phục vụ kịp thời cho SXKD
	Bao gồm:		
	Nhà sấy diện tích 936m2 khung kết cấu thép bao che		
	Mái che kết nối diện tích 198m2		
	Hệ thống sấy 03 bin, công suất 40 tấn/bin		
	Trạm biến áp 320 KVA		
2	**Dự án Điện mặt trời áp mái (NSC)**	2,88	Dự án đã thực hiện xong, đưa vào vận hành khai thác đúng tiến độ, được hưởng ưu đãi theo Quyết định 13/2020/QĐ-TTg.
3	**Cải tạo Văn phòng làm việc Vinaseed Thái Bình**	1,18	Đã thực hiện xong
	Cải tạo văn phòng làm việc, hội trường, công trình phụ, lắp đặt nội thất		
4	**Các hạng mục đầu tư XDCB các đơn vị khác**	0,59	Đã thực hiện xong
	Sửa sân phơi CN Ba Vì, Kho NM Thường Tín,...		
TỔNG CỘNG		12,44	

Các dự án, công trình triển khai theo đúng quy định luật Đầu tư, Xây dựng. Đảm bảo tiến độ, chất lượng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

SỞ HỮU TẠI CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

ĐẦU TƯ M&A	SỞ HỮU 31/12/2020		
	VỐN ĐIỀU LỆ (Đ)	SỐ CP SỞ HỮU (CP)	%/ VĐL
SSC	**149.923.670.000**	**12,794,862**	**85.34%**
VINARICE	330.000.000.000		70,00%
QSC	5.000.000.000	450,100	90.02%
TSC	9.960.000.000	194,126	19.49%
HSC	5.688.900.000	306,080	53.82%
HANAM HI-TECH	50.000.000.000	4,700,000	94.00%

Thực hiện Nghị quyết 08/NQ-VINASEED-HĐQT ngày 15/01/2020, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ và chuyển đổi hình thức sở hữu của Vinarice sang công ty TNHH hai thành viên (tăng VĐL từ 216,07 tỷ lên 330 tỷ đồng, trong đó NSC: 70% VĐL, SSC: 30% VĐL).
Năm 2020 công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng chính thức cổ phần Thái Bình Seed, nâng tỷ lệ sở hữu tại TSC từ 10,03% lên 19,49%.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Tái cấu chúc tổ chức, nhân sự, pháp chế Tập đoàn theo hướng tinh gọn và nâng cao hiệu quả hoạt động:
  - Tái cơ cấu tổ chức nhân sự toàn diện NSC: định biên, tổ chức sắp xếp lại nhân sự theo hướng kiêm nhiệm, giảm lao động gián tiếp, tập trung tối đa nguồn lực cho lực lượng trực tiếp SXKD.
  - SSC: Tổ chức lại bộ máy, nhân sự cho phù hợp quy mô thị trường, sản phẩm.
  - Vinarice: Thiết lập bộ máy quản trị, nhân sự, ban hành hệ thống quy chế. Hoạt động đi vào ổn định và bước đầu có hiệu quả.
  - QSC: Nâng cao năng lực kỹ thuật, tự chủ sản xuất và gia công giống cho Tập đoàn.
  - HSC: Sắp xếp, ổn định tổ chức, nhân sự tập trung phát triển ngành giống.
- Năm 2020, Tập đoàn đã đổi mới, cải tiến và đồng bộ hóa hệ thống quy chế Tập đoàn với 36 quy chế, quy trình làm việc (NSC: 18, VNR: 10, SSC: 8) xây mới và hoàn thiện.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực được quan tâm với 1061 lượt đào tạo (đào tạo nội bộ: 597 lượt, bên ngoài 464 lượt).
- Đồng bộ tin học hóa trong quản trị như áp dụng rộng rãi hình thức họp trực tuyến, phần mềm quản lý nhân viên DMS (áp dụng cả SX và KD), quản lý văn phòng Voffice trong toàn Tập đoàn.

ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2020:

- Trong điều kiện năm 2020 gặp rất nhiều khó khăn về thiên tai, dịch bệnh, nguồn vốn phục vụ kinh doanh chủ yếu là vốn vay. Vinaseed đã tận dụng mọi cơ hội và hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao:

DOANH THU
1.634,5 tỷ VNĐ
Bằng 108% Kế hoạch

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
194,8 tỷ VNĐ
Bằng 105% Kế hoạch

EBITDA
299,5 tỷ VNĐ
Bằng 138% Kế hoạch

- Thực hiện đầy đủ Nghị quyết chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế, thực thi đúng chức năng, phân cấp quản trị.
- Các dự án XDCB đúng tiến độ, chất lượng và thủ tục theo quy định pháp luật.
- Quản trị có nhiều đổi mới về tổ chức, nhân sự, pháp chế theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Quản lý tài chính tốt, đảm bảo vốn cho đầu tư và kinh doanh.

MỤC TIÊU NĂM 2021

Mục tiêu Kinh doanh hợp nhất năm 2021:

VINASEED GROUP	ĐVT	MỤC TIÊU 2021	TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ 2020
Doanh thu	**Trđ**	**1.800.000**	110,1%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	240.000	123,2%
Cổ tức (DK)	%	30 - 40%	

Mục tiêu quản trị:

- Hoàn thiện chiến lược phát triển Tập đoàn 2022 - 2026 cho nhiệm kỳ mới;
- Tái cấu Tập đoàn theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, trẻ hóa đội ngũ cấp trung;
- Hoàn thiện đồng bộ quy chế có tính đến yếu tố khác biệt giữa các đơn vị. Xây dựng hệ thống mô tả công việc, quy trình làm việc bài bản, tinh gọn;
- Tăng cường kiểm soát chấp hành quy chế. Xử nghiêm trường hợp vi phạm.



BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH





Đặc điểm tình hình 66
Kết quả hoạt động 2020 66
Kết quả nghiên cứu, ứng dụng và CGCN 67
Hoạt động của các công ty thành viên 68

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2020, tăng trưởng GDP Việt Nam 2,91% thuộc nhóm cao nhất thế giới, chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh quốc gia liên tục cải thiện, giá trị thương hiệu Việt Nam năm 2020 tăng 29%, đạt mức 319 tỷ USD, xếp thứ 33 (tăng 9 bậc từ thứ 42 năm 2019).

Hội nhập quốc tế và đối ngoại được tăng cường, nhiều hiệp định thương mại quan trọng ký kết EVFTA, RCEP và UKVFTA - mở ra cơ hội cho xuất khẩu Việt Nam. Xuất khẩu liên tục tăng trong bối cảnh thương mại toàn cầu giảm 10%. Tổng kim ngạch năm 2020 Việt Nam đạt 544 tỷ USD (tăng 5% cùng kỳ). Xuất khẩu trở thành điểm sáng đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư mức kỷ lục 19,1 tỷ USD.

Đặc điểm ngành nông nghiệp:

Năm 2020, ngành nông nghiệp tăng trưởng 2,55% chỉ thấp hơn các năm 2011, 2012 và 2018 trong giai đoạn 2011 - 2020. Diện tích lúa năm 2020 đạt 7,3 triệu ha, giảm 192 nghìn ha, sản lượng lúa đạt 42,7 triệu tấn, giảm 806,6 nghìn tấn so cùng kỳ.

Thuận lợi:

- Chính phủ và Bộ NN&PTNT quyết liệt hành động với các giải pháp cơ cấu lại ngành, đổi mới mô hình tăng trưởng, khơi thông nguồn lực đầu tư toàn xã hội (Nghị quyết số 01/NQ-CP khuyến khích DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa) góp phần đảm bảo ổn định sản xuất nông nghiệp.

Khó khăn:

- Tác động kép từ đại dịch Covid 19 và thiên tai đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp:
  - Ảnh hưởng dịch Covid 19: Các biện pháp cách ly, phong tỏa, đóng biên làm đứt gãy chuỗi cung ứng - tiêu thụ. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ bán hàng, xuất nhập khẩu bị hạn chế.
  - Thiên tai lịch sử:

    Sản xuất gặp rất nhiều khó khăn, nhiều diện tích sản xuất bị mất mùa do mưa nhiều dẫn đến lúa bị nảy mầm trên bông không thu mua được ảnh hưởng đến kinh doanh.

    Cuối năm 2020, không triển khai được sản xuất rau màu, ảnh hưởng đến cả kinh doanh 2021.

    Thị trường xuất khẩu trọng điểm ngô - Lào, Campuchia bị hạn kéo dài, diện tich sụt giảm mạnh.
- Chi phí đầu vào tăng cao, sức mua thấp: Hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm, nông sản không xuất khẩu được, giá đầu ra giảm mạnh, sản xuất đình trệ.

KẾT QUẢ KINH DOANH

a) Kết quả kinh doanh Hợp nhất năm 2020:

Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	KH 2020	TH 2020	TH/KH
Doanh thu	1.513.000	1.634.551	108,0%
Lợi nhuận gộp		558.189	
Lợi nhuận trước thuế		213.967	
Lợi nhuận sau thuế	185.100	194.815	105,2%
Lợi nhuận sau thuế c.ty mẹ		190.204	
ROS (LN/DT)	12,2%	11,9%	97,5%
Cổ tức (bằng tiền)	30% - 40%	30% (DK)	100,0%
ROA		10,8%	
ROE		16,2%	
EBIT		225.549	
EBITDA	216.000	299.525	138,6%
EPS (đ/CP)		10.823	

b) Khả năng thanh toán:

CHỈ TIÊU	ĐVT	2020
Khả năng thanh toán tiền mặt (Tiền, TĐT/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,49
Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,62
Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - H Tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,03
Khả năng thanh toán tức thời (Tiền, TĐT+ĐT Tài chính n.hạn)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,50

c) Cơ cấu vốn công ty:

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2020
Nợ phải trả	600.108
Vốn chủ sở hữu	1.201.443
Tổng nguồn vốn	1.801.551
Hệ số nợ (Nợ phải trả/ Vốn CSH)	49,9%
Hệ số nợ (Nợ phải trả/ Vốn CSH)	49,9%
Hệ số đòn bẩy (Tổng tài sản/ Vốn CSH)	149,9%

d) Hiệu quả quản lý tài sản:

CHỈ TIÊU	ĐVT	2020
Tổng tài sản	Trđ	1.801.551
Vốn chủ sở hữu	Trđ	1.201.443
Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn / H tồn kho)*	Vòng	3,39
Vòng quay khoản phải thu *(Doanh thu / Khoản phải thu)*	Vòng	5,91
Vòng quay Tài sản *(Doanh thu / TTS)*	Vòng	0,91

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

a) Định hướng nghiên cứu, phát triển sản phẩm:

b) Thành tựu R&D

GIỐNG	GIỐNG TRIỂN VỌNG ĐƯA VÀO PTSP MỚI	CÔNG NHẬN CHÍNH THỨC ĐƯA VÀO KD	
Lúa thuần	10 giống	4 giống	VNR10, Hương Châu 6, VNR20, VNR88
Lúa lai	1 giống		
Ngô lai	5 giống	4 giống	Ngô lai sinh khối SSC586, ngô nếp lai HN92, HN268, MX10 new
Rau đậu	10 giống	8 giống	Dưa leo trái baby NL107, dưa leo trái trái lỡ NL109; khổ qua BG175; bí đỏ ăn nụ/quả non Pu01; bầu xị Bowling 09; bầu BG11 thay thế G20; bầu tròn; đậu bắp số 3
CỘNG	**26 Giống triển vọng**	**16 Giống công nhận chính thức đưa vào Kinh doanh**	

Năm 2020, Công ty được hưởng chính sách miễn giảm thuế TNDN đối với DN KHCN. Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 23,46 tỷ đồng được bổ sung Quỹ đầu tư và phát triển để đầu tư cho hoạt động R&D của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY (HSC)

GĐKKD số: 0500437239 do sở KHĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/04/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 18/01/2017.

Địa chỉ: Số 02, Ba La, Phú Lãm, Hà Đông, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024. 33530655 / **Fax:** 024. 33535421.

Vinaseed sở hữu: 53,80% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 1996: Công ty thành lập trên cơ sở hợp nhất trại Giống cây trồng và trại Dâu tằm tơ Phù Lưu Tế (Quyết định 997/QĐ/UB ngày 17/12/1996 của UBND tỉnh Hà Tây).
- Năm 2003: Công ty cổ phần hóa theo Quyết định 272/QD-UB ngày 11/3/2003 UBND tỉnh Hà Tây thành công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng, nông sản, thức ăn chăn nuôi và vật tư nông nghiệp.
- Kinh doanh máy móc, thiết bị dịch vụ thương mại tổng hợp.
- Lữ hành nội địa, du lịch sinh thái và các dịch vụ du lịch khác.
- Dịch vụ kho vận.

Đơn vị thành viên:

1. Trại giống cây trồng Phù Lưu Tế.
   Địa chỉ: Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.
2. Trại giống cây trồng Phương Bảng.
   Địa chỉ: xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Tình hình kinh doanh năm 2020 HSC:

ĐVT: Triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	KH 2020	TH 2020	TH/KH
Doanh thu	37.000	32.270	87,2%
Lợi nhuận gộp		10.573	
Lợi nhuận trước thuế	4.800	3.734	77,8%
Lợi nhuận sau thuế	3.840	3.211	83,6%
ROS	10,3%	10,0%	97,1%
Vốn điều lệ	5.688	5.688	100,0%
Tổng tài sản		20.680	
Vốn CSH		17.053	

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW QUẢNG NAM (VINASEED QUẢNG NAM)

GĐKKD số: 3303070178 do sở KHĐT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/3/2019.

Địa chỉ: Km 943 QL1A, Thôn Bồ Mưng 1, Điện Thắng Bắc, TX. Điện Bàn, Quảng Nam.

Điện thoại: (0235) 3869455 Fax: (0235) 3869253

Vinaseed sở hữu: 90,02% cổ phần có quyền biểu quyết.

Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 2002: Công ty giống nông lâm nghiệp Quảng Nam thành lập theo Quyết định 479/2002/QĐ-UB ngày 21/02/2002 của UBND tỉnh Quảng Nam trên cơ sở đổi tên từ Nông trường Chiên Đàn và tiếp nhận Trại thực nghiệm giống NN BìnhTrung và tiếp nhận Trạm giống cây trồng TW Miền Trung.
- Năm 2005: Công ty cổ phần hóa theo Quyết định 3595/QĐ-UB ngày 26/9/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam đổi tên thành công ty CP giống NLN Quảng Nam.
- Năm 2016: Công ty đổi tên thành công ty CP giống cây trồng TW Quảng Nam theo Quyết định: 3676/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông lâm nghiệp.
- Mua bán vật tư nông nghiệp.
- Chế biến nông sản.

Đơn vị thành viên:

1. Xí nghiệp Giống Nông lâm nghiệp Chiên Đàn.
   Địa chỉ: xã Tam Đàn, H.Phú Ninh, Quảng Nam.
2. Xí nghiệp Giống Nông nghiệp Bình Trung.
   Địa chỉ: Xã Bình Trung, H.Thăng Bình, Quảng Nam.

Tình hình kinh doanh năm 2020 Vinaseed Quảng Nam:

ĐVT: Triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	KH 2020	TH 2020	TH/KH
Doanh thu	100.020	98.407	98,4%
Chênh lệch giá	30.481	30.412	99,8%
Lợi nhuận trước thuế	15.000	14.697	98,0%
Lợi nhuận sau thuế	12.000	12.637	105,3%
ROS (LN/DT)	12,0%	12,8%	106,7%
Vốn điều lệ		5.000	
Tổng tài sản		54.869	
Vốn CSH		46.752	

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN *(Tiếp theo)*

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM (SSC)

GĐKKD số: 0302634683, do Sở KHĐT TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/06/2002, thay đổi lần 10, ngày 19/8/2019.
Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38442414 - **Fax:** 028.38442387
Vinaseed sở hữu: 94,66% cổ phần có quyền biểu quyết.
Lĩnh vực kinh doanh:

- Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất kinh doanh và XNK giống cây trồng.
- Sản xuất, kinh doanh các loại nông sản và vật tư nông nghiệp.

Đơn vị thành viên:

1. Chi nhánh Trà Vinh (Trà Vinh)
2. Chi nhánh Cờ Đỏ (Cần Thơ)
3. Chi nhánh Cai Lậy (Tiền Giang)
4. Chi nhánh Củ Chi (TP.HCM)
5. Chi nhánh Phú Giáo (Bình Dương)
6. Chi nhánh Lâm Hà (Lâm Đồng)
7. Chi nhánh miền Trung (Quảng Nam)
8. Chi nhánh Campuchia
9. Văn phòng đại diện Lào.

Tình hình kinh doanh năm 2020 SSC:

ĐVT: Triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	KH 2020	TH 2020	TH/KH
Doanh thu	373.681	450.502	120,5%
Chênh lệch giá	87.911	101.392	115,3%
Lợi nhuận trước thuế	48.843	50.937	104,3%
Lợi nhuận sau thuế	39.075	40.080	102,5%
ROS (LN/DT)	10,4%	8,9%	85,6%
Vốn điều lệ		149.924	
Tổng tài sản		482.411	
Vốn CSH		342.589	

CÔNG TY TNHH LÚA GẠO VIỆT NAM (VINARICE)

GĐKKD số: 1402133347 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 01/11/2019.
Địa chỉ: Xã Trường Xuân, H.Tháp Mười, Đồng Tháp.
Điện thoại: (0277) 651 8888 **Fax:** (0277) 651 6666
Vinaseed sở hữu: 70% VĐL, SSC sở hữu 30% VĐL.
Lĩnh vực kinh doanh:

- Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất kinh doanh và XNK giống cây trồng và nông sản.

Tình hình kinh doanh năm 2020 Vinarice:

ĐVT: Triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	KH 2020	TH 2020	TH/KH
Doanh thu	550.718	490.139	89,0%
Chênh lệch giá		107.351	
Lợi nhuận trước thuế	59.714	51.952	87,0%
Lợi nhuận sau thuế	59.714	51.952	87,0%
ROS (LN/DT)	10,8%	10,6%	98,1%
Vốn điều lệ	330.000	330.000	100,0%
Tổng tài sản		454.607	
Vốn CSH		377.523	

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HÀ NAM (HANAM HITECH)

GĐKKD số: 0700778275 do sở KHĐT tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 04/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 13/02/2020.
Địa chỉ: Xóm 2, xã Nhân Khang, H.Lý Nhân, Hà Nam.
Điện thoại: (0226) 365 2888 **Fax:** (0226) 365 2666
Vinaseed sở hữu: 94,0% Vốn điều lệ.
Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh và chuyển giao công nghệ sản xuất dưa lưới và rau quả nông sản cao cấp theo mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Tình hình kinh doanh năm 2020 Hanam Hitech:

ĐVT: Triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	KH 2020	TH 2020	TH/KH
Doanh thu	13.894	16.487	118,6%
Lợi nhuận sau thuế	55	180	327,2%
Vốn điều lệ		50.000	



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Xu hướng phát triển ngành giống cây trồng Việt Nam 74
Các yếu tố ảnh hưởng đến CLPT Tập đoàn. 74
Mục tiêu chiến lược đến năm 2023 74
Kế hoạch năm 2021 75

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Xu hướng phát triển ngành giống cây trồng Việt Nam:

- Tái cấu trúc nên sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cáo giá trị gia tăng và xuất khẩu hình thành những vùng sản xuất hàng hoá lớn. đặc biệt các sản phẩm có lợi thế của VN. Việc chuyển đổi đất lúa sang các cây trồng khác đang trở thành xu thế, mục tiêu đến 2025, chuyển đổi khoảng 700 - 800 nghìn ha diện tích lúa sang cây trồng khác (ĐBSCL 500 nghìn ha) và kết hợp nuôi trồng thủy sản.
- Nhu cầu sử dụng giống hàng hóa 303,3 nghìn tấn chiếm tỷ lệ 42% trong tổng nhu cầu. Theo đề án tái cấu trúc ngành trồng trọt, tỷ lệ sử dụng giống hàng hóa sẽ tăng đến 100% vào năm 2025.
- Ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn để thúc đẩy phân công lại lực lượng lao động theo hướng giảm tỷ trong lao động trong nông nghiệp nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp
- Xu hướng sử dụng các sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện cơ giới hoá trong nông nghiệp và phát triển theo chuỗi giá trị theo hướng từ đồng ruộng lên bàn ăn
- Sát nhập các công ty nhỏ vào các công ty lớn, tận dụng lợi thế nguồn lực để phát triển thị trường

Các yếu tố ảnh hưởng đến Chiến lược phát triển Tập đoàn:

Cơ hội:

- Thị trường ngày càng mở rộng do môi trường xã hội thay đổi, trình độ dân trí cao, đời sống được cải thiện dẫn đến thay đổi tập quán tiêu dùng, tỷ lệ sử dụng giống hàng hóa tăng.
- Cơ hội hợp tác SXKD sang các nước trong khu vực và trên thế giới ngày càng lớn khi tham gia sâu vào các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, AEC, EVFTA.
- Định hướng phát triển kinh tế xã hội của đảng và chính phủ tập trung cho khoa học công nghệ nông nghiệp.
- Yêu cầu tái cấu trúc nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và xuất khẩu theo hướng các sản phẩm chất lượng.

Thách thức:

- Áp lực cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài trong cung ứng các sản phẩm cao cấp. Sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ trên thế giới, vòng đời sản phẩm ngày càng ngắn, áp lực sản phẩm thay thế, sự phát triển của dòng sản phẩm GMO.
- Quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá được đẩy mạnh làm suy giảm diện tích đất nông nghiệp. Thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp, sự chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ dẫn đến thiếu hụt nguồn nhân lực trẻ tại nông thôn.
- Thu nhập thấp từ sản xuất nông nghiệp khiến người dân không còn mặn mà với sản xuất nông nghiệp.
- Cam kết của người nông dân và tính chuyên nghiệp trong sản xuất thấp.
- Biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn dự đoán, tình hình xâm ngập mặn, hạn hán diễn ra thường xuyên => nghiên cứu chưa theo kịp.

Lợi thế của Vinaseed:

R&D và phát triển sản phẩm:

- Năng lực nghiên cứu: Đội ngũ chuyên gia công nghệ hàng đầu, là đơn vị có năng lực nghiên cứu mạnh đặc biệt lĩnh vực giống lúa.
- Bộ sản phẩm đa dạng, phổ thích nghi rộng, đặc biệt có một số sản phẩm dẫn dắt thị trường.
- Thị trường: Hệ thống kênh phân phối chuyên nghiệp, rộng khắp và đa dạng: đặc biệt là hệ thống đối tác lớn.

Quản trị:

- Hệ thống quản trị minh bạch, công khai theo chuẩn mực quốc tế.
- Bộ máy quản trị có trình độ và thích ứng cao, đội ngũ chuyên gia tạo giống đầu ngành trong và ngoài nước. CBCNV trẻ, khỏe, có trình độ, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp.
- Văn hóa Vinaseed tạo nên sự khác biệt và là nền tảng để phát triển bền vững.
- Tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động kinh doanh hiệu quả.
- Quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng phát triển, đặc biệt là mối quan hệ mật thiết với đơn vị nghiên cứu đầu ngành trong nước và quốc tế.

Cơ sở vật chất:

- Đầu tư hiện đại, trải dài từ bắc vào nam, đáp ứng nhu cầu SXKD.

Mục tiêu chiến lược đến năm 2023:

Mục tiêu tăng trưởng bình quân: 20%/năm.

Mục tiêu thị phần:

- Tập trung khai thác và nâng thị phần tại các vùng thị trường quản lý, với mục tiêu thị phần nội địa đến 2023: 30% - 35%.
- Chi phối thị trường lúa, ngô thực phẩm (ngô nếp & ngô đường) tại Việt Nam.

Định vị sản phẩm mục tiêu:

Cơ cấu doanh thu sản phẩm hàm lượng công nghệ cao chiếm: 90%.

- Trong đó định hướng phát triển:
- Lúa thuần: tập trung vào dòng chất lượng, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, chịu úng, chịu hạn.
- Lúa lai: tập trung vào dòng năng suất, chất lượng.
- Ngô: tập trung phát triển các dòng ngô thực phẩm và ngô sinh khối.
- Rau: tập trung rau lai F1 giá trị kinh tế cao và các sản phẩm đậu xanh giá.
- Nông sản: tập trung sản phẩm gạo thương hiệu phục vụ thị trường nội tiêu và xuất khẩu.

Kế hoạch năm 2021:

Mục tiêu Kinh doanh:

Tập trung khai thác và nâng thị phần tại các vùng thị trường quản lý, với mục tiêu thị phần nội địa đến 2023: 35%.

VINASEED	ĐVT	MỤC TIÊU 2021
Doanh thu	Trđ	1.800.000
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	240.000
Cổ tức	%	30 - 40%

Mục tiêu quản trị:

- Tiếp tục tái cấu Tập đoàn theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, trẻ hóa đội ngũ cán bộ cấp trung;
- Hoàn thiện hệ thống quy chế đồng bộ có tính đến yếu tố khác biệt giữa các đơn vị thành viên. Xây dựng hệ thống mô tả công việc, quy trình làm việc bài bản, tinh gọn trong Toàn tập đoàn;
- Tăng cường kiểm soát chấp hành quy chế. Xử nghiêm các trường hợp vi phạm.



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của BKS năm 2020 78
Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020 79
Tình hình thực hiện quy chế tại các đơn vị 79
Kết luận và kiến nghị 79

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020:

Các phiên họp của ban Kiểm soát:

TT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN TV BKS	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS từ 22/6/2020	24/4/2019	2/2	100%
2	Bà Nguyễn Thị Nga	TV BKS	22/6/2020	1/2	50%
3	Ông Đỗ Tiến Sỹ	TV BKS	19/3/2012	2/2	100%
4	Bà Vũ Thị Lan Anh	Trưởng BKS đến 21/6/2020	22/6/2020	0/2	0%

Các Báo cáo và biên bản họp ban Kiểm soát:

VĂN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
	22/06/2020	Báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
01/BB-VINASEED-BKS	22/6/2020	Ban Kiểm soát họp bầu Trưởng BKS. Ông Nguyễn Anh Tuấn được bầu làm Trưởng BKS kể từ ngày 22/6/2020.
02/BB-VINASEED-BKS	28/7/2020	Biên bản họp BKS ngày 28/7/2020

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH:

Trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của BKS (theo quy định tại Điều lệ, quy chế quản trị công ty, luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy chế quản trị công ty niêm yết của Sở GDCK TP HCM), BKS đã tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ.

Hoạt động giám sát:

- Giám sát chấp hành Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Giám sát việc thực hiện hoạt động đầu tư, XDCB, điều hành SXKD.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban điều hành lập, thẩm tra BCTC đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, tính tuân thủ, phù hợp với các chuẩn mực, các quy định chế độ kế toán tài chính hiện hành. Thẩm định các giao dịch trọng yếu của Công ty.
- Kiểm soát việc tuân thủ công bố thông tin theo quy định pháp luật.
- Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty (thuế, BHXH, ...).
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm. Ngày 06/7/2020, công ty đã ký hợp đồng kiểm toán với công ty TNHH Ernst & Young VN để thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2020.
- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải kiểm tra bất thường.

Kết quả giám sát:

- Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.
- BCTC bán niên, BCTC năm 2020 đã được công ty kiểm toán Ernst & Young VN soát xét, các Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật liên quan. Các khoản chi phí, khoản trích lập dự phòng công nợ, hàng tồn kho, khoản thu khó đòi theo đúng Thông tư Bộ Tài chính và quy chế quản lý công ty. Chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm toán và soát xét BCTC.
- Công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm. Ngày 06/7/2020, công ty đã ký hợp đồng kiểm toán với công ty TNHH Ernst & Young VN để thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2020.
- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải kiểm tra bất thường.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH:

- Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của BKS. BKS đưa ra những phân tích, đánh giá, và khuyến nghị trách nhiệm với Công ty. BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT, Ban điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ (bố trí nhân sự, điều kiện làm việc thuận lợi; cung cấp các báo cáo, thông tin đầy đủ, rõ ràng) để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình. Trong nửa đầu 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện từ xa qua soát xét tài liệu, báo cáo của ban điều hành và phỏng vấn trực tiếp các lãnh đạo Công ty về tình hình SXKD cụ thể trong từng giai đoạn.
- HĐQT, Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực trong chỉ đạo điều hành, giám sát hoạt động đầu tư, kinh doanh, thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, thực hiện đúng các nội dung ĐHĐCĐ, HĐQT đã thông qua, đảm bảo hoạt động công ty hiệu quả và an toàn.
- Các giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý, phòng ngừa rủi ro BKS đưa ra được Ban điều hành ghi nhận và có nhiều cải tiến đổi mới trong công tác quản trị doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2020:

Kết quả kinh doanh hợp nhất:

(ĐVT: Triệu VNĐ)

CHỈ TIÊU	KH 2020	TH 2020	TH / KH
Doanh thu thuần	1.513.000	1.634.551	108,0%
Lợi nhuận sau thuế	185.100	194.815	105,2%

Trong năm 2020, Công ty hoàn thành 108,0% Kế hoạch doanh thu và 105,2% Kế hoạch lợi nhuận sau thuế của ĐHCĐTN 2020.

CHI TRẢ CỔ TỨC 2019:

Thực hiện Nghị quyết 36/NQ-ĐHĐCĐ2020 của ĐHĐCĐ, Vinaseed đã chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, tỷ lệ cổ tức: 40%. (Đợt 1: 15% - ngày 27/10/2020, Đợt 2: 25% - ngày 29/01/2021).

THỦ TỤC TĂNG VỐN TẠI VINARICE:

Thực hiện Nghị quyết 08/NQ-VINASEED-HĐQT ngày 15/01/2020, Công ty đã thực hiện xong các thủ tục tăng vốn điều lệ và chuyển đổi hình thức sở hữu của Vinarice sang công ty TNHH hai thành viên (tăng từ 216,07 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng, trong đó NSC: 70% VĐL, SSC: 30% VĐL).

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY CHẾ TẠI CÁC ĐƠN VỊ:

- Công ty đã tập trung đổi mới, cải tiến và đồng bộ hệ thống quy chế, quy trình làm việc trong toàn Tập đoàn. Các đơn vị, chi nhánh và văn phòng Công ty cơ bản đã thực hiện nghiêm túc và tuân thủ quy chế, quy trình công ty ban hành về sản xuất, chế biến, bán hàng, vận chuyển và các hoạt động khác.

Công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy định của Công ty được tăng cường. Ứng dụng tốt công nghệ 4.0 vào quản lý góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và năng suất lao động.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Năm 2020, HĐQT và Ban TGĐ đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Quy chế công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã có nhiều đổi mới trong công tác Tổ chức, nhân sự, pháp chế của Công ty theo hướng tinh gọn và nâng cao hiệu quả hoạt động

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N:0101449271-C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN - TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM - Q.ĐỐNG ĐA - TP.HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN



Thông tin cổ phần 82
Lịch sử chia cổ tức 82
Lịch sử tăng vốn điều lệ 83
Thông tin cổ đông 84
Thay đổi nhân sự HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2020 86
Hoạt động ĐHĐCĐ 86
Hoạt động của HĐQT 87
Đào tạo quản trị công ty 90
Thù lao HĐQT, BKS, Tổng giám đốc Tập đoàn 90
Thù lao ban kiểm soát năm 2020 91
Báo cáo quản trị rủi ro 92

THÔNG TIN CỔ PHẦN

THÔNG TIN CỔ PHẦN		
Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên:		21/12/2006
Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên:		21/12/2006
Loại cổ phiếu niêm yết:		Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán niêm yết:		NSC
Nơi niêm yết:	Từ 21/12/2006 - 29/3/2021	Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM - HOSE
	Từ ngày 06/04/2021	Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội - HNX
Đơn vị kiểm toán độc lập:		Ernst & Young Vietnam Ltd
Mệnh giá:		10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu 31/12/2020		17.586.988 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành 31/12/2020		17.574.516 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2020		12.472 cổ phiếu

LỊCH SỬ CHIA CỔ TỨC

NĂM	TỶ LỆ CỔ TỨC	CHIA CỔ TỨC	
		BẰNG TIỀN	BẰNG CỔ PHIẾU
2006	19%	19%	
2007	39%	19%	20%
2008	22%	15%	7%
2009	50%	18%	32%
2010	30%	30%	
2011	30%	30%	
2012	50%	30%	20%
2013	30%	30%	
2014	30%	30%	
2015	30%	30%	
2016	30%	30%	
2017	30%	15%	15%
2018	30%	30%	
2019	40%	40%	
2020 (DK)	40%	40%	

LỊCH SỬ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

THỜI ĐIỂM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG (VNĐ)	PHÁT HÀNH TĂNG THÊM	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	CƠ SỞ PHÁP LÝ
2004	**13.500.000.000**	1.350.000	Cổ phần hoá	Quyết định 5029/QĐ-BNN-TC-CB ngày 10/11/2003 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2006	**22.120.100.000**	862.010	Phát hành nội bộ cho cổ đông hiện hữu, HĐQT, BKS, Bộ máy điều hành, CBNV và nhà đầu tư chiến lược	Biên bản ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/3/2006
2006	**30.000.000.000**	787.990	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV	Biên bản ĐHĐCĐ bất thường ngày 30/6/2006
2007	**36.000.000.000**	600.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu, trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 07/4/2007
2008	**57.659.500.000**	2.165.950	Phát hành cho cổ đông hiện hữu. Phát hành cho CBCNV. Phát hành cho cổ đông chiến lược.	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 07/4/2007
2009	**80.141.610.000**	2.248.211	Phát hành cổ phiếu thưởng, chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 14/3/2009
2010	**81.341.610.000**	120.000	Phát hành cổ phiếu thưởng chương trình ESOP 2009 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 21/3/2010
2011	**82.561.610.000**	122.000	Phát hành cổ phiếu thưởng chương trình ESOP 2010 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/03/2011
2012	**100.298.380.000**	1.773.677	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu chương trình ESOP 2011 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 19/3/2012
2014	**152.950.000.000**	5.265.162	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Chương trình ESOP 2014 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/12/2013
2018	**175.869.880.000**	2.291.988	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 19/4/2018



THÔNG TIN CỔ PHẦN *(Tiếp theo)*

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thông tin liên hệ:

Bộ phận Quan hệ cổ đông - Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Địa chỉ: Số 01, Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 0243.8523294

Emai: nsc@vinaseed.com.vn

Trang quan hệ nhà đầu tư: http://vinaseed.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin.htm

Trang Đại hội đồng cổ đông: http://vinaseed.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/dai-hoi-dong-co-dong.htm

Cơ cấu cổ đông 29/3/2021

ĐỐI TƯỢNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHIẾU	% VỐN ĐIỀU LỆ
Cổ đông trong nước	1.165	16.299.376	92,68%
Tổ chức	40	14.682.764	83,49%
Cá nhân	1.125	1.616.612	9,19%
Cổ đông nước ngoài	127	1.287.612	7,32%
Tổ chức	23	1.091.212	6,20%
Cá nhân	104	196.400	1,12%
TỔNG CỘNG	**1.292**	**17.586.988**	**100,00%**
Tổ chức	63	15.773.976	89,69%
Cá nhân	1.229	1.813.012	10,31%

Tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn

TT	CỔ ĐÔNG	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG			SỞ HỮU	
		NHÀ NƯỚC	CHIẾN LƯỢC	CĐ LỚN	SỐ CP	% VĐL
1	Công ty cổ phần Pan Farm			x	14.078.707	80,05%

Ngày 24/08/2020, Matthews Emerging Asia Fund giao dịch bán cổ phiếu, không còn là cổ đông lớn của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Hội đồng quản trị

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU		GHI CHÚ
			SỐ CP	% VĐL	
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	37.113	0,21%	
2	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	4.600	0,03%	
3	Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	4.600	0,03%	
4	Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	4.600	0,03%	
5	Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	27.618	0,16%	
6	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên HĐQT	4.600	0,03%	
7	Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	19.813	0.11%	

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của ban Kiểm soát

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU		GHI CHÚ
			SỐ CP	% VĐL	
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	0	0,00%	
2	Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên BKS	0	0,00%	
3	Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên BKS	31.903	0,18%	

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Ban Tổng giám đốc và Kế toán Trưởng:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU		GHI CHÚ
			SỐ CP	% VĐL	
1	Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	4.600	0,03%	
2	Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	19.813	0.11%	
3	Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó TGĐ	59	0,00%	
4	Ông Dương Quang Sáu	Phó TGĐ	5.759	0,03%	
5	Ông Phạm Trung Dũng	Phó TGĐ	7.493	0,04%	
6	Ông Phan Thế Tý	Kế toán Trưởng	15.699	0,09%	

Giao dịch nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu NSC năm 2020

NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	MỐI QUAN HỆ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU NĂM		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI NĂM		DIỄN GIẢI
		SỐ CP	% VĐL	SỐ CP	% VĐL	
Nguyễn Hải Thọ	Phó TGĐ công ty, CĐ nội bộ	6.259	0,04%	59	0,00%	Giao dịch bán cổ phiếu ngày 06/01/2020

Nghiệp vụ với các bên có liên quan:
Các nghiệp vụ với các bên liên quan trong năm 2020 được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán và được công bố trên website: www.vinaseed.com.vn/ quan hệ nhà đầu tư/Báo cáo tài chính.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ HĐQT, BKS, BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020

- Thực hiện Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ "Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng một công ty đại chúng kể từ ngày 01/8/2020". Đại hội cổ đông thường niên 2020 đã thông qua Tờ trình Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng giám đốc (NQ 36/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020).
- HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Trường chức danh Tổng giám đốc công ty kể từ ngày 02/7/2020 (QĐ 39/QĐ-VINASEED-HĐQT ngày 02/7/2020).
- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã chấp thuận đơn từ nhiệm của bà Vũ Thị Lan Anh và bầu bà Nguyễn Thị Nga làm thành viên BKS kể từ ngày 22/6/2020 (NQ 36/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020).
- Ban Kiểm soát đã bầu ông Nguyễn Anh Tuấn làm Trưởng BKS kể từ ngày 22/6/2020 (BB 01/BB-VINASEED-BKS ngày 22/6/2020).

HOẠT ĐỘNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 11/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc hạn chế các hoạt động tập trung đông người để phòng ngừa lây lan dịch Covid 19. Công văn 129/CV-ĐKKD ngày 03/4/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội về việc gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam. Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CTG-HĐQT ngày 07/05/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Ngày 22/06/2020 Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức tại Trụ sở chính Công ty, số 01 Lương Đình Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội, Đại hội đã diễn ra thành công tốt đẹp. Đại hội đã thông qua Nghị quyết với các nội dung chính như sau:

VĂN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
36/NQ-ĐHĐCĐ	22/6/2020	☑ Thông qua Báo cáo HĐQT 2019, định hướng hoạt động 2020 và Báo cáo Ban điều hành năm 2019. ☑ Thông qua Báo cáo Tài chính (BCTC) riêng và hợp nhất năm 2019 do công ty TNHH Ernst & Young VN kiểm toán. ☑ Thông qua Báo cáo Ban Kiểm soát (BKS) trình ĐHĐCĐ thường niên 2020. ☑ Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận 2019. ☑ Thông qua Báo cáo chi trả tiền lương kinh doanh, thù lao, tiền thưởng HĐQT, BKS 2019 và Phương án chi trả tiền lương kinh doanh, thù lao HĐQT và BKS 2020. ☑ Ủy quyền cho BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020. ☑ Thông qua Tờ trình chấp thuận Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng giám đốc. ☑ Chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên BKS của bà Vũ Thị Lan Anh kể từ ngày 22/6/2020 và Bầu bổ sung thay thế thành viên BKS, ĐHĐCĐ đã bầu bà Nguyễn Thị Nga làm TV BKS kể từ ngày 22/6/2020.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã thông qua các nội dung biểu quyết quan trọng với tỷ lệ nhất trí 100%, đặc biệt, phê duyệt mức chi trả cổ tức năm 2019: 40% tăng 33% so với kế hoạch đề ra. Bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Nga - thành viên BKS thay bà Vũ Thị Lan Anh từ nhiệm vì lý do cá nhân từ ngày 22/6/2020. Ngày 22/6/2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành họp và bầu ông Nguyễn Anh Tuấn làm Trưởng Ban Kiểm soát công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Các phiên họp HĐQT năm 2020

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI	TỶ LỆ
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	3/4	75%
3	Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	4/4	100%
4	Ông Nguyễn Quang Trường	TV HĐQT, Tổng giám đốc	4/4	100%
5	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên HĐQT	4/4	100%
6	Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	4/4	100%
7	Ông Đỗ Bá Vọng	TV HĐQT, Phó TGĐ	4/4	100%

Chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc và việc triển khai các Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên, Nghị quyết HĐQT trong năm 2020.

Phương thức giám sát:

- Giám sát thông qua các báo cáo tại phiên họp HĐQT (trong năm 2020, các phiên họp HĐQT chủ yếu thông qua họp trực tuyến online). Thông qua thư điện tử để đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, mục tiêu năm 2020 ĐHĐCĐ đã thông qua, các nội dung chỉ đạo tại các Nghị quyết HĐQT.
- Tiểu ban quản trị, nhân sự và pháp chế; Tiểu ban Đầu tư: Giám sát các khía cạnh tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát tính tuân thủ trong các phương án đầu tư, kinh doanh.
- Năm 2020 - HĐQT đã tổ chức 01 phiên họp trực tiếp, 03 phiên họp online, các phiên họp đều mở rộng có sự tham gia của BKS, ban TGĐ đưa ra các quyết nghị định hướng cho Ban điều hành triển khai, ngoài ra, HĐQT cũng đã tiến hành 03 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 08 biên bản, nghị quyết, quyết định liên quan đến các vấn đề trọng yếu thuộc HĐQT.

Hoạt động giám sát:

- Chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Chỉ đạo, giám sát việc huy động vốn phục vụ đầu tư và kinh doanh.
- Chủ trì thành công ĐHĐCĐ thường niên 22/6/2020 tại trụ sở chính của Công ty.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ BCTC quý, bán niên, BCTC năm 2020 và BCTN 2019.
- Giám sát thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo quy định UBCK, Sở GDCK TP HCM.
- Giám sát, hỗ trợ hoạt động Ban điều hành nâng cao hiệu quả đầu tư, SXKD, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong điều hành.

Kết quả giám sát: Qua chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT đánh giá Ban điều hành:

- Đã nỗ lực rất lớn trong hoàn cảnh khó khăn chung của ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong hoàn cảnh dịch Covid ảnh hưởng trực tiếp đến SXKD của Công ty.
- Tuân thủ thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế công ty, thực thi công việc đúng chức năng, thẩm quyền, phân cấp quản trị.
- Các hoạt động đầu tư, XDCB thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định pháp luật. Dự án triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, góp phần tiết kiệm chi phí đầu tư.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- Quản trị doanh nghiệp công khai, minh bạch, có nhiều đổi mới về tổ chức, quản lý và kiểm soát. Chấp hành nghiêm các quy định CBTT, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho HĐQT, BKS.
- Quản lý tài chính tốt, đảm bảo cân đối vốn phục vụ đầu tư và kinh doanh. Các BCTC phản ánh đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ.

Nghị quyết, quyết định HĐQT năm 2020

VĂN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
02/BC-VINASEED-HĐQT	05/01/2020	Báo cáo Quản trị công ty niêm yết năm 2019.
08/NQ-VINASEED-HĐQT	15/01/2020	Thông qua báo cáo SXKD, đầu tư, XDCB năm 2019, kế hoạch năm 2020. Thông qua chủ trương cho Công ty thuê đất mở rộng giai đoạn 2 của Dự án Đồng Tháp. Thông qua Phương án tăng vốn Điều lệ công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice). Thông qua Kế hoạch, mục tiêu nghiên cứu và dự toán kinh phí hoạt động nghiên cứu năm 2020 VRDC.
134/ VINASEED	18/02/2020	Công bố thông tin mua lại trái phiếu NSC trước hạn
16/NQ-CTG-HĐQT	10/03/2020	Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ TN 2020.
18/NQ-CTG-HĐQT	12/3/2020	Nghị quyết lùi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ TN 2020.
CBTT	06/4/2020	CBTT về Văn bản chấp thuận gia hạn số 129/CV-ĐKKD ngày 03/4/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội.
	12/4/2020	Công bố Báo cáo thường niên 2019
26/NQ-CTG-HĐQT	07/5/2020	HĐQT thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ TN 2020 (ngày tổ chức 22/6/2020)
29/NQ-VINASEED-HĐQT	11/6/2020	Thông qua Chương trình, Báo cáo và các Tờ trình để trình tại ĐHĐCĐ TN 2020. HĐQT nhận được đơn từ nhiệm TV BKS của bà Vũ Thị Lan Anh vì lý do cá nhân và sẽ trình tại ĐHĐCĐ TN 2020 thông qua đồng thời trình Đại hội bầu bổ sung 01 TV BKS thay thế.
CBTT	11/6/2020	Vinaseed CBTT về việc nhận được đơn từ nhiệm Thành viên BKS của bà Vũ Thị Lan Anh.
CBTT	23/6/2020	Vinaseed CBTT về việc ĐHĐCĐ thông qua đơn từ nhiệm TV BKS của Bà Vũ Thị Lan Anh từ ngày 22/6/2020. ĐHĐCĐ đã bầu cử 01 TV BKS thay thế, bà Nguyễn Thị Nga trúng cử chức danh TV BKS kể từ ngày 22/6/2020. BKS đã họp bầu ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức danh Trưởng BKS kể từ ngày 22/6/2020.
39/QĐ-VINASEED-HĐQT	02/7/2020	Quyết định của HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Trường chức danh Tổng giám đốc công ty.
	02/7/2020	CBTT Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty. Bản cung cấp thông tin người được bổ nhiệm. Thông báo chức danh và mẫu chữ ký của Tổng giám đốc.
	03/7/2020	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của Công ty.
660/CBTT/VINASEED	06/7/2020	CBTT Ký hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Ernst & Young VN để thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2020.
52/BC-VINASEED	24/7/2020	Báo cáo quản trị công ty niêm yết 6 tháng đầu năm 2020
48/NQ-VINASEED-HĐQT	26/8/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2019 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền (15%).
	28/10/2020	Báo cáo hoạt động SXKD 9TĐN 2020 Hội đồng quản trị.
52/NQ-VINASEED-HĐQT	22/12/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HĐQT

Tiểu ban Quản trị, Nhân sự và Pháp chế:

Nhân sự:

Bà Nguyễn Thị Trà My - Trưởng Tiểu ban
Bà Lê Thị Lệ Hằng - Thành viên
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh - Thành viên.

Nhiệm vụ:

- Tư vấn pháp lý đầu tư, giám sát công tác quản trị rủi ro, phát triển bền vững, Điều lệ, quy chế quản trị, hỗ trợ công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên của công ty.
- Tham gia phương án tái cấu trúc tổ chức nhân sự. Xây dựng và giám sát phát triển nhân sự cấp cao trong Công ty.
- Xây dựng chính sách thù lao thành viên HĐQT, BKS, các chính sách đãi ngộ, lương thưởng.
- Tham gia xây dựng chính sách phát triển bền vững, hệ thống quản trị rủi ro.

Hoạt động Tiểu ban:

- Tham gia, hỗ trợ công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- Tư vấn pháp lý đầu tư, công bố thông tin, quản trị rủi ro.
- Tư vấn phương án tăng vốn điều lệ Vinarice. Tư vấn nhân sự cấp cao.

Tiểu ban Khoa học kỹ thuật:

Nhân sự:

GS.VS.TSKH. Trần Đình Long - Trưởng Tiểu ban
Ông Đỗ Bá Vọng - Thành viên.

Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược nghiên cứu KHKT, chỉ đạo, giám sát thực hiện chiến lược.
- Tư vấn đầu tư và quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực phục vụ nghiên cứu và phát triển. Tư vấn xác định giá trị bản quyền nghiên cứu khoa học trong chuyển giao, thuê chuyên gia.
- Hỗ trợ thông tin tiến bộ KHKT nông nghiệp trong nước và quốc tế, tư vấn định hướng công tác nghiên cứu của công ty.
- Tìm kiếm, giới thiệu các đối tác phục vụ hoạt động R&D của công ty.
- Tham gia thẩm định, đánh giá kết quả nghiên cứu KHKT.

Hoạt động Tiểu ban:

- Tư vấn tuyển dụng, đào tạo nhân lực phục vụ R&D, xác định giá trị bản quyền sản phẩm.
- Hỗ trợ thông tin KHKT nông nghiệp trong nước và quốc tế.
- Tham gia hoạch định mục tiêu hoạt động nghiên cứu năm 2020 - 2021 VRDC. Tham dự các Hội đồng khoa học thẩm định và đánh giá kết quả nghiên cứu của VRDC, hỗ trợ triển khai tham dự giải thưởng Vifotec 2020 của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) - kết quả Giống lúa Đài Thơm 8 đạt giải Nhì VIFOTEC 2020.

Tiểu ban đầu tư:

Nhân sự:

Bà Lê Thị Lệ Hằng - Trưởng Tiểu ban
Bà Nguyễn Thị Trà My - Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trường - Thành viên.
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh - Thành viên

Nhiệm vụ:

- Xây dựng và giám sát việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển Công ty.
- Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát thực hiện các hoạt động đầu tư M&A, đầu tư xây dựng cơ bản.

Hoạt động Tiểu ban:

- Tham gia xây dựng Phương án tăng vốn điều lệ Vinarice.
- Tham gia xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020. Giám sát và hỗ trợ các hoạt động đầu tư.

ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2020, công ty đã cử cán bộ tham dự khóa đào tạo về Quản trị công ty do Trung tâm nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán Việt Nam tổ chức và đạt kết quả tốt, tiến hành tổ chức đào tạo nội bộ, phổ biến các quy định mới về quản trị doanh nghiệp, các quy định về kiểm toán nội bộ và kinh nghiệm kiểm toán nội bộ tại công ty niêm yết, tổ chức phổ biến đến các đơn vị, phòng ban trong Toàn Công ty về Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực từ 01/01/2021, tham dự đầy đủ các chương trình tập huấn khác do UBCK Nhà nước và Sở GDCK TP HCM tổ chức.

Hiện tại công ty có 03 chứng chỉ Quản trị công ty niêm yết:

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.
2	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên HĐQT
3	Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc, Thư ký HĐQT

THÙ LAO HĐQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	KẾ HOẠCH ĐHĐCĐ	ĐÃ CHI ỨNG
TỔNG CỘNG		1.200.000.000	1.114.285.500
Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	171.429.000	85,714,500
Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	171.429.000	171.429.000
Nguyễn Thị Trà My	Ủy viên HĐQT	171.429.000	171.429.000
Nguyễn Quang Trường	Ủy viên HĐQT	171.428.000	171.428.000
Trần Đình Long	Ủy viên HĐQT	171.429.000	171.429.000
Nguyễn Khánh Quỳnh	TV HĐQT từ 24/4/2019	171.428.000	171.428.000
Đỗ Bá Vọng	Ủy viên HĐQT	171.428.000	171.428.000

THÙ LAO BKS NĂM 2020

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	KẾ HOẠCH	ĐÃ CHI ỨNG
TỔNG CỘNG		250.000.000	250.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	TV BKS từ 24/4/2019	83,333,000	83,333,000
Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên BKS	83,333,000	83,333,000
Nguyễn Thị Nga	TV BKS từ 22/6/2020	41.667.000	41.667.000
Vũ Thị Lan Anh	Thành viên BKS đến 22/6/2020	41.667.000	41.667.000

Thù lao Tổng giám đốc năm 2020: Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-VINASEED-HĐQT ngày 05/08/2020, HĐQT phê duyệt mức lương Tổng giám đốc. Mức lương Net: 100.000.000 - 120.000.000 đồng/tháng. Thời gian hưởng từ 02/07/2020.





Quản trị rủi ro được thực hiện từ HĐQT, Ban TGĐ, các cấp quản lý cho đến nhân viên nhằm quản lý rủi ro trong mức độ rủi ro có thể chấp nhận và đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp. Vinaseed xây dựng khung quản trị rủi ro theo chuẩn Quốc tế COSO. Hệ thống quản trị rủi ro của Vinaseed (bao gồm hệ thống quy chế, quy trình, ban Kiểm soát nội bộ, Ban ứng phó với các tình huống khẩn cấp, ban an toàn lao động,...) được xây dựng để phân tích, đánh giá đầy đủ các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, tối ưu hóa giữa tương quan rủi ro và cơ hội, thực hiện các giải pháp khắc phục khi rủi ro xảy ra để đạt được mục tiêu doanh nghiệp.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

1. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT RỦI RO:

- Thiết lập hệ thống quy tắc làm việc:
  - Hệ thống quy chế: 23.
  - Hệ thống quy trình làm việc: 35. Bao gồm:
    - Kinh doanh, marketing: 6.
    - Kỹ thuật, sản xuất và quản lý chất lượng: 11.
    - Tài chính kế toán, kiểm soát: 9
    - Nhân sự, hành chính: 8.
- Xây dựng các giá trị nền tảng của tổ chức (Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng chiến lược, chính sách phát triển bền vững).
- Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức:
  - Đảm bảo sự phù hợp giữa sứ mệnh và cơ cấu tổ chức.
  - Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và các mối quan hệ trong tổ chức.
  - Xây dựng đội ngũ nhân sự có đạo đức nghề nghiệp, năng lực, nhiệt huyết và khả năng thích ứng công việc.
  - Thiết lập hệ thống báo cáo quản trị phù hợp đảm bảo thông tin thông suốt và chính xác trong toàn Công ty.
  - Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát: Ban kiểm soát nội bộ và hệ thống quy trình kiểm soát.

2. KIỂM SOÁT RỦI RO:

- Thiết lập các tầng phòng vệ, tập trung nguồn lực cho các hoạt động kiểm soát rủi ro trọng yếu.
- Thiết lập các chốt rủi ro.
- Áp dụng các biện pháp kiểm soát. Thiết lập các chuẩn mực trong kiểm soát nội bộ.
- Quy trình cải tiến khắc phục sau đánh giá và báo cáo kết quả khắc phục phòng ngừa.
- Xây dựng hệ thống giám sát (GRC): giám sát thường xuyên, định kỳ để hệ thống vận hành hiệu quả.

3. THIẾT LẬP NGƯỠNG RỦI RO (KHẨU VỊ) CHO HOẠT ĐỘNG:

Rủi ro và cơ hội đi liền với nhau, công ty thực hiện phân tích đầy đủ các loại rủi ro, và chấp nhận rủi ro trong giới hạn một cách cẩn trọng và có kiểm soát, đảm bảo tính hợp lý giữa chi phí kiểm soát và mức độ tổn thất rủi ro mang lại để đạt được mục tiêu kinh doanh.

4. NHẬN DIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO:

Phân rã chi tiết mọi hoạt động của Công ty để đánh giá nhận diện và kiểm soát rủi ro:

- Nhìn vào hoàn cảnh để nhận diện rủi ro.
- Nhận diện rủi ro cho từng hoạt động với đầy đủ 3 thành phần: Nguyên nhân - Rủi ro - Ảnh hưởng từ đó thiết lập danh mục rủi ro. Đánh giá xác xuất và mức độ tác động của rủi ro để quyết định mức độ quan tâm xử lý đối với từng loại rủi ro.
- Xác định các yếu tố thành công quan trọng để tập trung nguồn lực kiểm soát rủi ro.

5. TRUYỀN THÔNG RỦI RO:

- Thiết lập hệ thống truyền thông rủi ro phù hợp ở các cấp và cơ chế phản hồi thông tin trong Công ty.
- Truyền thông nhận thức về vai trò, trách nhiệm và biện pháp kiểm soát rủi ro đến ban quản lý đơn vị và nhân viên.

6. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT:

Thực hiện đánh giá liên tục công tác quản trị rủi ro, gắn kết hoạt động quản trị rủi ro giữa các bộ phận.



NHẬN DIỆN VÀ QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU:



Vinaseed thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật, xây dựng hệ thống quy chế và quy trình làm việc đồng bộ, kiểm soát và đảm bảo tính tuân thủ, trung thực và đạo đức nghề nghiệp trong đội ngũ cán bộ nhân viên toàn Công ty. Liên tục cải tiến quy trình làm việc, nâng cao hiệu quả điều hành. Vinaseed cũng chủ động xác định và đề ra các biện pháp xử lý các yếu tố rủi ro có thể xảy ra trong tổ chức:

1. RỦI RO LUẬT PHÁP:

Hoạt động SXKD của Vinaseed chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, pháp luật giống cây trồng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong điều kiện khung pháp lý và luật pháp Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nên thường xuyên có những điều chỉnh, thay đổi. Vinaseed đã thực hiện quản trị hệ thống hóa, sơ đồ hóa các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo thượng tôn pháp luật:

- Hệ thống hóa, sơ đồ hóa các quy định trong luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán
- Hệ thống quy định pháp luật về CBTT.
- Hệ thống văn bản pháp luật về Giống cây trồng.
- Hệ thống pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ.
- Hệ thống pháp luật môi trường, quản lý chất thải, hóa chất, PCCC.
- Hệ thống quy định pháp luật lao động.
- Hệ thống các quy định, chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, doanh nghiệp KHCN.

Vinaseed luôn tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật Việt Nam, không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.

2. RỦI RO VỀ THỜI TIẾT:

Thời tiết được đánh giá là rủi ro trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ hạt giống của Vinaseed. Để đối phó với rủi ro này Vinaseed đã có những giải pháp chủ động ứng phó với diễn biến thời tiết cực đoan:

- Mở rộng vùng sản xuất và diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau trên cả nước nhằm phân tán rủi ro và đảm bảo cung ứng liên tục cho thị trường.
- Đầu tư xây dựng kho bãi bảo quản hàng hóa để đảm bảo đầy đủ lượng hàng hóa cung cấp trong trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng.
- Hoạch định chiến lược trong hoạt động nghiên cứu phát triển: tập trung các dòng sản phẩm phạm vi thích ứng rộng, chống chịu hạn, lụt, chịu mặn và kháng sâu bệnh.
- Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất trong nhà kính, nhà màng đảm bảo chủ động điều kiện môi trường sản xuất.



3. RỦI RO TÀI CHÍNH:

3.1. Tín dụng:

- Đây là rủi ro có nguyên nhân chính là do các đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện chậm so với thời hạn quy định.
- Để phòng ngừa rủi ro này, công ty đã ban hành và thực hiện quy trình thẩm định năng lực khách hàng (tình hình tài chính, đánh giá khả năng tiêu thụ, nắm bắt thông tin khách hàng, quy luật thanh toán và xác định thời điểm thuận lợi để tập trung thu công nợ khách hàng) từ đó đề ra hạn mức nợ áp dụng đối với từng khách hàng, phát hiện kịp thời các dấu hiệu mất khả năng thanh toán để có biện pháp giải quyết kịp thời.
- Bên cạnh đó, công ty cũng yêu cầu đảm bảo tính pháp lý trong các thủ tục bán hàng phòng ngừa tranh chấp pháp lý có thể xảy ra, thường xuyên theo dõi, đối chiếu và chốt số dư công nợ. Với những biện pháp kiểm soát chặt chẽ này, năm 2020 công ty không để xảy ra nợ xấu, nợ khó đòi.

3.2. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi công ty gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản thành tiền hay thiếu tài sản để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khách hàng, nhà cung cấp. Tại Vinaseed, công tác quản trị dòng tiền được quan tâm và thực hiện tốt nên đã hạn chế tối đa khả năng xảy ra rủi ro thanh khoản.

4. RỦI RO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ:

Để hạn chế rủi ro về hoạt động đầu tư, Vinaseed đã thành lập Ban đầu tư HĐQT với nhiệm vụ phụ trách tư vấn đánh giá hiệu quả các hoạt động đầu tư cho Công ty, ban hành quy chế hoạt dộng của Ban quản lý dự án đối với từng Dự án cụ thể.

5. RỦI RO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP:

Đề phòng ngừa rủi ro trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, công ty yêu cầu đối với Ban kiểm soát nội bộ công ty, thủ trưởng đơn vị phòng ban:

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện quy chế, quy trình, thủ tục, quy định trong toàn Công ty, đề xuất bổ sung, sửa đổi nội dung kịp thời để phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.
- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng tài chính của từng đơn vị trực thuộc và toàn Công ty.
- Kiểm soát hoạt động kế toán tài chính công ty (hệ thống các nghiệp vụ kế toán tài chính, các báo cáo tài chính, kiểm soát chi phí phát sinh tại các đơn vị trực thuộc công ty) để đảm bảo tính tuân thủ luật Kế toán, luật Thuế và các quy định khác của Nhà nước và quy chế công ty.
- Kiểm soát công tác quản lý hàng hóa, kho tàng. Kiểm soát hao hụt.
- Kiểm soát tính chính xác, kịp thời trong các báo cáo quản trị (báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo thị trường, báo cáo bán hàng, báo cáo tồn kho, báo cáo tiền mặt, tiền gửi định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo công ty).
- Kiểm tra quy trình giao việc của đơn vị: từ ký kết mục tiêu năm, 6 tháng, kế hoạch làm việc tháng, tuần.
- Kiểm soát việc giải quyết các chế độ đối với người lao động theo quy chế (tiền lương, thưởng, phúc lợi).

6. BẢO MẬT THÔNG TIN:

- Phân cấp thẩm quyền tiếp cận thông tin kinh doanh của công ty.
- Cẩn trọng trong việc cung cấp thông tin ra bên ngoài.
- Các file thông tin được bảo mật bằng mật khẩu.
- Chống xâm phạm hòm thư cá nhân bằng cách định kỳ thay đổi mật khẩu, hạn chế vào hòm thư tại máy tính của người khác, tắt hòm thư đúng cách, thường xuyên kiểm tra hoạt động tài khoản hòm thư và đăng xuất từ xa (trường hợp sử dụng gmail).
- Hạn chế tối đa người khác sử dụng máy tính của mình và phải đứng cạnh giám sát trực tiếp (nếu có).
- Định kỳ lưu trữ file mềm để tránh bị mất dữ liệu thông tin.
- Ban hành quy định về việc đón tiếp khách đến thăm quan và làm việc tại công ty.
- Đặc biệt chú ý trong bảo mật thông tin trong quản lý nguồn gen và bí mật công nghệ của công ty.

7. RỦI RO AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG:

Công ty áp dụng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS:

- Vinaseed liên tục cải tiến hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp dựa trên các kết quả đánh giá, đo lường phân tích để đảm bảo hệ thống vận hành tốt nhất, phòng ngừa tối đa các rủi ro mất an toàn và đảm bảo sức khỏe người lao động. Chính sách an toàn lao động này sẽ được truyền đạt tới mọi nhân viên trong toàn công ty hiểu rõ và thành thạo áp dụng trong thực tế.
- Công ty xem xét hồ sơ lao động của tất cả nhân viên, bao gồm các hoạt động thuê ngoài, nhà thầu, nhà cung cấp để đánh giá các rủi ro lao động có liên quan. Tổ chức bố trí sắp xếp lao động hợp lý phù hợp với tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe của người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc các chương trình bảo hiểm y tế tự nguyện là một trong những hính sách đảm bảo an toàn sức khỏe người lao động.

Xác định các mối nguy an toàn và sức khỏe nghề nghiệp:

- Xác định các mối nguy và rủi ro ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của nhân viên hoặc người khác (bao gồm cả lao động tạm thời và nhân viên nhà thầu, hoặc bất kỳ người nào khác tại nơi làm việc của công ty).
- Đưa ra các biện pháp nhằm loại bỏ/ hạ thấp rủi ro, hậu quả trong trường hợp xảy ra.

Thành lập Ban an toàn lao động:

- Đôn đốc và kiểm tra, giám sát mọi người trong Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn và sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân, nhắc nhở, hướng dẫn các biện pháp làm việc an toàn đối với công nhân mới tuyển dụng hoặc mới chuyển đến làm việc.
- Tham gia góp ý đơn vị trong việc đề xuất kế hoạch bảo hộ lao động, các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện làm việc.
- Kiến nghị với cấp trên thực hiện các chế độ về BHLĐ, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị và nơi làm việc.

8. RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG:

- Rà soát và điều chỉnh chính sách môi trường và xã hội của Công ty dựa trên những thay đổi của pháp luật, yêu cầu thực tiễn, giám sát kết quả hoạt động dựa trên các yếu tố: Tiêu thụ tài nguyên, chất thải, sử dụng hóa chất và tiếng ồn. Định kỳ công ty đều có báo cáo tác động của các yếu tố này và trong phương án đầu tư, xây dựng hoặc kế hoạch triển khai sản xuất kinh doanh đều đề ra các giải pháp tối ưu hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường, sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư xung quanh.
- Công ty xác định và đánh giá những rủi ro về môi trường thông qua việc xem xét kỹ lưỡng đầu ra, đầu vào của tất cả các quy trình kinh doanh, bao gồm cả những quy trình liên quan đến các nhà cung cấp và các nhà thầu. Công ty có những biện pháp ưu tiên và đánh giá rủi ro. Đánh giá rủi ro được rà soát sao cho phù hợp với tình hình thực tế theo định kỳ và bất cứ khi nào mở rộng sản xuất kinh doanh.



Thông điệp của TGĐ về phát triển bền vững 98
Chiến lược phát triển bền vững 102



THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Định hướng phát triển bền vững của Vinaseed thực hiện hài hòa 03 mục tiêu: tăng trưởng kinh tế, kinh doanh có trách nhiệm với cộng đồng và phát triển nông nghiệp bền vững để bảo vệ môi trường. Định hướng đó được Vinaseed thực thi nhất quán từ HĐQT đến Ban điều hành và từng cán bộ nhân viên:

- Về mục tiêu Kinh tế: Vinaseed Tối đa hóa lợi nhuận và các giá trị của cổ đông thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ thỏa mãn nhu cầu khách hàng, quản lý chi phí hoạt động hiệu quả.
- Về mục tiêu xã hội:
  - Phát triển các dòng sản phẩm năng suất cao, chất lượng tốt, áp dụng quy trình sản xuất xanh, truy xuất nguồn gốc, an toàn với sức khỏe người tiêu dùng.
  - Xây dựng chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp, các HTX, hộ nông dân tham gia hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, đem lại thu nhập ổn định cho người nông dân.
  - Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, năng lực chuyên môn cho CBCNV, tạo môi trường làm việc bình đẳng, khuyến khích sự sáng tạo.
  - Tổ chức các hoạt động xã hội, tri ân góp phần lan tỏa yêu thương trong cộng đồng, để mỗi cán bộ nhân viên Vinaseed vượt lên chính mình, sống có trách nhiệm với đất nước, nghĩ đến mọi người xung quanh.
  - Đóng góp xây dựng xã hội, góp phần đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của LHQ.
- Về mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững và bảo vệ môi trường:
  - Vinaseed nỗ lực định hướng phát triển các dòng sản phẩm xanh, chống chịu sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt. áp dụng quy trình sản xuất bền vững, tiết kiệm nguồn tài nguyên đất và nước, giảm thiểu tối đa các yếu tố tác động tới môi trường.
  - Là thành viên trong Tập đoàn PAN, Vinaseed đang nỗ lực triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm tận dụng tối đa nguồn lực và tối thiểu hóa tác động đối với môi trường. Vinaseed tập trung đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu, nỗ lực chuyển đổi chất thải, phụ phẩm trong quá trình sản xuất chế biến thành các nguồn tài nguyên tái sử dụng.
  - Khai thác năng lượng mới, có khả năng tái tạo như điện mặt trời, thiết kế sinh thái đối với nhà máy và văn phòng làm việc, sử dụng các vật liệu bao bì có khả năng tái chế

Với thông điệp chỉ đạo từ Tập đoàn PAN: "Kinh doanh có trách nhiệm và phát triển bền vững", cùng những nỗ lực của mình, Vinaseed tin tưởng rằng định hướng chiến lược phát triển bền vững tại Vinaseed tạo nên các giá trị to lớn cho con người, xã hội và môi trường, đóng góp cho sự phát triển chung của nền kinh tế, tạo dựng một nền móng vững chắc cho tương lai phát triển của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

Nguyễn Quang Trường

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Nhằm thực hiện 3 mục tiêu: Duy trì tăng trưởng kinh tế, xây dựng xã hội và bảo vệ môi trường một cách bền vững. Để thực hiện các định hướng Chiến lược phát triển bền vững. Mục tiêu định hướng phát triển bền vững Vinaseed đặt ra:

Về quản trị doanh nghiệp:

Đây là yếu tố cốt lõi để doanh nghiệp thực hiện phát triển bền vững trong dài hạn, góp phần xây dựng và củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông:

- Thực hiện quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế: Công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- Liên tục cải tiến, đổi mới đáp ứng yêu cầu thay đổi.
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đối xử công bằng với các nhà đầu tư, có trách nhiệm giải trình và duy trì cơ cấu hoạt động hiệu quả.

Về Kinh tế:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế bình quân 20%/năm.
- Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời tất cả các quy định pháp luật Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quản lý chi phí hoạt động hiệu quả.

Về xã hội:

- Phát triển các dòng sản phẩm năng suất cao, chất lượng tốt. Áp dụng quy trình sản xuất xanh, an toàn cho xã hội góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.
- Hoàn thành nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả. Duy trì văn hóa Vinaseed. Đào tạo, phát triển đội ngũ Vinaseed luôn đầy ắp khát vọng vươn lên chinh phục những đỉnh cao mới, gắn bó, tâm huyết, ý thức kỷ luật tốt.
- Quỹ tấm lòng nhân ái Vinaseed tình nguyện chung sức thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình.

Về môi trường:

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tập trung nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm chống chịu sâu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu. Áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ và các biện pháp phòng trừ tổng hợp ICM.
- Tiết kiệm năng lượng điện, nước, sử dụng nguồn năng lượng sạch, nguyên liệu thân thiện với môi trường để giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.
- Tạo dựng môi trường, cảnh quan nơi làm việc xanh, sạch, đẹp. Bảo vệ giữ gìn môi trường xung quanh công ty.

CÁC PHƯƠNG THỨC QUAN TRỌNG
ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIÊU CHUẨN

Tất cả các chi nhánh, phòng ban, dự án thuộc quyền kiểm soát của Vinaseed phải áp dụng Các Nguyên tắc Hoạt động chung, Qui tắc Hành nghề và các Tiêu chuẩn sức khỏe, an toàn, an ninh và môi trường.

QUẢN TRỊ

Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Công ty từ cấp HĐQT đến Ban điều hành, các chi nhánh, xí nghiệp thành viên và phòng ban chức năng của Công ty, tại Vinaseed, chúng tôi xác định phát triển bền vững là trách nhiệm không chỉ của Ban Lãnh đạo mà cần sự chung tay của tất cả thành viên trong Vinaseed:

QUI TRÌNH

Vinaseed xem xét các yếu tố môi trường, xã hội trước khi đưa ra các quyết định đầu tư và khi lập kế hoạch cho các dự án mới. Phát triển bền vững là tiêu chí đóng vai trò then chốt khi Vinaseed áp dụng để xác định các khoản khen thưởng.

- **Hội đồng quản trị:** Ban hành chiến lược phát triển bền vững triển khai trong toàn công ty.
- **Ban điều hành:** Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp thông qua xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng phòng/ Ban chức năng và các chi nhánh, xí nghiệp thành viên.
- **Chi nhánh, xí nghiệp thành viên:** Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của chi nhánh, Xí nghiệp thành viên: Xây dựng mục tiêu , triển khai, giám sát kết quả thực hiện của đơn vị và báo cáo lên Công ty mẹ.
- **Phòng ban:** Triển khai theo các hoạt động hướng đến phát triển bền vững theo kế hoạch và chỉ tiêu xây dựng từ đầu năm.

Vinaseed đã thành lập Ban phát triển bền vững và phòng ngừa rủi ro. Ban hành Bộ chính sách phát triển bền vững của Công ty.



CAM KẾT CỘNG ĐỒNG

Vinaseed đưa ra nguyên tắc và cam kết cộng đồng và truyền thông rộng rãi để thể hiện sự nghiêm túc và quyết tâm thực hiện của mình:

KHÁCH HÀNG: đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu để phát triển các sản phẩm tối ưu, đáp ứng tối đa nhu cầu của Khách hàng.

CỔ ĐÔNG: thực hiện đầy đủ quyền lợi của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy định liên quan, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Cổ đông và Nhà đầu tư.

ĐỐI TÁC: Vinaseed trân trọng các Đối tác kinh doanh và mong muốn duy trì mối quan hệ hợp tác này một cách bền vững, trên cơ sở hài hòa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.

NHÂN VIÊN: Vinaseed đánh giá cao yếu tố con người và coi đây là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của doanh nghiệp. Quan điểm của Vinaseed trong chính sách nhân sự: "Người lao động chỉ có thể toàn tâm, toàn ý cống hiến hết mình cho doanh nghiệp khi người lao động được tôn trọng, được tạo môi trường thuận lợi để làm việc và phát triển năng lực bản thân, thu nhập của họ được bảo đảm". Chính vì vậy, Vinaseed luôn nỗ lực tạo dựng môi trường làm việc tiện nghi, an toàn, cơ hội đào tạo, thăng tiến cho mọi người lao động, tiền lương công bằng và ở mặt bằng cao có tính cạnh tranh, thực hiện chi trả các chế độ phúc lợi rất tốt cho người lao động như chương trình ESOP, bảo hiểm Health care, bảo hiểm nhân thọ, các chính sách hỗ trợ người lao động khi gia đình họ gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, đặc biệt quan tâm chăm sóc và tạo điều kiện cho lao động nữ có cơ hội được đào tạo, thăng tiến và dành thời gian quan tâm đến gia đình. Có thể nói thành công lớn nhất của Vinaseed sau thời gian đổi mới chính là xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, nhiệt huyết và trách nhiệm trở thành giá trị cốt lõi, nền tảng tạo nên sự khác biệt của Vinaseed.

Cam kết của Vinaseed đối với người lao động:

- Cung cấp điều kiện làm việc tiện nghi và an toàn cho tất cả cán bộ nhân viên trong công ty.
- Thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, thưởng, BHXH, BHYT các chế độ phúc lợi khác đối với người lao động. Nguyên tắc chi trả lương thưởng thực hiện dựa trên kết quả công việc.
- Công ty tạo cơ hội đào tạo, thăng tiến công bằng cho tất cả cán bộ nhân viên. Công ty cam kết không phân biệt đối xử về giới, tôn giáo, tín ngưỡng, hoàn cảnh gia đình, tuổi tác, hình thức,... không sử dụng những yếu tố này trong đánh giá xếp loại lao động và không cho phép CBCNV bình phẩm những vấn đề này tại nơi làm việc.

CHÍNH PHỦ: Vinaseed cam kết tuân thủ pháp luật, kinh doanh có hiệu quả, công khai, minh bạch, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ Ngân sách.

XÃ HỘI: Hàng năm công ty cam kết hỗ trợ cộng đồng thực hiện an sinh xã hội coi đây là nhiệm vụ được ban lãnh đạo cũng như tập thể CBNV Vinaseed quan tâm, giành thời gian, tâm sức và nguồn lực để thực hiện.

- Không chỉ thông qua những đóng góp cụ thể bằng vật chất mà còn bằng những hoạt động đào tạo, hướng dẫn nghề, chuyển giao công nghệ miễn phí cho người dân: Công ty cam kết đào tạo nghề miễn phí cho các vùng sản xuất hàng hóa của công ty. Hình thành các làng nghề sản xuất giống cây trồng tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho bà con nông dân.
- Công ty không sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhà cung ứng lạm dụng sức lao động trẻ em.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Vinaseed nhận thức được nhiệm vụ bảo vệ môi trường là đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài của doanh nghiệp. Trách nhiệm được thể hiện:

- Tạo dựng môi trường, cảnh quan nơi làm việc xanh, sạch, đẹp. Bảo vệ môi trường khu dân cư xung quanh công ty.
- Định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt.
- Tổ chức Mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị lúa gạo an toàn, tổ chức chuyển giao kỹ thuật giống cây trồng, ứng dụng và chuẩn hóa các giải pháp canh tác bền vững: 3 giảm, 3 tăng, quản lý dịch hại tổng hợp IPM; áp dụng quy trình sản xuất sạch chứng nhận VietGap, ứng dụng quản lý Farm Record để truy xuất nguồn gốc, sử dụng phân bón thông minh chậm phân hủy, thuốc bảo vệ thực vật gốc sinh học thế hệ mới góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm tồn dư thuốc BVTV và hàm lượng Nitorat trong sản phẩm, thực hiện cơ giới hóa và giảm tổn thất trong sản xuất lúa gạo, tiết kiệm công lao động, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho bà con nông dân.
- Tiết kiệm năng lượng:
  - Chú ý đến yếu tố tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên trong thiết kế nhà làm việc, nhà xưởng.
  - Thay đổi về bao bì (sử dụng nhiều hơn các loại bao bì có thể tái sử dụng nhiều lần), thay đổi bằng nguồn năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng trong sấy, chế biến.
  - Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch.



CÁC QUY TẮC ĐẠO ĐỨC VÀ ỨNG XỬ TRONG KINH DOANH

Vinaseed tạo lập các quy tắc đạo đức và ứng xử cơ bản áp dụng trong doanh nghiệp và cho các nhà cung cấp, nhà thầu phù hợp với sứ mệnh đã đề ra. Nội dung như sau:

Quan hệ giao dịch trung thực:

- Vinaseed cam kết đối xử công bằng với tất cả các nhà cung cấp có tiềm năng hợp tác. Các quyết định lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện dựa trên các tiêu chí đánh giá khách quan như giá cả, chất lượng, tiến độ cung cấp, uy tín, kinh nghiệm của nhà cung cấp cũng như khả năng ứng phó đối với những biến động, rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Vinaseed nghiêm cấm cán bộ nhân viên nhận hoa hồng, hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào từ phía nhà cung cấp.
- Nhà cung cấp phải thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về chất lượng, tiến độ sản phẩm, dịch vụ mình cung cấp. Nghiêm cấm việc cung cấp các thông tin thiếu trung thực dẫn đến quyết định sai trong việc lựa chọn nhà cung cấp.

Bảo vệ và tôn trọng người lao động:

- Vinaseed đề nghị các nhà cung cấp bảo vệ và tôn trọng người lao động:
- Không được sử dụng các hình thức lao động cưỡng bức, khổ sai, bắt ép người lao động làm việc. Không sử dụng lao động trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào. Trừ một số trường hợp pháp luật Việt Nam không cấm.
- Tôn trọng sự khác biệt và phải đảm bảo đối xử công bằng đối với tất cả nhân viên. Không được sử dụng các yếu tố về dân tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, ngoại hình, hoàn cảnh gia đình trong việc đánh giá, xếp loại lao động.

Môi trường làm việc an toàn, tiện nghi:

- Nhà cung cấp tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường và điều kiện làm việc của người lao động.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp, phương tiện phòng ngừa các tổn hại về sức khỏe và nguy cơ mất an toàn đối với người lao động trước mắt cũng như lâu dài. Các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn lao động Vinaseed đặt ra đối với nhà cung cấp như sau:
  - Đối với các công việc tiếp xúc thường xuyên với môi trường làm việc độc hại, cháy nổ, hỏa hoạn hoặc dễ xảy ra tai nạn lao động: Người lao động phải được cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân, được tham gia vào các khóa đào tạo, tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
  - Phải có bộ phận theo dõi, giám sát chặt chẽ các nguy cơ, các tác nhân hóa học phải được đánh giá và kiểm soát. Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, thay thế kịp thời các trang thiết bị vận hành để đảm bảo tối đa an toàn cho người lao động làm việc.
  - Khuyến khích nhà cung cấp thực hiện chế độ bảo hiểm tự nguyện, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động để sớm phát hiện các bệnh nghề nghiệp, thực hiện luân chuyển cán bộ đối với các vị trí làm việc thường xuyên tiếp xúc với môi trường làm việc độc hại.
  - Xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp xảy ra, các phương án đối phó phải ưu tiên đến việc giảm thiểu tối đa tổn thất về con người và tác động môi trường.

Đảm bảo tiền lương và chế độ đối với người lao động:

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ tiền lương và phúc lợi đối với người lao động. Các trường hợp nhà cung cấp nợ đọng tiền lương người lao động kéo dài sẽ là điều kiện để Vinaseed chấm dứt quan hệ hợp tác.

Tuân thủ pháp luật:

- Nhà cung cấp phải tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các các quy định pháp luật Việt Nam, không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.

Đảm bảo chất lượng hàng hóa và dịch vụ:

- Thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận với khách hàng về chất lượng sản phẩm, tiến độ cung ứng và những vấn đề liên quan và có trách nhiệm đến cùng với sản phẩm và dịch vụ công ty cung cấp. Liên tục có các giải pháp đề xuất, cải tiến để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Bảo vệ môi trường:

- Nhà cung cấp thực hiện nghiêm túc các quy định bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật Việt Nam. Các hóa chất độc hại trong quá trình lưu trữ, sử dụng phải được quản lý chặt chẽ, các chất thải độc hại trước khi thải ra môi trường phải được xử lý và loại bỏ hoàn toàn các yếu tố độc hại gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và cộng đồng.
- Tiết kiệm năng lượng, tăng cường việc sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch, sử dụng nguyên liệu tái chế để hạn chế thấp nhất nguồn chất thải độc hại ra môi trường.
- Tuyệt đối không sử dụng sản phẩm lâm sản không rõ nguồn gốc, vi phạm pháp luật bảo vệ rừng.

CÁC CHUẨN MỰC GIÁ TRỊ VĂN HÓA LÀM NÊN CON NGƯỜI VINASEED

Nhiều năm qua, Vinaseed không ngừng vun đắp xây dựng các giá trị văn hóa riêng, từ những quy định về trang phục, giao tiếp, đối ngoại, các quan hệ ứng xử, những cam kết thực hiện trách nhiệm đối với nhà nước, xã hội, cổ đông và người lao động đảm bảo sự phát triển bền vững và được chuẩn hóa thành bộ Quy tắc văn hóa ứng xử Vinaseed.

Chuẩn mực giá trị văn hóa Vinaseed:

Sự tuân thủ:

Mọi thành viên trong Tập đoàn phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn một cách tự giác và coi đó là một trong những chuẩn mực bắt buộc đối với mọi thành viên của VINASEED.

Bảo vệ uy tín, vì lợi ích Tập đoàn:

Không được có những hành vi, ngôn từ làm ảnh hưởng đến uy tín Tập đoàn. Mọi thành viên phải hướng đến lợi ích chung, không vì tư lợi, lợi ích cục bộ của phòng ban, đơn vị làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của Tập đoàn.

Tinh thần trách nhiệm, hợp tác:

Đề cao trách nhiệm cá nhân, tinh thần hợp tác trong quá trình thực thi công việc.

Lắng nghe, chia sẻ, khuyến khích sự sáng tạo:

Biết tôn trọng, lắng nghe, chia sẻ những ý kiến đóng góp, đề xuất, thường xuyên đưa ra các giải pháp sáng tạo và đột phá, không ngừng thử nghiệm các ý tưởng mới, những hướng đi mới.

Tôn trọng sự riêng tư cá nhân:

Vinaseed tôn trọng sự riêng tư của mỗi thành viên, tại Vinaseed CBCNV không bàn luận đời tư cá nhân làm ảnh hưởng đến uy tín của đồng nghiệp).

CHÍNH SÁCH AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Tài sản lớn nhất của Vinaseed là nguồn nhân lực. Vinaseed quan niệm vấn đề đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động là ưu tiên hàng đầu. Công ty có chính sách phù hợp với các yêu cầu về sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động theo Tiêu chuẩn của tổ chức Lao động quốc tế ILO. Thực hiện cam kết mạnh mẽ về các chính sách an toàn sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động như sau:

- Tuân thủ pháp luật lao động về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát mọi rủi ro về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp.
- An toàn lao động là trách nhiệm của tất cả CBNV, các quy định về an toàn lao động là bắt buộc.
- Công ty cam kết tạo dựng điều kiện làm việc an toàn, tiện nghi cho người lao động. Vinaseed quan tâm đến việc trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết, xây dựng phương án tổ chức sản xuất an toàn, máy thiết bị phục vụ sản xuất luôn được bảo dưỡng định kỳ và thay thế kịp thời đảm bảo hoạt động ổn định, không để nguy cơ mất an toàn đối với người lao động.
- Đào tạo, phổ biến đến mọi CBNV kiến thức an toàn lao động, quy trình vận hành máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải; nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các yếu tố mất an toàn, bổ sung kịp thời các quy định cho phù hợp, thiết lập các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn tối đa cho từng cá nhân người lao động. Không để người lao động nào phải làm việc trong điều kiện mất an toàn lao động.

TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

- Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;
- Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động: quy định về an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động; kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động; xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm; phân tích, đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; xây dựng hệ thống quản lý về an toàn, vệ sinh lao động; nghiệp vụ công tác tự kiểm tra;
- Kiến thức tổng hợp về sử dụng máy móc thiết bị, vật tư; những yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Ban hành hồ sơ xác định các mối nguy an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, thực hiện các chương trình bảo hiểm tự nguyện 100% kinh phí do công ty chi trả, bao gồm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe toàn diện (người lao động được khám chữa bệnh miễn phí tại các bệnh viện lớn trên cả nước (Việt Pháp, Hồng Ngọc, ...) với chế độ cao, được khám sức khỏe định kỳ).

QUAN TÂM RIÊNG ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ

Nguyên tắc bình đẳng giới:

- Đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi công bằng.
- Cơ hội đào tạo, phát triển chuyên môn, cơ hội thăng tiến.
- Quan tâm đến điều kiện làm việc, thu nhập, đời sống và gia đình nữ lao động trong Công ty.
- Tổ chức hội nghị về bình đẳng giới, thăm hỏi động viên, tổ chức các hoạt động kỷ niệm như 20/10, ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày Vinaseed,...
- Các vị trí phù hợp với nữ giới sẽ được ưu tiên trong tuyển dụng vì vậy, tỷ lệ nữ giới đối với các vị trí này khá cao: Kiểm nghiệm; kế toán, nhân sự hành chính 67%, nghiên cứu 48%.
- Thực hiện đầy đủ chế độ thai sản, đảm bảo công việc sau khi nghỉ thai sản.
- Hỗ trợ các nhân viên nữ trẻ tuổi, cho họ cơ hội học tập, mở rộng quan hệ và tầm hiểu biết.

QUAN ĐIỂM HỖ TRỢ, CHĂM SÓC TRẺ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Hỗ trợ tài chính: Người lao động trong trường hợp gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, bản thân hoặc con cái ốm đau: mức hỗ trợ tối thiểu 5 triệu đồng/trường hợp. Đối với con CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn công ty sẽ hỗ trợ toàn bộ tiền học phí cho các con đến khi học xong phổ thông.
- Chế độ thai sản trong chương trình bảo hiểm tự nguyện healthcare đảm bảo người lao động sinh con được hưởng các điều kiện chăm sóc y tế tốt nhất tại các bệnh viện lớn (khám chữa bệnh theo yêu cầu) hoàn toàn miễn phí.
- Đối với lao động nữ mang thai, nuôi con nhỏ công ty tạo điều kiện linh hoạt về thời gian làm việc, hạn chế đi công tác xa để thuận lợi cho việc chăm sóc con nhỏ, bố trí nghỉ thêm giờ trong ngày. Không bố trí các công việc nặng nhọc, nơi có khói bụi, độ cao, tiếng ồn lớn.

TT	NỘI DUNG	CHI TIẾT	KẾT QUẢ SỐ LIỆU VÀ MÔ TẢ
	GRI400		
GRI401 - VIỆC LÀM			
1	Tổng số nhân viên		723
2	Cơ cấu Nam/ Nữ	Nam	524
		Nữ	199
3	Cơ cấu tuổi	Dưới 25	56
		25 - 35	265
		35-45	244
		Trên 45	158
4	Số giờ làm thêm/năm của lao động chính thức		120
5	Nhân viên tuyển mới		121
6	Nhân viên thôi việc		114 (hưu trí 13)
7	Phúc lợi ngoài lương (100% chi phí do công ty chi trả)		- Chương trình bảo hiểm nhân thọ - Chương trình bảo hiểm healthcare - Chế độ khám chữa bệnh định kỳ tại các bệnh viện lớn như Việt Pháp, Bệnh viện ĐH Y Hà Nội,... - Chương trình thăm quan, học tập kinh nghiệm hàng năm. - Chương trình đào tạo hàng năm, công ty khuyến khích người lao động đi đào tạo, học tập nâng cao trình độ, được hưởng nguyên lương khi đi học, được xét nâng lương sau đào tạo. Tổng số lượt đào tạo năm 2020: 1061 lượt (đào tạo nội bộ: 597, đào tạo bên ngoài: 464 lượt) - Bảo hộ lao động cấp phát hàng năm theo vị trí, yêu cầu công việc mức 5 triệu đồng/người.năm. - Các chế độ lễ tết: Tết nguyên đán, tết dương lịch, ngày giỗ tổ, ngày 1/5, ngày 30/4, ngày quốc khánh, ngày 27/7, 22/12, tết thiếu nhi, trung thu, ngày sinh nhật, ngày 8/3, ngày 20/10. - Chế độ ăn ca 1 triệu đồng/người.tháng. - Thăm nom khi ốm đau. - Hiếu hỷ: 1 triệu đồng/trường hợp. - Hỗ trợ gia đình CBNV gặp khó khăn biến cố trong cuộc sống: 5 - 10 triệu đồng/ trường hợp. - CBNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn công ty sẽ hỗ trợ toàn bộ tiền học phí cho các con đến khi học xong PTTH. - CBNV không may mắc bệnh hiểm nghèo, gia đình khó khăn cần sự hỗ trợ, công ty sẽ hỗ trợ tùy theo từng hoàn cảnh. - Chế độ khi CBNV nghỉ hưu: theo quy định luật lao động.
GRI404 - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
14	Cơ cấu trình độ	Trên đại học	6%
		Đại học	67%
		Cao đẳng, trung cấp	11%
		PTTH và lao động PT khác	16%

TT	NỘI DUNG	CHI TIẾT	KẾT QUẢ SỐ LIỆU VÀ MÔ TẢ
15	Số khóa đào tạo	Đào tạo hội nhập Đào tạo kỹ năng Đào tạo chuyên môn Đào tạo nâng cao	60
	Số lượt đào tạo		1061 lượt
	Thời gian đào tạo	Bằng tổng của (các khóa đào tạo x thời gian đào tạo) từng khóa	180 ngày
GRI405 - SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG			
16	Khiếu nại từ nhân viên	Không có	
17	Khiếu nại từ cộng đồng và các bên ngoài công ty	Không có	
18	Mức thu nhập ở vị trí thấp nhất của người lao động trong năm	7.500.000đ/tháng	
19	Mức thu nhập trung bình của nhân viên	14.500.000đ/tháng	
20	Bình đẳng giới	◆ Đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi công bằng. ◆ Cơ hội đào tạo, phát triển chuyên môn, cơ hội thăng tiến. ◆ Thành lập Ban vì sự phát triển phụ nữ, quan tâm đến điều kiện làm việc, thu nhập, đời sống và gia đình nữ lao động trong Công ty. ◆ Tổ chức hội nghị về bình đẳng giới, thăm hỏi động viên, tổ chức các hoạt động kỷ niệm như 20/10, ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày Vinaseed,... ◆ Các vị trí phù hợp với nữ giới sẽ được ưu tiên trong tuyển dụng vì vậy, tỷ lệ nữ giới đối với các vị trí này khá cao: Kiểm nghiệm; kế toán, nhân sự hành chính 69%, nghiên cứu 56%. ◆ Hỗ trợ các nhân viên nữ trẻ tuổi, cho họ cơ hội học tập, mở rộng quan hệ và tầm hiểu biết. ◆ Tuân thủ pháp luật đối với lao động nữ.	
22	Số hộ nông dân liên kết sản xuất để cung cấp nguyên liệu (hoa, giống rau, giống lúa, lúa lương thực, nông sản khác)	Để triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện việc liên kết sản xuất với trên 70.000 hộ nông dân, 160 HTX trên toàn quốc, cam kết thu mua các sản phẩm đạt chất lượng với giá cao hơn ít nhất 30% so với giá thị trường hiện tại.	
	Diện tích canh tác của nông dân liên kết	25.000 ha	
23	Số vụ vi phạm liên quan đến các vấn đề quyền con người/ lao động/ an toàn/ xã hội;	0	
	Tổng số tiền phạt	0	
	Các hình thức phạt không bằng tiền	0	
GRI406 - KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
24	Tôn trọng sự khác biệt, riêng tư	Tôn trọng sự khác biệt và phải đảm bảo đối xử công bằng đối với tất cả nhân viên. Không sử dụng các yếu tố về dân tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, ngoại hình, hoàn cảnh gia đình trong việc đánh giá, xếp loại lao động. Khuyến nghị người lao động không bình phẩm về đời tư của người khác trong công ty.	

TT	NỘI DUNG	CHI TIẾT	KẾT QUẢ SỐ LIỆU VÀ MÔ TẢ
GRI407 - TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ			
25	Các hiệp hội, đoàn thể, tập thể	Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội hưu trí, CLB Bóng đá, CLB Cầu lông.	
GRI408 - LAO ĐỘNG TRẺ EM			
26	Số lượng lao động trẻ em làm việc	Không có	
27	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	Không có trường hợp nào vi phạm việc lạm dụng lao động trẻ em trong công ty và đối với nhà cung cấp. Công ty yêu cầu nhà cung cấp phải ký biên bản cam kết tuân thủ nghiêm túc trong sử dụng lao động, bảo vệ môi trường và đạo đức kinh doanh.	
GRI409 - LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC			
28	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Không có	
29	Các thành tích, bằng khen của các bên đối với vấn đề quyền con người/ lao động/ an toàn/ xã hội của công ty năm 2020	◆ Cờ thi đua của UBND TP.Hà Nội trao tặng Doanh nghiệp có thành tích trong phong trào thi đua khối Doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố năm 2020; ◆ Cờ Thi đua đơn vị xuất sắc tiêu biểu của Liên đoàn Lao động TP.Hà Nội ◆ Top 15 doanh nghiệp niêm yết có hiệu quả kinh doanh tốt nhất 3 năm liên tiếp do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng năm 2020; ◆ Danh hiệu Doanh nghiệp đồng hành cùng nông dân Việt Nam 2020 do Trung ương hội nông dân Việt Nam trao tặng; ◆ Giống lúa Đài Thơm 8 - Đạt giải Nhì giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Toàn Quốc (VIFOTEC) do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng. ◆ Giải thưởng sáng kiến năm Tập đoàn PAN và 02 Giải thưởng sáng kiến tiêu biểu cấp Thành phố do UBND TP.Hà Nội trao tặng. ◆ Giải thưởng Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2020 do Tổng hội nông nghiệp và PTNT trao tặng.	



HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Trong mọi hoạt động, Vinaseed đều hướng đến trách nhiệm của mình với môi trường, thể hiện qua việc gìn giữ môi trường tại nơi làm việc, môi trường sống của cộng đồng dân cư xung quanh, với những tiêu chuẩn khắt khe về quản lý hoạt động sản xuất, tiết kiệm tối đa các nhiên liệu sạch, vật liệu tái chế trong bảo quản, chế biến và đóng gói hàng hóa.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, chọn tạo giống mới: Vinaseed nỗ lực và đã thành công trong định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt.

Giải pháp canh tác: Quy trình sản xuất hữu cơ bền vững kết hợp với các quy trình canh tác tổng hợp, tập trung, tưới tiêu kiệm nước SRI (3 giảm, 3 tăng) sẽ giảm thiểu tác động tới môi trường trong sản xuất và tạo ra các dòng sản phẩm sạch an toàn với sức khỏe người tiêu dùng. Các dự án Nông nghiệp công nghệ cao (Hà Nam, Khoái Châu, Ba Vì) được triển khai sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công ty đang áp dụng:

SẢN PHẨM	TIÊU CHUẨN
Giống cây trồng	QCVN/2011/BNN
Gạo thương phẩm	Gạo sản xuất theo chứng nhận Quản lý an toàn thực phẩm FSSC22000 số IND.20.3880/FS/U/1, theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008 CAC/RCP1-1969 Rev.4-2003 (HACCP).
Dưa lưới, rau	Chứng nhận GlobalGap số 1805/QDCN-IQC-GG

Các chương trình tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu:

- Lập kế hoạch vận hành máy móc thiết bị tiêu thụ điện năng lớn ngoài giờ cao điểm.
- Trong thiết kế nhà máy, văn phòng làm việc và lắp đặt công nghệ, chú ý lấy sáng tự nhiên, thông gió và đầu tư các công nghệ sản xuất hiện đại tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu.
- Nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm điện nước.
- Chú ý đến yếu tố cây xanh, cảnh quan, môi trường văn phòng nhà máy.
- Lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại Vinarice (hoàn thành Tháng 12/2020).

Bảng dữ liệu về môi trường năm 2020:

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 300		
GRI 302: NĂNG LƯỢNG		
Dạng năng lượng các loại sử dụng	◆ Điện: 840,276kWh ◆ Xăng: 8.220 lít ◆ Dầu DO: 0 ◆ FO: 0 ◆ Than: 0 tấn ◆ Trấu: 680.250 kg	
Giảm tiêu hao năng lượng		◆ Công ty đã phát động phong trào tiết kiệm trong toàn công ty, do vậy đã giảm thiểu được tỷ lệ sử dụng xăng, than 10%. ◆ Thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, đặc biệt là việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu. ◆ Trước các vụ sản xuất, các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất đều được xây dựng kế hoạch, định mức tiêu hao cụ thể, trong quá trình sẽ được điều chuyển và phân phối để các cơ sở thực hiện chế biến sản phẩm. Việc kiểm soát được thực hiện hằng ngày dựa trên hệ thống báo cáo quản trị, do đó các yếu tố đầu vào luôn được kiểm soát chặt chẽ tránh lãng phí.
GRI 303: NƯỚC		
Lượng nước đầu vào theo nguồn	Lượng nước sử dụng trong năm: ◆ Nước máy: 7800 m3 /năm ◆ Nước sông, kênh mương: 16 triệu m3/năm ◆ Nước mưa: 10,5 triệu m3/ năm ◆ Nước ngầm: 0.8 triệu m3/ năm	
Tuần hoàn và tái sử dụng nước	Các biện pháp tuần hoàn/ tái sử dụng nước: Nước thải chủ yếu là nước sinh hoạt thải theo hệ thống thoát nước khu công nghiệp, khu dân cư; cán bộ nhân viên đều có ý thức sử dụng nước tiết kiệm và hợp lý. Trong sản xuất, công ty áp dụng quy trình canh tác SRI, 3 giảm (nước, phân bón, thuốc trừ sâu), 3 tăng giúp tiết kiệm nước tưới, giảm lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ảnh hưởng đến môi trường. Ứng dụng sản xuất NN công nghệ cao điều khiển bằng Smart phone, hệ thống tưới nhỏ giọt giúp tối ưu quá trình sản xuất, tiết kiệm nước tưới, thuốc bảo vệ thực vật và công lao động.	
Các chương trình tiết kiệm, tái chế được triển khai		◆ Trong hoạt động sản xuất: Hoạt động sản xuất được kiểm soát theo quy trình chặt chẽ đảm bảo hiệu quả tăng năng suất, giúp tiết kiệm nguồn lực, công lao động, hạn chế sử dụng phân bón và thuốc BVTV. Quá trình thu mua việc tái sử dụng bao bì giúp tiếp kiệm được vật tư, giảm tỷ lệ hao hụt. ◆ Trong quá trình chế biến vận hành nhà máy: Quản lý chặt chẽ kiểm soát hao hụt thông qua định mức đảm bảo tiết kiệm chi phí. ◆ Trong quá trình quản trị: Công ty thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, đặc biệt là việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu và được phụ trách bởi phòng KHĐT. ◆ Trước các vụ sản xuất, các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất đều được xây dựng kế hoạch định lượng cụ thể, trong quá trình sẽ được điều chuyển và phân phối để các cơ sở thực hiện chế biến sản phẩm. Việc kiểm soát được thực hiện hằng ngày dựa trên hệ thống báo cáo quản trị, do đó các yếu tố đầu vào luôn được kiểm soát chặt chẽ tránh lãng phí.

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC		
Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	Sản xuất nông nghiệp tại các vùng không tác động lớn đến thay đổi cơ cấu cây trồng và có tính toán đến yếu tố đa dạng sinh học cho khu vực xung quanh. (Ví dụ: không sản xuất 1 loại SP với diện tích quá lớn tại 1 địa phương, luân canh cây trồng theo vụ,...).	
Mô tả các biện pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học cho khu vực xung quanh	◆ Hoạt động 1 đổi 1 vì môi trường: Công ty phối hợp với các địa phương và bà con nông dân tổ chức các phong trào thu gom rác thải, vỏ bao bì đối lấy sản phẩm của công ty từ đó tạo môi trường sạch đẹp. ◆ Hoạt động dọn vệ sinh đường phố, đồng ruộng của đoàn thanh niên công ty phối hợp với đoàn thanh niên các xã phường được triển khai liên tục trong năm. ◆ Các dự án nghiên cứu của công ty để nghiên cứu các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, lụt, mặn, chống chịu sâu bệnh để tiết kiệm nguồn tài nguyên đất, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón. ◆ Các dự án Nông nghiệp công nghệ cao (Hà Nam, Khoái Châu, Ba Vì) tổ chức sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, an toàn cho cộng đồng và môi trường.	
GRI 305: PHÁT THẢI		
Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp	pH: 7,21 BOD5 (mg/l): 31 COD (mg/l): 99,0 TSS (mg/l): 77 Tổng Dầu mỡ khoáng (mg/l): 0,2 Coliform (MPN/100ml) : 3500 NO3-_N (mg/l): 28,0 NH4+_N (mg/l): 4,0 Phân xưởng gạo: Bụi: 1,91 mg/m3 NOx: 0,81 mg/m3 SO2: 0,06 mg/m3 CO: 2,34 mg/m3 CO2: 720 mg/m3 Tiếng ồn: 66,2 dBA	Phân xưởng giống: Bụi: 2,04 mg/m3 NOx: 0,90 mg/m3 SO2: 0,16 mg/m3 CO: 3,7 mg/m3 CO2: 756 mg/m3 Tiếng ồn: 66,9 dBA Kho: Bụi: 1,96 mg/m3 NOx: 0,60 mg/m3 SO2: 0,15 mg/m3 CO: 3,4 mg/m3 CO2: 760 mg/m3 Tiếng ồn: 51,5 dBA
Biện pháp giảm/ kiểm soát khí thải ra môi trường đang áp dụng	◆ Việc xử lý ô nhiễm không khí từ PTGTVT: Phân công nhân viên quét dọn định kỳ đảm bảo sạch sẽ khu vực các xe tải đi vào bốc dỡ hàng, tưới nước đường đi để giảm bụi ◆ Trong nhà máy chế biến: Sử dụng các xyclon hút bụi để hút toàn bộ bụi phát sinh trong quá trình chế biến; Khí thải lò đốt được thoát ra ngoài phía sau qua quạt hút gió tốc độ cao đưa qua bộ phận lọc bụi xyclon bụi trong phòng kín và không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.	

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI		
Tổng lượng nước thải	Lượng nước thải: ◆ Nước thải sản xuất: Quá trình chế biến không sử dụng nước. ◆ Nước thải sinh hoạt: 7.305 m3 /năm.	
Sự cố tràn, đổ nước/ chất thải ra môi trường	Không có	
Lượng chất thải rắn thải ra môi trường của tất cả cơ sở hoạt động chính của công ty (tấn), gồm: i. Chất thải thông thường (Rác sinh hoạt, rác Công nghiệp); ii. Chất thải nguy hại	Chất thải thông thường: 60 tấn/ năm. Chất thải nguy hại: số lượng rất ít, được thu gom thông qua các đơn vị có chứng nhận được phép thu gom, xử lý chất thải nguy hại.	
Mô tả thêm các biện pháp nhằm giảm/ kiểm soát chất thải rắn thải ra môi trường.	Các chất thải trong quá trình sản xuất chủ yếu là phụ phẩm, phế phẩm trong quá trình chế biến đóng gói (lõi ngô, trấu, kẹ) một phần được chuyển thành nhiên liệu phục vụ lò sấy, phần lớn được các bên thu mua làm phân bón và thức ăn chăn nuôi. Đối với rác thải sinh hoạt khối văn phòng ký HĐ xử lý chất thải với công ty xử lý chất thải trong khu công nghiệp hoặc địa phương.	
Kết quả quan trắc chất lượng nước thải mới nhất tại nơi hoạt động chính.	◆ PH: 7,38, BOD5 (mg/l): 41,2, COD (mg/l): 97,0, TSS (mg/l): 74.8 ◆ Tổng Dầu mỡ khoáng (mg/l): 0,5 ◆ Coliform (MPN/100ml) : 4300 ◆ NO3-_N (mg/l): 26,2 ◆ NH4+_N (mg/l): 4,2	
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG		
Tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	◆ Số lần xảy ra sự cố: 0 ◆ Tổng số tiền phạt do vi phạm: 0 ◆ Phạt khác do vi phạm môi trường: 0	
Các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường triển khai tại Công ty trong năm	◆ Hoạt động 1 đổi 1 vì môi trường: Công ty phối hợp với các địa phương và bà con nông dân tổ chức các phong trào thu gom rác thải đối lấy sản phẩm của công ty từ đó tạo môi trường sạch đẹp. ◆ Hoạt động dọn vệ sinh đường phố, đồng ruộng của đoàn thanh niên công ty phối hợp với đoàn thanh niên các xã phường được triển khai liên tục hàng năm. ◆ Các dự án nghiên cứu của công ty để nghiên cứu các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, lụt, mặn, chống chịu sâu bệnh để tiết kiệm nguồn tài nguyên đất, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón. ◆ Các dự án Nông nghiệp công nghệ cao (Hà Nam, Khoái Châu) tổ chức sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững và bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng.	

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

Quỹ Tấm lòng nhân ái Vinaseed được đóng góp từ sự tình nguyện chung sức của CBNV trong công ty, thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình, nguồn hoạt động của Quỹ duy trì: 10 tỷ đồng.

Đối tượng tập trung hướng đến:

+ Hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học từ phổ thông đến đại học

+ Giúp đỡ đồng bào vùng thiên tai, bão lụt.

+ Giúp đỡ các gia đình thương binh liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Công ty Luôn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhiệt tình hưởng ứng và vận động hưởng ứng các cuộc phát động ủng hộ, quyên góp do Trung ương, thành phố, địa phương phát động như các cuộc vận động vì người nghèo, ủng hộ các vùng bị thiên tai bão lũ,... hưởng ứng các hoạt động từ thiện như xây nhà tình nghĩa cho bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình nghèo; Đóng góp tiền lương hỗ trợ đồng bào lũ lụt; Tham gia các chương trình khác cùng mặt trận Tổ Quốc các tỉnh Hà Tĩnh, Lào Cai, Hòa Bình, Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Nam,Tây Ninh, Đồng Tháp, như xây nhà tình nghĩa, tặng áo ấm, tặng quà tết,....

Hoạt động thiện nguyện tiêu biểu năm 2020:

Hành trình hướng về miền Trung: Trong tháng 10, 11/2020 Công ty đã tổ chức hoạt động thiện nguyện Hướng về miền Trung, hỗ trợ đồng bào chịu thiệt hại do các đợt lũ lụt và mưa bão. Cụ thể, các đoàn đã đến hỗ trợ tại 5 địa phương là Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam với tổng cộng hơn 3.000 suất quà và 8 máy phun khử trùng Makita PM7650H. Tổng lượng hàng hóa cứu trợ này có trị giá gần 3 tỷ đồng.

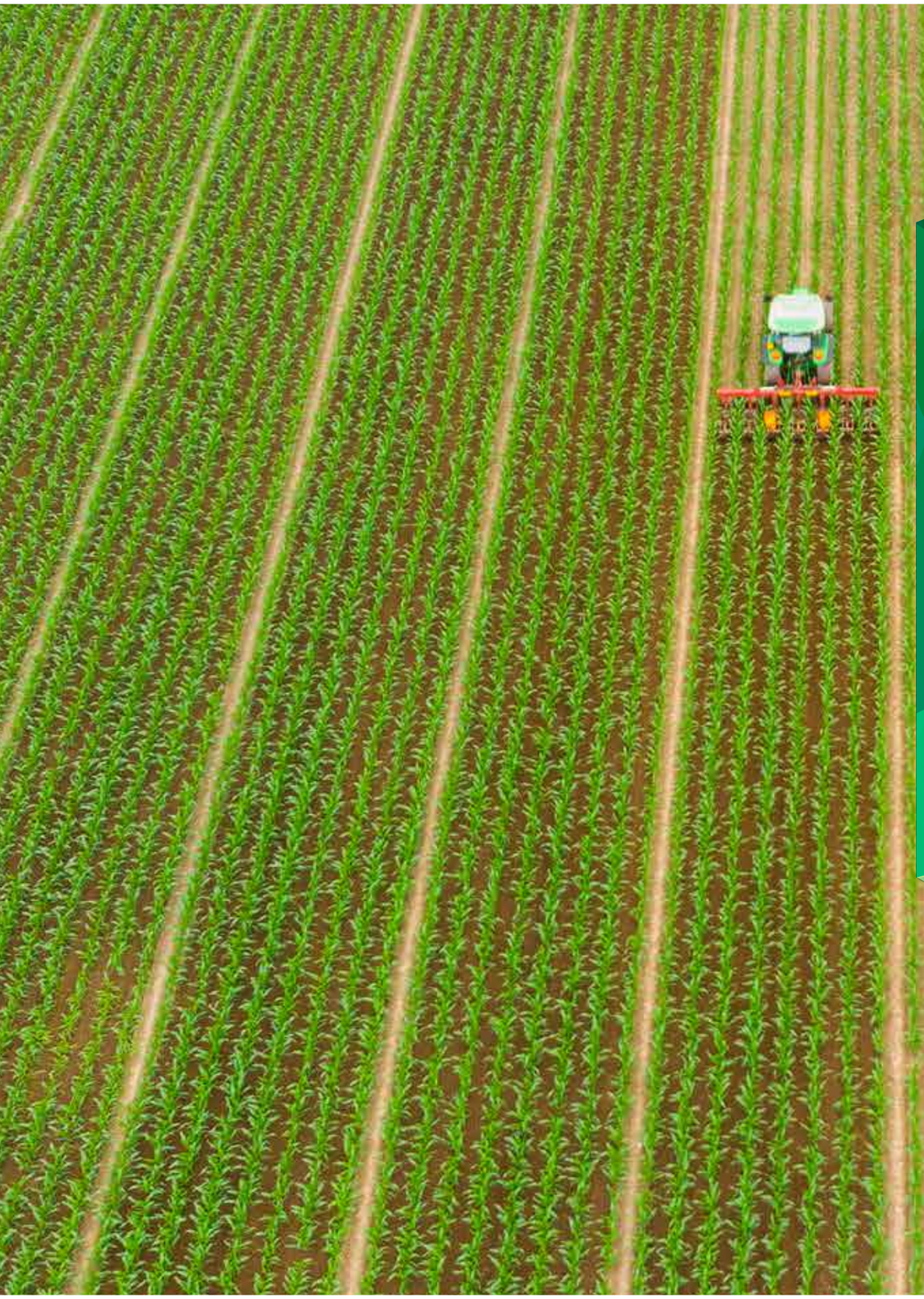
Chương trình "Tết ấm tình người" Xuân Tân Sửu: Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Vinaseed đã phối hợp với UBND quận Đống Đa, UBND phường Phương Mai, Phòng LĐTBXH quận trao tặng 120 suất quà Tết tri ân, trị giá 2 triệu đồng/ suất để báo hiếu các mẹ Việt Nam Anh Hùng, các gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Quận Đống Đa.

Sống trong cuộc đời cho đi là còn mãi, sống vì mọi người để tìm thấy hạnh phúc ở xung quanh. Những hoạt động tri ân của Tập đoàn Vinaseed góp phần lan tỏa yêu thương trong cộng đồng, để mỗi thành viên Vinaseed vượt lên chính mình, sống có trách nhiệm với đất nước, nghĩ đến mọi người xung quanh.

Bảng dữ liệu về xã hội năm 2020:

THÔNG TIN	THỰC HIỆN
GRI 400	
GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA	
Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	Không có
Số lần họp với cộng đồng xung quanh	◆ Họp với Ban quản lý KCN triển khai hoạt động Đầu tư: 02. ◆ Họp với Ủy ban ND quận (huyện), phường (xã), thôn (xóm) : 15. ◆ Họp trực tiếp với cộng đồng dân cư xung quanh: 2
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	
Liệt kê tên các chương trình từ thiện, cộng đồng	Hành trình hướng về miền Trung: hỗ trợ tại 5 địa phương là Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam với tổng cộng hơn 3.000 suất quà và 8 máy phun khử trùng Makita PM7650H. Tổng lượng hàng hóa cứu trợ này có trị giá gần 3 tỷ đồng. Chương trình "Tết ấm tình người" Xuân Tân Sửu: phối hợp với UBND quận Đống Đa, UBND phường Phương Mai, Phòng LĐTBXH quận trao tặng 120 suất quà Tết tri ân, trị giá 2 triệu đồng/suất để báo hiếu các mẹ Việt Nam Anh Hùng, các gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Quận Đống Đa.
Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương	Không có
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG	
Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	Các sản phẩm gạo và nông sản của công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn FSSC22000, HACCP, Global Gap, organic, được sản xuất chế biến trên hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị của Nhật, CHLB Đức, Đan Mạch, sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường Nhật Bản và EU. Công ty thực hiện mua bảo hiểm cho các đối tác, khách hàng đến làm việc tại trụ sở công ty.
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động	Không có
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU	
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	Không có
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	Không có
Liệt kê các tiêu chuẩn/ chứng nhận tự nguyện mà công ty đã đạt được	◆ Chứng nhận Global Gap sản phẩm dưa lưới ◆ Gạo sản xuất theo chứng nhận Quản lý an toàn thực phẩm FSSC22000 số IND.20.3880/FS/U/1, theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008 CAC/RCP1-1969 Rev.4-2003 (HACCP). ◆ Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2005; lĩnh vực: Sinh/ mã số VILAS 571.
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	
Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	Không có
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI	
Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	Không có

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Thông tin chung 120
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 125
Báo cáo Kiểm toán độc lập 126
Bảng cân đối kế toán hợp nhất 128
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 130
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 131
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 133

THÔNG TIN CHUNG



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty")là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG *(Tiếp theo)*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:



Bà Trần Kim Liên
Chủ tịch



Bà Nguyễn Thị Trà My
Thành viên



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Phó Chủ tịch



Ông Trần Đình Long
Thành viên



Ông Nguyễn Quang Trường
Thành viên



Ông Đỗ Bá Vọng
Thành viên



Ông Nguyễn Khánh Quỳnh
Thành viên
Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:



Ông Nguyễn Anh Tuấn
Trưởng Ban
Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020



Bà Nguyễn Thị Nga
Thành viên
Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020



Ông Đỗ Tiến Sỹ
Thành viên



Bà Vũ Thị Lan Anh
Trưởng Ban
Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020

THÔNG TIN CHUNG *(Tiếp theo)*

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:



Ông Nguyễn Quang Trường
Tổng Giám đốc
Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2020



Bà Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc
Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2020



Ông Đỗ Bá Vọng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hải Thọ
Phó Tổng Giám đốc



Ông Phạm Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Dương Quang Sáu
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty concho năm tài chínhkết thúcngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chínhphản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chínhhợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhấtvà tình hình lưu chuyển tiền tệhợp nhấtcủa Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công tyvà các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chínhhợp nhấtcủa Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhấtcủa Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhấtcho năm tài chínhkết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Quang Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 38331 5100
Fax: +84 24 38331 5090
ey.com

Số tham chiếu:
61201380/21043243 - HN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021và được trình bày từ trang 128 đến trang 165, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhấttạingày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtvà báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhấtcho năm tài chínhkết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhấtkèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1575-2018-004-1

Lê Hồng Vân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4432-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-DN/HN
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**866.660.178.922**	**858.445.488.392**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**5**	**262.078.958.511**	**307.787.170.377**
111	1. Tiền		181.231.809.816	193.787.170.377
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.847.148.695	114.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**5.800.000.000**	**4.470.205.700**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	636.162.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(165.956.300)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	5.800.000.000	4.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**276.656.206.110**	**253.957.909.355**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	239.664.328.277	218.628.690.535
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	28.840.522.119	28.605.521.649
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	10.438.487.517	10.370.625.140
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 8	(2.287.131.803)	(3.646.927.969)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**10**	**317.305.635.073**	**288.405.740.046**
141	1. Hàng tồn kho		327.355.176.889	299.509.594.341
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.049.541.816)	(11.103.854.295)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**4.819.379.228**	**3.824.462.914**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4.810.609.976	3.819.549.300
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.192.768	337.130
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.576.484	4.576.484
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**934.891.641.575**	**909.246.784.229**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**5.768.510.000**	**-**
216	1. 1. Phải thu dài hạn khác	**8**	5.768.510.000	-
220	**II. Tài sản cố định**		**775.071.444.860**	**458.606.524.821**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	556.121.556.999	255.708.152.019
222	Nguyên giá		829.170.072.990	488.640.887.803
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(273.048.515.991)	(232.932.735.784)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	218.949.887.861	202.898.372.802
228	Nguyên giá		250.912.385.393	230.066.923.623
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.962.497.532)	(27.168.550.821)
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**		**2.390.569.609**	**272.812.773.056**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.390.569.609	272.812.773.056
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**14**	**26.061.735.380**	**26.049.020.000**
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.061.735.380	26.049.020.000
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		125.599.381.726	151.778.466.352
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	19.522.071.192	21.569.002.305
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	29.3	5.906.564.441	3.735.044.808
268	3. Tài sản dài hạn khác		786.116.229	1.005.116.229
269	4. Lợi thế thương mại	15	99.384.629.864	125.469.303.010
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.801.551.820.497**	**1.767.692.272.621**

B01-DN/HN
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**600.108.588.251**	**639.112.532.008**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**534.533.569.944**	**544.620.534.624**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	88.936.507.795	107.328.489.913
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	58.825.224.669	51.250.853.615
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	8.169.485.601	9.558.203.789
314	4. Phải trả người lao động		47.796.454.069	32.045.487.639
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	12.086.090.154	12.542.515.165
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		15.863.000	186.417.600
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	142.041.964.897	118.681.044.701
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	20	147.668.649.224	180.115.294.942
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		28.993.330.535	32.912.227.260
330	**II. Nợ dài hạn**		**65.575.018.307**	**94.491.997.384**
337	1. Phải trả dài hạn khác		198.384.000	228.292.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	20	33.203.641.953	61.678.099.439
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	32.172.992.354	32.585.605.945
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.201.443.232.246**	**1.128.579.740.613**
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.201.443.232.246	1.128.579.740.613
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.869.880.000	175.869.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.000.000)	(50.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		427.620.050.949	396.858.632.148
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		188.686.201.576	148.966.207.884
421a	- (Lỗ)/lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.502.277.817	(26.140.715.896)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		185.183.923.759	175.106.923.780
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		78.071.571.871	75.689.492.731
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.801.551.820.497**	**1.767.692.272.621**

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.790.764.093.542	1.652.512.844.541
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	156.212.141.576	134.060.820.933
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	1.634.551.951.966	1.518.452.023.608
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	1.076.362.301.284	974.701.686.797
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		558.189.650.682	543.750.336.811
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	5.905.695.631	6.632.523.078
22	7. Chi phí tài chính	25	18.785.277.924	16.414.817.344
23	Trong đó: chi phí lãi vay		11.582.168.036	10.656.640.853
25	8. Chi phí bán hàng	26	154.594.657.313	133.719.448.289
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	176.218.069.780	159.721.451.736
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		214.497.341.296	240.527.142.520
31	11. Thu nhập khác	27	2.692.414.248	4.678.837.379
32	12. Chi phí khác	27	3.221.829.630	6.201.543.715
40	13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(529.415.382)	(1.522.706.336)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		213.967.925.914	239.004.436.184
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	21.736.599.700	29.796.455.206
52	16. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	29.3	(2.584.133.224)	1.749.352.930
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		194.815.459.438	207.458.628.048
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		190.204.235.245	201.900.142.972
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	4.611.224.193	5.558.485.076
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	10.823	10.339
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	10.823	10.339

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**213.967.925.914**	**239.004.436.184**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		73.976.784.464	60.711.212.299
03	Các khoản dự phòng		(2.609.972.945)	(1.314.194.371)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.732.036)	2.723.291
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.500.688.225)	(5.665.494.692)
06	Chi phí lãi vay	25	11.582.168.036	10.656.640.853
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**291.412.485.208**	**303.395.323.564**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(21.113.237.333)	(10.996.014.162)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		(27.845.582.548)	54.069.686.917
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		30.172.633.802	(6.856.272.328)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(10.210.530.413)	(11.380.079.281)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		636.162.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.790.278.585)	(10.242.791.270)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(23.542.354.582)	(32.936.133.062)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.985.671.357)	(53.192.073.264)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**173.733.626.192**	**231.861.647.114**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(102.503.179.044)	(249.037.640.548)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.126.665.453	548.745.488
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.200.000.000)	(8.050.000.000)
24	Tiền thu hồi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		3.400.000.000	6.450.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.288.251.204)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác		5.117.996.705	5.464.357.703
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.464.357.703	6.206.872.524
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(103.346.768.090)**	**(244.624.537.357)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

B02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(17.170.898.895)
33	Tiền thu từ đi vay		430.595.752.602	379.315.847.202
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(491.516.855.806)	(296.539.853.611)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(55.177.698.800)	(29.916.290.500)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(116.098.802.004)**	**35.688.804.196**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(45.711.943.902)**	**22.925.913.953**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**307.787.170.377**	**284.863.979.715**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		**3.732.036**	**(2.723.291)**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**262.078.958.511**	**307.787.170.377**

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty")là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Namvà có các đơn vị trực thuộc sau:

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020là 718 nhân viên(ngày 31 tháng 12 năm 2019: 684 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY *(Tiếp theo)*

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 6công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	TỶ LỆ LỢI ÍCH		TỶ LỆ BIỂU QUYẾT		ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM
		SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM		
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73%	80,73%	83,74%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	94%	94%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Ham	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
6	Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	98,92%	100%	100%	100%	Xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất kinh doanh hạt giống và nông sản.

(*)Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhấtđược trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Công ty thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	• giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	• giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty và các công ty con, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toánnăm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtkhi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và các công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5- 48 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3- 15 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Bản quyền	2 - 20 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49 năm
Tài sản cố định khác	5 - 25 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng để xây dựng công trình tại Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam được bù trừ với số tiền thuê đất Công ty phải trả trong thời gian thuê đất đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2064.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho công nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty và các công ty con được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con(VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo

nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứngkhi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho nămhiện hành và các nămtrước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các nămsau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toánvà phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán nămkhi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia

quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và các công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 1 tháng 11 năm 2019, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 7407342160 ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1402133347 ngày 1 tháng 11 năm 2019. Ngày 24 tháng 6 năm 2020, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 VND và chuyển từ công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ theo các giấy chứng nhận này bằng tiền và tài sản cố định với tổng giá trị là 231.000.000.000 VND, tương ứng 70% tỷ lệ sở hữu vào công ty này. Phần vốn còn lại cũng được góp đủ bởi Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (công ty con của Công ty) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	7.481.134.008	11.018.256.059
Tiền gửi ngân hàng	173.750.675.808	182.768.914.318
Các khoản tương đương tiền (*)	80.847.148.695	114.000.000.000
TỔNG CỘNG	**262.078.958.511**	**307.787.170.377**

(*)Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất 3,4% đến 4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: lãi suất từ 4,5% đến 5,5%/năm).

ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và hưởng lãi suất từ 5,1% đến 6,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 5,5% đến 6,8%/năm).

PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	48.866.034.519	62.257.500.000
Phải thu từ khách hàng khác	190.632.786.558	156.189.769.535
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	165.507.200	181.421.000
TỔNG CỘNG	**239.664.328.277**	**218.628.690.535**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.066.127.408)	(3.425.923.574)

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán	1.043.174.590	401.403.460
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	1.043.174.590	401.403.460
Trả trước cho nhà cung cấp khác	27.797.347.529	28.204.118.189
Ban Quản lý Dự án Khu Công nghiệp Hà Nam	-	2.000.000.000
Hợp tác xã Mỹ Đức	1.209.000.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Thạnh Trị	2.314.369.500	61.669.800
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	24.273.978.029	26.142.448.389
TỔNG CỘNG	**28.840.522.119**	**28.605.521.649**

PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	5.677.064.610	3.859.702.484
Bồi thường giải phóng mặt bằng	2.114.960.000	2.114.960.000
Ký cược, ký quỹ	228.192.936	1.877.300.000
Phải thu dự án	894.708.000	165.150.000
Phải thu khác	1.523.561.971	2.353.512.656
TỔNG CỘNG	**10.438.487.517**	**10.370.625.140**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(221.004.395)	(221.004.395)
Dài hạn		
Góp vốn hợp tác đầu tư (*)	5.768.510.000	-
TỔNG CỘNG	**5.768.510.000**	**-**

(*) Đây là khoản góp vốn đầu tư theo Hợp đồng cung cấp - khai thác - chuyển giao Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái số 01/2020/VINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty, Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam, công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần VINASOLAR Việt Nam và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/SOLAR-DT-VINARICE ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam và Công ty Cổ phần VINASOLAR.

NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

ĐỐI TƯỢNG NỢ	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đông Cửu	836.220.000	-	836.220.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông nghiệp Tài Lộc	736.969.000	-	736.969.000	-
Công ty Thương mại Dịch vụ Đăk Nông	605.937.458	-	605.937.458	-
Khách hàng khác	108.005.345	-	1.467.801.511	-
TỔNG CỘNG	**2.287.131.803**	**-**	**3.646.927.969**	**-**

HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG
Thành phẩm	273.297.886.119	(9.984.026.437)	251.588.071.376	(11.103.854.295)
Hàng hóa	13.795.714.051	-	12.367.710.866	-
Nguyên vật liệu	33.089.563.725	(65.515.379)	30.742.162.363	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.245.544.996	-	2.721.414.859	-
Công cụ, dụng cụ	1.126.467.998	-	2.090.234.877	-
Bất động sản hàng hóa	800.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	**327.355.176.889**	**(10.049.541.816)**	**299.509.594.341**	**(11.103.854.295)**

Toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được để tại kho tại xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp thuộc sở hữu Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Namvới giá trị là 17,9 tỷ đồngđã được sử dụng làm tài sản thế chấp của khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long như Thuyết minh số 20.1.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	11.103.854.295	8.557.515.971
Dự phòng trích lập trong năm (*)	9.707.626.218	10.680.653.657
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.761.938.697)	(8.134.315.333)
Số cuối năm	**10.049.541.816**	**11.103.854.295**

(*) Trong năm,Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống bị tồn kho quá vụ, không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	SỐ NĂM NAY	SỐ NĂM TRƯỚC
Ngắn hạn		
Chi phí bao bì, tem nhãn	2.412.924.362	2.683.919.097
Công cụ, dụng cụ	1.791.120.647	292.555.895
Chi phí sửa chữa, cải tạo	245.221.473	243.987.147
Khác	361.343.494	599.087.161
TỔNG CỘNG	**4.810.609.976**	**3.819.549.300**
Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam	9.571.443.142	-
Tiền thuê đất	5.872.615.469	17.845.269.577
Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.370.697.952	3.210.616.282
Công cụ, dụng cụ	707.314.629	513.116.446
TỔNG CỘNG	**19.522.071.192**	**21.569.002.305**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:						
Số đầu năm	292.456.107.019	135.690.689.975	50.160.856.146	5.271.332.364	5.061.902.299	488.640.887.803
Tăng trong năm	201.599.059.599	140.251.978.807	3.901.010.309	2.862.311.185	-	348.614.359.900
Thanh lý	-	(777.162.680)	(3.033.451.113)	-	-	(3.810.613.793)
Phân loại sang tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	(4.274.560.920)	(4.274.560.920)
Số cuối năm	494.055.166.618	275.165.506.102	51.028.415.342	8.133.643.549	787.341.379	829.170.072.990
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	43.506.581.906	49.599.206.127	20.713.590.971	3.601.713.809	160.000.000	117.581.092.813
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	116.272.677.364	81.564.678.956	29.587.834.777	4.700.194.874	807.349.813	232.932.735.784
Khấu hao trong năm	21.702.197.884	17.919.943.160	3.460.589.186	544.699.737	51.069.204	43.678.499.171
Thanh lý	-	(777.162.680)	(2.279.358.286)	-	-	(3.056.520.966)
Phân loại sang tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	(506.197.998)	(506.197.998)
Số cuối năm	137.974.875.248	98.707.459.436	30.769.065.677	5.244.894.611	352.221.019	273.048.515.991
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	176.183.429.655	54.126.011.019	20.573.021.369	571.137.490	4.254.552.486	255.708.152.019
Số cuối năm	356.080.291.370	176.458.046.666	20.259.349.665	2.888.748.938	435.120.360	556.121.556.999

Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với giá trị còn lại là 76,6 tỷ đồngđã được sử dụnglàm tài sản thế chấp cho khoản vay từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai như Thuyết minh 20.1.

Toàn bộ máy móc, thiết bị và phần giá trị gia tăng liên quan cùng với các quyền và lợi ích khác phát sinh liên quan đến máy móc, thiết bị thuộc Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp với giá trị còn lại là 313,7 tỷ đồngđã được sử dụnglàm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long nhưThuyết minh số 20.2.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	BẢN QUYỀN	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:					
Số đầu năm	212.393.172.799	3.085.150.824	14.588.600.000	-	230.066.923.623
Mua trong năm	-	423.000.000	4.881.500.000	-	5.304.500.000
Phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	11.266.400.850	-	-	-	11.266.400.850
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	4.274.560.920	4.274.560.920
Số cuối năm	223.659.573.649	3.508.150.824	19.470.100.000	4.274.560.920	250.912.385.393
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	919.650.520	1.644.378.824	9.536.600.000	-	12.100.629.344
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	14.282.938.067	1.981.846.062	10.903.766.692	-	27.168.550.821
Hao mòn trong năm	2.441.142.735	727.031.462	790.999.841	209.353.500	4.168.527.538
Phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	119.221.175	-	-	-	119.221.175
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	506.197.998	506.197.998
Số cuối năm	16.843.301.977	2.708.877.524	11.694.766.533	715.551.498	31.962.497.532
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	198.110.234.732	1.103.304.762	3.684.833.308	-	202.898.372.802
Số cuối năm	206.816.271.672	799.273.300	7.775.333.467	3.559.009.422	218.949.887.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bao gồm trong giá trị Quyền sử dụng đất là giá trị khu đất tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ("Khu đất Lê Văn Sỹ"). Đây là khu đất của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC"), một công ty con của Công ty, và đã được công ty này sử dụng một phần giá trị khu đất để góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil ("Cantavil") theo Hợp đồng Liên doanh ngày 3 tháng 9 năm 2014 và các phụ lục Hợp đồng Liên doanh sau đó được ký với Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon-Thủ Đức ("Daewon-Thủ Đức"). Giá trị còn lại của khu đất sẽ được Cantavil chi trả bằng tiền cho SSC. Bên cạnh đó, SSC cũng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong Cantavil cho Daewon-Thủ Đức và tiến độ của việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng này sẽ phụ thuộc vào các điều kiện được nêu tại hợp đồng chuyển nhượng cũng như một số điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành, SSC chưa ghi nhận việc bàn giao đất Khu đất Lê Văn Sỹ cho Cantavil cũng như chưa ghi nhận các lợi ích và chi phí liên quan từ việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM				SỐ ĐẦU NĂM			
	GIÁ GỐC (VND)	SỐ LƯỢNG (CỔ PHIẾU)	DỰ PHÒNG (VND)	GIÁ TRỊ GHI SỔ (VND)	GIÁ GỐC (VND)	SỐ LƯỢNG (CỔ PHIẾU)	DỰ PHÒNG (VND)	GIÁ TRỊ GHI SỔ (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Giống cây trồng Thái Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình)(i) (ii)	26.061.735.380	194.126	-	26.061.735.380	13.333.640.000	99.938	-	13.333.640.000
- Đơn vị khác (i) (iii)	-	-	-	-	12.715.380.000	94.188	-	12.715.380.000
TỔNG CỘNG	**26.061.735.380**		**-**	**26.061.735.380**	**26.049.020.000**		**-**	**26.049.020.000**

(i) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty sở hữu 19,49% cổ phần trong Công ty Cổ phần Tổng Công ty Giống cây trồng Thái Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình).

LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120	260.846.731.446
Số cuối năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120	260.846.731.446
Phân bổ lũy kế:				
Số đầu năm	23.901.378.553	1.096.196.778	110.379.853.105	135.377.428.436
Phân bổ trong năm	2.655.708.728	191.100.605	23.237.863.813	26.084.673.146
Số cuối năm	26.557.087.281	1.287.297.383	133.617.716.918	161.462.101.582
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	2.655.708.728	814.809.267	121.998.785.015	125.469.303.010
Số cuối năm	-	623.708.662	98.760.921.202	99.384.629.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Phải trả nhà thầu xây dựng	3.317.004.161	3.317.004.161	16.253.226.518	16.253.226.518
Phải trả cho người bán	85.619.503.634	85.619.503.634	91.075.263.395	91.075.263.395
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	36.135.697.602	36.135.697.602	56.889.980.209	56.889.980.209
- Phải trả đối tượng khác	49.483.806.032	49.483.806.032	34.185.283.186	34.185.283.186
TỔNG CỘNG	**88.936.507.795**	**88.936.507.795**	**107.328.489.913**	**107.328.489.913**

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức (*)	23.816.250.000	23.816.250.000
Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (*)	16.183.750.000	16.183.750.000
Người mua trả tiền trước khác	18.825.224.669	11.250.853.615
TỔNG CỘNG	**58.825.224.669**	**51.250.853.615**

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 13, đây là các khoản được Cantavil và Daewon - Thủ Đức trả trước cho Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các hợp đồng này chưa hoàn thành và các đối tác đang trong quá trình đàm phán điều chỉnh nội dung của các hợp đồng này.

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM	SỐ ĐÃ NỘP/BÙ TRỪ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Thuế giá trị gia tăng	785.013.326	1.903.026.339	(1.757.640.425)	930.399.240
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.149.098.541	21.923.721.083	(23.542.354.582)	6.530.465.042
Thuế thu nhập cá nhân	624.091.922	6.464.616.888	(6.457.965.051)	630.743.759
Thuế khác	-	6.132.495.367	(6.054.617.807)	77.877.560
TỔNG CỘNG	**9.558.203.789**	**36.423.859.677**	**(37.812.577.865)**	**8.169.485.601**

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí thuê đất	3.680.813.031	3.806.469.242
Chi phí mua bản quyền	3.200.737.000	3.791.710.521
Chi phí khuyến mãi, hoa hồng	1.353.037.921	2.505.781.556
Chi phí lãi vay phải trả	158.237.695	146.112.050
Chi phí phải trả khác	3.693.264.507	2.292.441.796
TỔNG CỘNG	**12.086.090.154**	**12.542.515.165**

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (*)	45.710.250.000	45.710.250.000
Cổ tức phải trả	44.812.669.310	27.875.928.110
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức (*)	14.289.750.000	14.289.750.000
Quỹ lương chưa thanh toán đã nộp thuế TNDN	14.327.390.751	15.060.819.802
Phải trả Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam cho Ban Quản lý dự án Khu công nghiệp Hà Nam	7.937.102.000	-
Hỗ trợ công tác xã hội	4.400.000.000	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	1.420.032.917	1.259.414.542
Chi phí phải trả - Các dự án lúa	812.507.198	1.790.279.520
Thù lao Hội đồng Quản trị	66.666.666	894.945.375
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	27.257.274	34.205.680
Phải trả lãi trái phiếu	-	5.382.098.630
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.938.342.031	4.083.356.292
TỔNG CỘNG	**142.041.964.897**	**118.681.044.701**
Trong đó:		
- Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)	35.196.767.500	21.118.060.500
- Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	106.845.197.397	97.562.984.201

(*) Đây là giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ và giá trị còn lại của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (mặc dù Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam chưa yêu cầu và Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam cũng không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận được số tiền này). Như được trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 16.2, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VAY VÀ NỢ

		SỐ ĐẦU NĂM		TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
		GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	TĂNG	GIẢM	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Vay ngắn hạn		***180.115.294.942***	***180.115.294.942***	***442.465.210.088***	***(474.911.855.806)***	***147.668.649.224***	***147.668.649.224***
Vay ngân hàng ngắn hạn	20.1	71.577.573.800	71.577.573.800	412.636.604.374	(358.685.528.950)	125.528.649.224	125.528.649.224
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	20.2	1.537.721.142	1.537.721.142	29.828.605.714	(9.226.326.856)	22.140.000.000	22.140.000.000
Trái phiếu phát hành ngắn hạn		100.000.000.000	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-	-
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả		7.000.000.000	7.000.000.000	-	(7.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn		***61.678.099.439***	***61.678.099.439***	***17.959.148.228***	***(46.433.605.714)***	***33.203.641.953***	***33.203.641.953***
Vay ngân hàng dài hạn	20.2	61.678.099.439	61.678.099.439	17.959.148.228	(46.433.605.714)	33.203.641.953	33.203.641.953
TỔNG CỘNG		**241.793.394.381**	**241.793.394.381**	**460.424.358.316**	**(521.345.461.520)**	**180.872.291.177**	**180.872.291.177**

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

TÊN NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	73.378.842.664	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18 tháng 6 năm 2021. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	5.996.940 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được sở hữu bởi Công ty.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	26.318.808.000	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 8 tháng 6 năm 2021. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.	Toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Namnhư Thuyết minh số 12.
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	25.830.998.560	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20 tháng 4năm 2021. Lãi trả hàng tháng.	Hàng hóa luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp thuộc sở hữu Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam như Thuyết minh số 10.
TỔNG CỘNG	**125.528.649.224**		

Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

TÊN NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	55.343.641.953	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 45 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 5 tháng 6 năm 2023. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Toàn bộ máy móc, thiết bị và phần giá trị gia tăng liên quan cùng với các quyền và lợi ích khác phát sinh liên quan đến máy móc, thiết bị thuộc Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp như Thuyết minh số 12.
TỔNG CỘNG	**55.343.641.953**		
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	22.140.000.000		
Vay dài hạn	33.203.641.953		

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	VỐN GÓP	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
Năm trước							
Số đầu năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	361.419.776.103	102.133.331.443	81.975.533.829	1.052.594.049.225
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	201.900.142.972	5.558.485.076	207.458.628.048
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ kiểm soát trong công ty con do công ty con mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(10.772.626.274)	(6.398.272.621)	(17.170.898.895)
Trích lập quỹ	-	-	-	57.851.196.332	(57.851.196.332)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(29.500.501.707)	(665.703.930)	(30.166.205.637)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(52.723.548.000)	(4.174.652.000)	(56.898.200.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(5.461.808.741)	(339.587.674)	(5.801.396.415)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(22.412.340.287)	-	(252.154.855)	(22.664.495.142)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	1.242.414.523	(14.155.094)	1.228.259.429
Số cuối năm	**175.869.880.000**	**331.245.527.850**	**(50.000.000)**	**396.858.632.148**	**148.966.207.884**	**75.689.492.731**	**1.128.579.740.613**
Năm nay							
Số đầu năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	361.419.776.103	102.133.331.443	81.975.533.829	1.052.594.049.225
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	201.944.682.972	5.558.485.076	207.503.168.048
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ kiểm soát trong công ty con do công ty con mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(10.772.626.274)	(6.398.272.621)	(17.170.898.895)
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	57.851.196.332	(57.851.196.332)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(29.500.501.707)	(665.703.930)	(30.166.205.637)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(52.723.548.000)	(4.174.652.000)	(56.898.200.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(5.461.808.741)	(339.587.674)	(5.801.396.415)
Sử dụng quỹ (**)	-	-	-	(22.412.340.287)	-	(252.154.855)	(22.664.495.142)
Khác	-	-	-	-	1.241.959.483	(14.155.094)	1.228.259.429
Số cuối năm	**175.869.880.000**	**331.245.527.850**	**(50.000.000)**	**396.858.632.148**	**148.966.207.884**	**75.689.492.731**	**1.128.579.740.613**

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 và năm 2020 được thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty và các công ty con.

(**) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	TỔNG SỐ	CỔ PHIẾU THƯỜNG	TỔNG SỐ	CỔ PHIẾU THƯỜNG
Vốn góp	175.869.880.000	175.869.880.000	175.869.880.000	175.869.880.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần PAN FARM	140.787.070.000	140.787.070.000	140.787.070.000	140.787.070.000
Các cổ đông khác	35.082.810.000	35.082.810.000	35.082.810.000	35.082.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	331.245.527.850	331.245.527.850
TỔNG CỘNG	**507.115.407.850**	**507.115.407.850**	**507.115.407.850**	**507.115.407.850**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Vốn đã góp		
Số đầu năm	175.869.880.000	175.869.880.000
Số cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	70.298.064.000	52.723.548.000
Cổ tức cho năm 2019: 4.000 đồng/cổ phiếu	70.298.064.000	-
Cổ tức cho năm 2018: 3.000 đồng/cổ phiếu	-	52.723.548.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	52.723.548.000	26.361.774.000
Cổ tức cho năm 2019: 1.500 đồng/cổ phiếu	26.361.774.000	-
Cổ tức cho năm 2018: 1.500 đồng/cổ phiếu	26.361.774.000	26.361.774.000

Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	CỔ PHIẾU	CỔ PHIẾU
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.586.988	17.586.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	17.586.988	17.586.988
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	12.472	12.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông	17.574.516	17.574.516
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2019: 10.000 đồng/cổ phiếu)

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Mã chứng khoán: NSC). Theo Nghị quyết số 09/NQ-VINASEED-HĐQT ngày 12 tháng 3 năm 2021, Hội đồng quản trị của Công ty thông qua quyết định chuyển giao dịch cổ phiếu niêm yết của Công ty từ Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo hướng dẫn tại Công văn số 713/UBCK-PTTT ngày 3 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước (VND)	-	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ Nhà nước (VND)	61.497.654.000	217.737.436.318
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	89.008	25.158
- Euro (EUR)	64.230	170
- Nhân dân tệ (CNY)	170	80.316
Nợ khó đòi đã xử lý	10.579.960.982	9.973.777.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng doanh thu	1.790.764.093.542	1.652.512.844.541
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.784.694.298.967	1.647.713.527.366
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.069.794.575	4.799.317.175
Các khoản giảm trừ doanh thu	156.212.141.576	134.060.820.933
Chiết khấu thương mại	69.476.804.370	50.166.139.769
Hàng bán bị trả lại	84.716.973.090	82.389.436.824
Giảm giá hàng bán	2.018.364.116	1.505.244.340
Doanh thu thuần	1.634.551.951.966	1.518.452.023.608
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.628.482.157.391	1.513.652.706.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.069.794.575	4.799.317.175
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba	1.632.206.506.706	1.516.782.814.008
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.345.445.260	1.669.209.600

Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi	3.213.416.334	3.592.004.410
Cổ tức được chia	1.914.699.265	1.914.744.794
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	669.935.015	1.007.258.044
Doanh thu tài chính khác	107.645.017	118.515.830
TỔNG CỘNG	**5.905.695.631**	**6.632.523.078**

GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	1.077.416.613.763	972.155.348.473
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần	(1.054.312.479)	2.546.338.324
TỔNG CỘNG	**1.076.362.301.284**	**974.701.686.797**

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	11.582.168.036	10.656.640.853
Chiết khấu thanh toán	5.763.446.047	4.235.123.866
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.357.200.763	1.513.787.296
Hoàn nhậpdự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(14.109.800)
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	59.545.700	-
Chi phí khác	22.917.378	23.375.129
TỔNG CỘNG	**18.785.277.924**	**16.414.817.344**

CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí tiền lương	43.121.788.521	44.957.921.948
- Chi phí vận chuyển	36.320.004.998	29.082.273.071
- Chi phí khấu hao	7.862.574.346	3.442.766.362
- Chi phí bán hàng khác	67.290.289.448	56.236.486.908
TỔNG CỘNG	**154.594.657.313**	**133.719.448.289**
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí tiền lương	89.350.203.597	75.612.166.042
- Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	26.084.673.146	26.084.673.146
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	60.783.193.037	58.024.612.548
TỔNG CỘNG	**176.218.069.780**	**159.721.451.736**

THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập khác	2.692.414.248	4.678.837.379
Cho thuê văn phòng	-	2.239.538.508
Thanh lý tài sản cố định	372.572.626	476.096.488
Cho thuê kho	300.922.182	300.922.182
Thu nhập khác	2.018.919.440	1.662.280.201
Chi phí khác	3.221.829.630	6.201.543.715
Hỗ trợ người nông dân	892.549.095	3.826.821.600
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	914.821.961	807.686.024
Lỗ từ thanh lý tài sản	-	317.351.000
Lãi phạt chậm nộp thuế	14.131.492	216.336.114
Chi phí khác	1.400.327.082	1.033.348.977
LỖ KHÁC THUẦN	(529.415.382)	(1.522.706.336)
(LỖ)/LỢI NHUẬN THUẦN	**(1.522.706.336)**	**773.067.605**

CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	990.274.082.116	820.344.016.261
Chi phí nhân công	173.894.683.884	165.698.219.208
Chi phí khấu hao và hao mòn	73.976.784.464	60.711.212.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.661.429.111	108.505.619.253
Chi phí khác	66.029.996.867	56.119.647.936
TỔNG CỘNG	1.432.836.976.442	1.211.378.714.957

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

(i) (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;

(ii) (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm đầu và giảm 50% trong 9năm tiếp theo; và

(iii) (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các công ty con

Thuế suất thuế TNDN của Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty, là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu. Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 7407342160, thay đổi lần 3 ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con khác là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.327.306.142	29.796.455.206
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	409.293.558	-
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.584.133.224)	1.749.352.930
TỔNG CỘNG	**19.152.466.476**	**31.545.808.136**

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	213.967.925.914	239.004.436.184
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con		
Hoạt động khoa học và công nghệ: 5%	7.396.568.457	9.018.114.563
Hoạt động khác: 20%	15.007.879.507	27.651.798.926
Các khoản điều chỉnh		
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất kinh doanh	(599.981.153)	(451.918.728)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	409.293.558	-
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	738.611.902	549.806.175
Chi phí phải trả và các chênh lệch khác	-	13.029.083
Cổ tức được chia	(2.692.941.125)	(5.235.021.883)
Thuế TNDN được miễn giảm	(1.106.964.671)	-
Chi phí thuế TNDN	19.152.466.475	31.545.808.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí phải trả	4.671.057.311	2.929.722.999	1.741.334.312	(2.109.801.859)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	685.881.956	443.064.198	242.817.758	(91.469.799)
Lợi nhuận chưa thực hiện	528.962.601	341.595.038	187.367.563	41.014.995
Giao dịch bán tài sản nội bộ	20.662.573	20.662.573	-	-
	5.906.564.441	3.735.044.808	2.171.519.633	(2.160.256.663)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh	32.172.992.354	32.585.605.945	412.613.591	410.903.733
	32.172.992.354	32.585.605.945	412.613.591	410.903.733
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			2.584.133.224	(1.749.352.930)

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

CÁC BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng, vật tư	2.335.224.960	1.669.209.600
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức bằng tiền	42.236.121.000	21.118.060.500
		Cổ tức công bố	56.314.828.000	-
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Thu nhập từ cho thuê văn phòng	300.922.182	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao	Bán hàng, vật tư	10.220.300	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty và các công ty con cho các bên liên quan vay, bán hàng cũng như mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2019: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

CÁC BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dung PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng, vật tư	-	181.421.000
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng, vật tư	165.507.200	-
			165.507.200	**181.421.000**
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	35.196.767.500	21.118.060.500
			35.196.767.500	**21.118.060.500**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lương và các chi phí liên quan	10.067.235.130	12.359.317.963
	10.067.235.130	12.359.317.963

LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	190.204.235.245	201.900.142.972
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(20.190.014.297)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	190.204.235.245	181.710.128.675
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.574.516	17.574.516
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	17.574.516	17.574.516
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh để cho các yếu tố suy giảm	17.574.516	17.574.516
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.823	10.339
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.823	10.339

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2019 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 35/NQ-ĐHCĐ2020 ngày 22 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2020khôngđược điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợido chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

CÁC CAM KẾT

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đến 1 năm	4.820.615.891	7.671.627.109
Trên 1 - 5 năm	4.554.783.262	10.520.013.193
Trên 5 năm	57.610.738.238	20.696.789.710
TỔNG CỘNG	**66.986.137.391**	**38.888.430.012**

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nămyêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Như Quỳnh	**Phan Thế Tý**	**Nguyễn Quang Trường**

Ngày 29 tháng 3 năm 2020

VINASEED®

A MEMBER OF THE PAN GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

VIETNAM NATIONAL SEED GROUP JSC.
Trụ sở chính: Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.
Số điện thoại: (84) 24 38523294 - Fax: (84) 24 38527996
Email: nsc@vinaseed.com.vn
Website: www.vinaseed.com.vn